

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ ÁNH

**CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ VIỆC LÀM ĐÓI VỚI
PHỤ NỮ KHUYẾT TẬT TẠI HUYỆN SÓC SƠN,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

HÀ NỘI - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ ANH

**CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ VIỆC LÀM ĐỐI VỚI
PHỤ NỮ KHUYẾT TẬT TẠI HUYỆN SÓC SƠN,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Công Tác Xã Hội

Mã số : 60900101

LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. BÙI TÔN HIỂN

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng luận văn Thạc sĩ Công tác xã hội với đề tài: “Công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với phụ nữ khuyết tật tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội” là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi, được thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của TS. Bùi Tôn Hiến.

Các số liệu, kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn là trung thực, được trích nguồn và trích dẫn đầy đủ.

Tôi xin chịu trách nhiệm về nghiên cứu của mình.

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình nghiên cứu, tôi đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ của các thầy cô, gia đình và bạn bè.

- Lời cảm ơn sâu sắc nhất, tôi xin gửi tới TS. Bùi Tôn Hiến- một người thầy, một trong những chuyên gia hàng đầu về CTXH. Tôi đã học được ở thầy rất nhiều, từ phương pháp, tư duy nghiên cứu đến thái độ làm việc và hơn cả là đam mê cống hiến cho ngành Giáo dục.

- Tôi vô cùng biết ơn Bà Đinh Thị Quỳnh Nga, Thư ký Hội NKT huyện Sóc Sơn, Chủ nhiệm CLB Phụ nữ khuyết tật huyện Sóc Sơn, giám đốc HTX Trái tim hồng. Thời gian làm việc với bà đã giúp tôi có nhiều kiến thức và trưởng thành hơn rất nhiều.

- Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các thầy cô, cán bộ Khoa sau đại học và Khoa Công tác xã hội trường Đại học Lao động xã hội, những người đã cho tôi hành trang tri thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp.

- Tôi xin trân trọng cảm ơn tới các sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để chúng tôi hoàn thành việc thu thập số liệu phục vụ luận văn này. Đồng thời tôi cũng xin gửi lời cảm ơn tới các anh chị, các bạn tình nguyện viên đã tham gia vào quá trình khảo sát trong nghiên cứu này.

- Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn tới những người thân, bạn bè đã luôn quan tâm, giúp đỡ tôi trong suốt quá trình thực hiện đề tài này.

Tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý thầy cô, các nhà khoa học, các anh chị đồng nghiệp để tôi hoàn thiện những thiếu sót của luận văn.

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	IV
DANH MỤC BẢNG	V
DANH MỤC BIỂU ĐỒ	VI
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Tổng quan nghiên cứu.....	3
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	11
4. Đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu	11
5. Phương pháp nghiên cứu	12
6. Nội dung đề tài.....	13
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ VIỆC LÀM ĐỐI VỚI PHỤ NỮ KHUYẾT TẬT	14
1.1. Các khái niệm, thuật ngữ cơ bản liên quan	14
1.1.1. Khái niệm công tác xã hội	14
1.1.2. Khái niệm người khuyết tật	14
1.1.3. Khái niệm phụ nữ khuyết tật.....	16
1.1.4. Khái niệm công tác xã hội với người khuyết tật.....	16
1.1.5. Khái niệm việc làm.....	17
1.1.6. Khái niệm hỗ trợ việc làm	18
1.1.7. Khái niệm công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm.....	19
1.2. Đặc điểm của phụ nữ khuyết tật và việc làm.....	20
1.2.1. Các đặc điểm của phụ nữ khuyết tật	20
1.2.2. Các đặc điểm về việc làm của phụ nữ khuyết tật.....	25
1.3. Các hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT....	27
1.3.1. Hỗ trợ nâng cao năng lực cá nhân hướng tới việc làm của phụ nữ khuyết tật.....	28
1.3.2. Hỗ trợ tiếp cận giáo dục nghề nghiệp.....	31

1.3.3. Tiếp cận và duy trì, phát triển việc làm.....	33
1.3.4. Hỗ trợ tự tạo việc làm.....	35
1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với phụ nữ khuyết tật	36
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	43
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ VIỆC LÀM ĐỐI VỚI PHỤ NỮ KHUYẾT TẬT TẠI HUYỆN SÓC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	44
2.1. Khái quát về địa bàn và khách thể nghiên cứu.....	44
2.1.1. Khái quát về địa bàn	44
2.1.2. Khái quát về phụ nữ khuyết tật huyện Sóc Sơn.....	46
2.1.3. Lao động việc làm và vấn đề việc làm của phụ nữ khuyết tật	50
2.2. Thực trạng hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.....	66
2.2.1. Hỗ trợ nâng cao năng lực cá nhân hướng tới việc làm của PNKT	66
2.2.2. Hỗ trợ tiếp cận giáo dục và dạy nghề.....	76
2.2.3. Tiếp cận và duy trì, phát triển việc làm.....	78
2.2.4. Hỗ trợ tự tạo việc làm.....	80
2.3. THỰC TRẠNG MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ VIỆC LÀM CỦA PHỤ NỮ KHUYẾT TẬT HUYỆN SÓC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....	83
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	86
CHƯƠNG 3 GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ VIỆC LÀM ĐỐI VỚI PHỤ NỮ KHUYẾT TẬT TẠI HUYỆN SÓC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	87
3.1. Định hướng hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với phụ nữ khuyết tật tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.....	87
3.1.1. Bối cảnh và định hướng phát triển của huyện Sóc Sơn	87

III

3.1.2. Định hướng về công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.....	88
3.2. Các giải pháp phát triển công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.....	88
3.2.1. Các giải pháp về cơ chế, chính sách.....	88
3.2.2. Giải pháp phát triển giáo dục, dạy nghề cho phụ nữ khuyết tật.....	93
3.2.3. Phát triển công tác xã hội trong hỗ trợ PNKT tiếp cận, tự tạo việc làm và duy trì, phát triển việc làm	97
3.2.4. Tăng cường hoạt động công tác xã hội đối với gia đình, cộng đồng....	99
3.2.5. Nhóm giải pháp nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ nhân viên, công tác viên công tác xã hội	100
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	103
KẾT LUẬN CHUNG	104
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	105

IV

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CTXH	Công tác xã hội
ILO	Tổ chức lao động quốc tế
IDEA	Ban hành động vì sự phát triển hòa nhập vì người khuyết tật
KT	Khuyết tật
KS	Khảo sát
LĐTBXH	Lao động thương binh xã hội
NKT	Người khuyết tật
NVCTXH	Nhân viên công tác xã hội
PNKT	Phụ nữ khuyết tật
TP	Thành phố
VCCI	Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.2. Trình độ học vấn của người khuyết tật huyện Sóc Sơn năm 2016.	49
Bảng 2.3. Dạng khuyết tật của PNKT huyện Sóc Sơn	50
Bảng 2.4. Lý do chưa tham gia đào tạo nghề của PNKT huyện Sóc Sơn	54
Bảng 2.5. Tình trạng việc làm của PNKT huyện Sóc Sơn năm 2017.	55
Bảng 2.6. Nghề nghiệp của PNKT huyện Sóc Sơn năm 2017.....	56
Bảng 2.7. Khó khăn của PNKT đang đi làm tại huyện Sóc Sơn.....	57
Bảng 2.8. Biện pháp khắc phục khó khăn trong vấn đề việc làm của PNKT huyện Sóc Sơn	64

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1: Cơ cấu giới tính NKT huyện Sóc Sơn năm 2016	46
Biểu đồ 2.2: Mức độ khuyết tật của PNKT huyện Sóc Sơn năm 2016	48
Biểu đồ 2.3: Tình trạng hôn nhân của PNKT huyện Sóc Sơn năm 2017	51
Biểu đồ 2.4: Trình độ văn hóa của PNKT huyện Sóc Sơn năm 2017	52
Biểu đồ 2.5: Trình độ chuyên môn của PNKT tại huyện Sóc Sơn	53
Biểu đồ 2.6. Mức độ hợp lý việc thực hiện chính sách cho lao động nữ KT tại cơ sở cung cấp việc làm tại huyện Sóc Sơn	58
Biểu đồ 2.7: Mức độ hài lòng với công việc hiện tại của PNKT huyện Sóc Sơn.....	59
Biểu đồ 2.8. Mức độ hài lòng với điều kiện làm việc của công việc hiện tại của PNKT huyện Sóc Sơn	60
Biểu đồ 2.9. Nhu cầu hỗ trợ khắc phục khó khăn trong vấn đề việc làm của PNKT huyện Sóc Sơn	65
Biểu đồ 2.10. Biểu đồ mức độ sử dụng dịch tư vấn, tham vấn của PNKT.....	74
huyện Sóc Sơn	74

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Công tác xã hội là một ngành khoa học ứng dụng có lịch sử hình thành và phát triển hơn 100 năm trên thế giới. Tuy nhiên, tại Việt Nam do biến cố của lịch sử, sự hình thành và phát triển của Công tác xã hội có nhiều thăng trầm, vì vậy, những năm gần đây ngành mới được sự công nhận của Chính phủ thông qua đề án 32 "Phát triển nghề công tác xã hội". Công tác xã hội hướng tới sự trợ giúp con người trong cuộc sống, nhất là những nhóm đối tượng dễ bị tổn thương bằng các mô hình can thiệp từ cá nhân, đến nhóm và cộng đồng, công tác xã hội thể hiện được vai trò quan trọng trong đời sống xã hội nhất là trong xã hội hiện đại, xã hội công nghiệp dịch vụ. Trong xã hội ngày nay, đối tượng trợ giúp của công tác xã hội tương đối đa dạng. Nhiều đối tượng yếu thế đang rất cần sự giúp đỡ, động viên, chia sẻ của tất cả cộng đồng cũng như của công tác xã hội.

Người khuyết tật là một trong số những đối tượng dễ bị tổn thương cần sự trợ giúp của công tác xã hội. Công tác xã hội có sứ mệnh vận dụng linh hoạt những kiến thức và kỹ năng để tiếp cận đối tượng, lập kế hoạch trợ giúp và giúp đối tượng người khuyết tật tiếp cận với các cơ sở dịch vụ hỗ trợ một cách bền vững.

Gía trị nhân văn và kinh tế khi NKT có việc làm dường như không thể phủ nhận. Đối với người khuyết tật, đứng sau vấn đề sức khỏe là việc làm bởi nó không chỉ góp phần đảm bảo cuộc sống mà nó còn là cánh cửa mở ra các cơ hội hòa nhập cộng đồng, giảm bớt gánh nặng cho xã hội, góp phần cải thiện vị thế, và tăng cường tính trách nhiệm xã hội cho NKT. NKT muốn duy trì sự phát triển, ổn định cần có việc làm phù hợp...

Thực tế, vì nhiều lý do khác nhau mà NKT vẫn còn gặp nhiều khó khăn khi tìm việc như: Sức khỏe yếu, trình độ tay nghề chưa cao, chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp tuyển dụng NKT làm việc còn nhiều hạn chế. Là phụ nữ đã

là phái yếu, lại mang theo bên mình những khiếm khuyết, PNKT gặp nhiều rào cản và chịu nhiều thiệt thòi hơn cả trong vấn đề việc làm.

Trong thời điểm hiện nay, dưới tác động của khủng hoảng kinh tế, để đáp ứng nhu cầu việc làm cho mọi công dân trong xã hội đã là một vấn đề lớn. Người lành lặn tìm được việc làm đã khó, NKT tìm việc làm còn khó hơn. Và đặc biệt là phụ nữ khuyết tật lại càng bức thiết hơn.

Công tác dạy nghề, tạo việc làm cho NKT nói chung và PNKT nói riêng tại huyện Sóc Sơn Hà Nội còn nhiều khó khăn: Phần lớn chị em NKT chưa có công ăn việc làm, đời sống khó khăn và đa phần thuộc hộ nghèo. Tỷ lệ PNKT không có việc làm, trình độ học vấn còn hạn hẹp, nhiều hội viên còn tự ti chưa hòa nhập với cộng đồng.

Luận văn "***Công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội***" nhằm đề ra các giải pháp thúc đẩy hoạt động công tác xã hội đối với vấn đề việc làm của phụ nữ khuyết tật tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội; hướng đến: một ngày nào đó, tất cả NKT sẽ được bình đẳng về cơ hội tham gia và đóng góp cho sự phát triển của đất nước; giúp cá nhân-cộng đồng PNKT đủ sức mạnh, chủ động, tự tin, hội nhập- hòa nhập, tự giúp bản thân, tự lập cuộc sống, tự khẳng định bản thân, giúp PNKT định hướng nghề nghiệp và tạo cầu nối giúp PNKT tìm được việc làm.

Tại địa bàn huyện Sóc Sơn đã nổi lên các nhu cầu, mô hình việc làm cho PNKT và đang rất quan tâm cũng như cần có một nghiên cứu về vấn đề việc làm của PNKT để thúc đẩy, phát triển hoạt động hỗ trợ PNKT trên địa bàn tốt hơn.

Do vậy, nghiên cứu: ***CTXH trong hỗ trợ việc làm đối với phụ nữ khuyết tật tại huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội*** là hoàn toàn thiết thực và cần thiết, phù hợp với bối cảnh chiến lược và chính sách của địa phương.

2. Tổng quan nghiên cứu

Ở các quốc gia công nghiệp, cuối thế kỷ trước, vấn đề việc làm cho người khuyết tật được hiểu và nhìn nhận nhiều từ góc độ phúc lợi từ. Trong nhìn nhận theo khía cạnh này, khuyết tật được hiểu dựa trên hai mô hình: y học và thảm kịch. Mô hình đầu nhấn mạnh vấn đề khuyết tật là do vấn đề bệnh tật của cá nhân và điều này đôi khi được điều chỉnh thông qua sự can thiệp y tế và chữa trị. Qua đó, từ quan điểm này người khuyết tật luôn được nhìn nhận là có vai trò phụ thuộc và thiếu hụt khả năng về thể chất và tinh thần. Mô hình sau đề cập đến những quan điểm đối lập lại khi cho rằng một người bị khuyết tật thì đáng được thông cảm do đó cách tốt nhất để mọi người giúp đỡ người khuyết tật chính là việc quyên góp từ thiện để giúp đỡ họ trong cuộc sống. Cách nhìn này cũng dẫn tới việc xem xét người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc cũng như tự thay đổi cuộc sống của bản thân. Cả hai mô hình này đều nhấn mạnh và quan tâm nhiều đến khía cạnh hệ quả của khuyết tật và làm tách rời họ ra khỏi xã hội.

Hai cách hiểu này về vấn đề khuyết tật đang dần được thay bởi mô hình xã hội về vấn đề khuyết tật. Quan điểm này cho rằng ngoài những điều kiện khó khăn về mặt cá nhân, người khuyết tật bị hạn chế tham gia vấn đề việc làm do chính xã hội tạo nên các rào cản như vậy từ góc độ tạo các dịch vụ về giáo dục, đào tạo nghề và tuyển dụng. Cách nhìn này mang tính cởi mở hơn về khía cạnh việc làm cho người khuyết tật ở các hai phía người khuyết tật và phía xã hội. Cách tiếp cận này đã được phát triển cùng với các quan điểm về nhân quyền, về phúc lợi xã hội và dịch vụ xã hội đang được áp dụng rộng rãi khi nghiên cứu về vấn đề người khuyết tật. Từ cách hiểu chung về vấn đề khuyết tật, hiện các nghiên cứu về việc làm cho người khuyết tật và hướng thúc đẩy hòa nhập xã hội cho người khuyết tật được nhìn nhận từ hai góc độ chủ yếu: quyền của người khuyết tật và mô hình dịch vụ về vấn đề việc làm.

Cách tiếp cận về quyền đối với vấn đề việc làm cho người khuyết tật:

Một số nghiên cứu gần đây về hệ thống pháp luật cho thấy hiện đang có sự thay đổi về mặt nhận thức về việc làm và khuyết tật. Trước đây, các quan điểm cho rằng tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm của người khuyết tật có mối quan hệ chặt chẽ và trên thực tế là hậu quả không tránh khỏi của sự sút kém về tinh thần và thể chất của những người khuyết tật (mô hình nhận thức dựa trên quan điểm y tế, quan điểm cá nhân về vấn đề khuyết tật). Nhưng tới ngày nay, nhiều quan điểm cho rằng nguyên nhân chính của những bất lợi về góc độ việc làm của người khuyết tật đang phải đổi mặt cũng như những vấn đề về sự tách biệt xã hội trong cuộc sống của người khuyết tật là do những phản ứng tiêu cực của xã hội, những rào cản về mặt nhận thức của xã hội cũng như những rào cản khó tiếp cận của cơ sở hạ tầng xã hội (mô hình xã hội về vấn đề khuyết tật). Ở một góc độ nào đó, chính sách xã hội và pháp luật xã hội đang tạo ra những rào cản như vậy. Cách tiếp cận về quyền của người khuyết tật với vấn đề việc làm nhấn mạnh nhiều đến việc thực thi các quan điểm pháp lý liên quan. Các quan điểm pháp lý này được thể hiện trong hệ thống các văn bản luật, chính sách ở cấp độ quốc tế và quốc gia. Ở cấp độ luật pháp quốc tế, Tuyên bố chung về vấn đề nhân quyền, các chuẩn mực lao động cơ bản của Tổ chức lao động thế giới được thông qua năm 1958 và gần đây được điều chỉnh với sự phê chuẩn của 163 quốc gia thành viên của Tổ chức lao động thế giới và Công ước về Quyền của người khuyết tật năm 2006 được xem là những công cụ pháp lý quan trọng cho các quốc gia trên toàn thế giới thực hiện.

Trong khuôn khổ các hoạt động đẩy mạnh vấn đề việc làm cho người khuyết tật, Tổ chức Lao động thế giới luôn xây dựng các chiến lược nhằm đẩy mạnh sự công bằng xã hội và xây dựng các mô hình việc làm phù hợp cho người khuyết tật, điều này cũng được xem như là các khía cạnh về tiếp cận nhân quyền vì các định hướng này nhằm tạo được sự đối xử bình đẳng và tạo

các cơ hội bình đẳng ở nơi làm việc, sự tự do xây dựng hội đoàn, đề cập đến các vấn đề về lao động trẻ em, sự phân biệt đối xử dựa trên vấn đề khuyết tật.

Công ước về quyền của người khuyết tật năm 2006 được coi là công cụ pháp lý cao nhất hiện nay đề cập đến các vấn đề chung của người khuyết tật. Ở lĩnh vực việc làm, Công ước có ghi nhận các quyền của người khuyết tật ở các khía cạnh về đào tạo nghề, cơ hội làm việc, thúc đẩy mô hình tự tạo việc làm, khả năng lựa chọn cơ hội việc làm cũng như những yêu cầu về việc tạo dựng môi trường dễ hòa nhập, không rào cản cho người lao động là khuyết tật. Đây chính là cách thức chống lại vòng đời nghèo luẩn quẩn của người khuyết tật.

Các quốc gia khác nhau đều có hệ thống các bộ luật và các hiệp định cam kết thúc đẩy vấn đề quyền của người khuyết tật, điều quan trọng mà các nhà nghiên cứu quan tâm đó chính là các hệ thống luật này được thực hiện ra sao. Để đảm bảo việc thực hiện có hiệu quả các vấn đề về quyền của người khuyết tật trong lĩnh vực việc làm đòi hỏi sự tham gia tích cực của hệ thống quản lý nhà nước, người tuyển dụng lao động, người lao động và các tổ chức của người khuyết tật. Việc áp dụng các quyền cần dựa trên các nguyên tắc về sự phù hợp giữa quyền và trách nhiệm, do đó khi một cá nhân khuyết tật có quyền yêu cầu thì các tổ chức cũng có trách nhiệm đảm bảo thực hiện các quyền về yêu cầu đó. Đây là nguyên tắc hướng đến lượng giá được quyền nào đang tồn tại trong cuộc sống. Để xác định được các vấn đề luật pháp được thực hiện như thế nào, Tổ chức Lao động quốc tế cho rằng cần có các hoạt động giám sát và theo dõi từ chính các doanh nghiệp, cơ sở lao động. Các báo cáo đánh giá về môi trường làm việc cũng là nguồn thông tin quan trọng cho vấn đề này, ngoài ra cần xem xét các đánh giá giữa kỳ, thường xuyên, các báo cáo của các cơ quan quản lý và thậm chí nguồn thông tin phản ánh trên báo chí.

Trong việc xem xét tiếp cận lao động cho người khuyết tật ở góc độ quyền con người, năm 1997 Mạng lưới Thông tin và Nghiên cứu ứng dụng về khuyết tật toàn cầu (Thornton & Lunt 1997) đã tiến hành đánh giá chính sách ở 18 quốc gia phát triển trên thế giới để có cách nhìn chung về vấn đề tiếp cận này. Một trong những vấn đề quan trọng khác nữa khi nhìn nhận vấn đề việc làm từ góc độ quyền, đó là không phải lúc nào cũng nghĩ rằng người khuyết tật không phải là nhóm đồng nhất. Sự khác biệt giữa các cá nhân khuyết tật là rất lớn và có nhiều điều hàm chứa cho các mô hình dịch vụ và sự trợ giúp cho người khuyết tật ở nơi làm việc.

Cách tiếp cận về dịch vụ

Tạo dựng các dịch vụ về việc làm cho người khuyết tật đã được nhiều chính phủ quan tâm thực hiện, coi đó là cách thức triển khai các luật, điều luật trong cuộc sống. Dịch vụ này có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy sự hòa nhập xã hội của người khuyết tật. Tiếp cận về dịch vụ xã hội cũng là sự chuyển hướng trong các nghiên cứu về vấn đề hòa nhập của người khuyết tật từ chỗ thuần túy quan tâm đến các chính sách trợ giúp sang các chính sách nâng cao năng lực của người khuyết tật thông qua các mô hình đào tạo nghề, tạo công ăn việc làm, các dịch vụ tư vấn...

Trong các quốc gia phát triển, mô hình dịch vụ về việc làm cho người khuyết tật ở Úc được coi là những định hướng thành công đối với cuộc sống của người khuyết tật và định hướng về hòa nhập xã hội của họ. Định hướng này không chỉ giúp đỡ cá nhân người khuyết tật mà còn hướng đến giúp đỡ các doanh nghiệp có lao động là người khuyết tật. Cách tiếp cận về dịch vụ việc làm cho người khuyết tật ở Úc hướng đến tập trung vào các mục tiêu: Loại bỏ những rào cản về mặt dịch vụ cho người khuyết tật; xây dựng các hình thức trợ giúp về quyền cho những người khuyết tật vừa rời ghế nhà trường để bước chân vào thị trường lao động; tăng cường các nguồn thông tin tìm kiếm việc làm ở các vùng sâu xa; quan tâm hơn đến vấn đề giáo dục, đào

tạo và phát triển các kỹ năng; tạo hệ thống phản hồi nhanh đối với các doanh nghiệp.

Ở Úc, Bộ Giáo dục, Đào tạo, Việc làm và Thanh niên là bộ phận quan tâm nhiều đến việc đào tạo kỹ năng nghề nghiệp và đưa ra nhiều chương trình về đào tạo và bồi dưỡng kỹ năng làm việc. Các chương trình về dịch vụ việc làm cho người khuyết tật từ các hoạt động này khởi đầu từ năm 1991, cho tới nay hai lĩnh vực chính về dịch vụ việc làm cho người khuyết tật được xoay quanh các vấn đề về: (a) chương trình tiếp cận việc làm với các mô hình về Đào tạo, Khởi đầu công việc, Trợ giúp tìm kiếm việc làm; và hoạt động can thiệp; (b) Các chiến lược can thiệp dựa trên cộng đồng với mô hình chia sẻ kỹ năng. Ngoài các mô hình dịch vụ chung như vậy, chính quyền Úc và các bang còn xây dựng các chương trình chuyên biệt về dịch vụ việc làm dành cho người khuyết tật ở các mô hình về phục hồi chức năng, các dịch vụ về đào tạo nghề và tìm việc làm cho người khuyết tật (các dịch vụ này nhằm gia tăng sự độc lập, khả năng làm việc và sự hội nhập của người khuyết tật ở môi trường làm việc; các dịch vụ về đào tạo, việc làm và chuẩn bị cho quá trình làm việc; các dịch vụ trợ giúp quá trình chuyển đổi người khuyết tật từ môi trường giáo dục-học nghề-làm việc chuyên biệt sang môi trường làm việc hòa nhập). Để thực hiện được các chương trình định hướng về mặt dịch vụ này, ngoài hệ thống luật pháp đủ mạnh ở cấp quốc gia, các bang cũng có những hệ thống quy điều luật cụ thể và có được nguồn hỗ trợ tài chính tập trung và bộ máy vận hành, kiểm tra, đánh giá, phản hồi chặt chẽ. Những kết quả đạt được từ các mô hình dịch vụ này đã hướng quốc gia Úc tạo dựng được cách tiếp cận hòa nhập cho người khuyết tật ở các lĩnh vực đời sống và tạo được mô hình xã hội hòa nhập và xã hội phúc lợi cho mọi người.

Định hướng về mặt xây dựng các dịch vụ việc làm cho người khuyết tật hiện được nhiều quốc gia áp dụng và phát triển như ở Anh, Pháp, các quốc gia Bắc Âu, Canada, Mỹ... với mục tiêu nâng cao năng lực của chính người

khuyết tật nhằm thay thế dần các chương trình trợ giúp, trợ cấp về mặt tài chính. Ngoài ra, các mô hình dịch vụ về tư vấn, định hướng nghề nghiệp, xây dựng mạng lưới thông tin việc làm nghề nghiệp cho người khuyết tật cũng được hình thành nhằm tạo ra các hoạt động trợ giúp mang tính một tiến trình và bền vững hơn là thuần túy tạo việc làm đơn thuần.

Chính phủ Việt Nam cũng đã có chính sách rõ ràng về NKT. Cụ thể như Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi bổ sung năm 2001) đảm bảo tất cả các quyền công dân trong đó bao gồm hỗ trợ của Nhà nước cho NKT; Pháp lệnh về người khuyết tật ban hành 30/7/1998 và Luật NKT ban hành năm 2010 đảm bảo mọi quyền công dân, trong đó bao gồm sự hỗ trợ của nhà nước cho NKT. Việt Nam cũng là một quốc gia tham gia mạnh mẽ vào cam kết quốc tế và khu vực về quyền của NKT. Liên quan tới Luật lao động và việc làm cho người lao động khuyết tật (mục 4 chương XI của Bộ Luật Lao động) đã có quy định về chính sách việc làm cho các đối tượng đặc thù trong đó có người lao động khuyết tật.

Mục tiêu của đề án trợ giúp người khuyết tật (Thủ tướng đã phê duyệt) là đến năm 2015 sẽ có 250.000 NKT trong độ tuổi lao động còn khả năng lao động được học nghề và tạo việc làm phù hợp.

Có thể nói rằng, chính sách và văn bản pháp quy về việc làm cho NKT đã được cơ quan chức năng ban hành khá bài bản. Tuy nhiên, trong thực tế, nhằm giải quyết vấn đề việc làm cho NKT một cách hiệu quả (trong giai đoạn 2012-2020) cần có sự chung tay của toàn xã hội.

Các công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề việc làm của PNKT cũng như công tác xã hội đối với việc làm của PNKT như:

Trong năm 2012, Viện Nghiên cứu Phụ nữ thuộc Học viện Phụ nữ Việt Nam chủ trì và Lưu Song Hà chủ nhiệm đề tài đã tiến hành dự án Điều tra cơ bản thực trạng và phương hướng hỗ trợ phụ nữ khuyết tật trong đào tạo nghề, việc làm và chăm sóc sức khỏe. Dự án đã đánh giá được thực trạng việc làm,

những khó khăn, thuận lợi của phụ nữ khuyết tật trong công việc cũng như trên con đường tìm kiếm việc làm tại 3 tỉnh đại diện cho 3 miền trên cả nước là Thái Nguyên, Thừa Thiên Huế và Tây Ninh với tổng số 600 mẫu định lượng và 45 mẫu định tính, thời gian khảo sát tháng 6 và tháng 7/2012 và đã đưa ra được những đề xuất, khuyến nghị cho một chính sách mang tính đặc thù đối với vấn đề việc làm dành cho phụ nữ khuyết tật nói chung.

Năm 2014, Luận văn thạc sỹ luật học, Khoa luật, Đại học quốc gia Hà Nội: Pháp luật về vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động khuyết tật ở Việt Nam hiện nay của Trần Thị Tú Anh đã khái quát hóa được vấn đề việc làm, các quy định của pháp luật lao động về việc làm của lao động khuyết tật và giải quyết các vấn đề vướng mắc trong thời kỳ hội nhập.

Tổ chức lao động quốc tế (ILO) cũng đã có những phối hợp với bộ Lao Động Thương Binh và Xã hội cùng một số tổ chức phi chính phủ: Ban hành động vì sự phát triển hòa nhập vì người khuyết tật (IDEA); Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm “Cơ hội việc làm cho phụ nữ khuyết tật và bình đẳng giới tại nơi làm việc”. Vấn đề việc làm của phụ nữ khuyết tật cũng đã được chỉ ra tầm quan trọng và hướng tới các giải pháp thiết thực.

Tại huyện Sóc Sơn, theo báo cáo tổng kết năm 2016 của Phòng Lao động thương binh xã hội huyện Sóc Sơn: Hiện nay, huyện có 330709 dân trong đó có 4268 người khuyết tật và số người khuyết tật nữ là 1940 (45.5%) với khoảng 1.000 phụ nữ khuyết tật nằm trong độ tuổi lao động. Thế nhưng, chủ yếu số phụ nữ khuyết tật này đều thuộc diện hộ nghèo hoặc cận nghèo, bởi họ hầu hết không có việc làm, hoặc việc làm không ổn định, không phù hợp với sức khỏe hoặc dạng tật.

Như vậy, phải khẳng định rằng, NKT nói chung và PNKT nói riêng là một lực lượng lao động không nhỏ trên địa bàn huyện Sóc Sơn và đòi hỏi phải được bảo vệ bằng luật pháp để bảo đảm quyền bình đẳng tham gia vào các hoạt động của xã hội, trong đó có quyền bình đẳng về việc làm bền vững.

Điều này, đòi hỏi cần có nghiên cứu chuyên sâu về CTXH với việc làm của PNKT giúp lực lượng lao động nữ khuyết tật trên địa bàn có cơ hội phát triển mạnh mẽ.

Nhìn chung nghiên cứu về vấn đề việc làm cho người khuyết tật hiện đang được thực hiện ở nhiều cách tiếp cận: từ khía cạnh kinh tế đến vấn đề nhân quyền, từ vấn đề chính sách đến dịch vụ xã hội, từ việc đào tạo đến việc tạo cơ hội việc làm. Các nghiên cứu đã tạo được nhiều định hướng mang tính gợi mở và tạo dựng được những đề xuất về mặt chính sách và chương trình hành động nhằm thay đổi cuộc sống của người khuyết tật hiện nay.

Tuy nhiên, mặc dù đã có một số công trình nghiên cứu về công tác xã hội và vấn đề việc làm, nghiên cứu về phụ nữ nói chung, việc làm cho NKT nói riêng, nhưng chưa có nghiên cứu nào đi sâu vào vấn đề CTXH với việc làm của PNKT tại huyện Sóc Sơn. Trước tình hình trên, người nghiên cứu nhận thấy cần hệ thống hóa lại các lý thuyết, nghiên cứu, các vấn đề về công tác xã hội với việc làm của PNKT và vận dụng vào hoàn cảnh của địa phương cụ thể. Do vậy, luận văn này đã kế thừa những thành tựu nghiên cứu đã đạt được và đồng thời đã đi sâu vào vấn đề công tác xã hội đối với việc làm của phụ nữ khuyết tật tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Vì vậy đề tài này là khá mới mẻ, vừa có ý nghĩa lý luận vừa có ý nghĩa thực tiễn, luận văn là sự bổ sung cần thiết vào khoa học nghiên cứu về vấn đề việc làm đối với phụ nữ khuyết tật nói chung và PNKT huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội nói riêng

Qua quá trình thu thập các nguồn thông tin tài liệu từ các thư viện, website, sách, báo, tạp chí đến thời điểm hiện tại, tác giả cam kết đề tài không bị trùng lặp với bất cứ đề tài nào khác và chưa có đề tài nào nghiên cứu về công tác xã hội đối với việc làm của phụ nữ khuyết tật tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Đề ra các giải pháp phát triển hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

3.2. Nhiệm vụ

Hệ thống hóa lại cơ sở lý luận về Công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

Phân tích, làm rõ thực trạng việc làm của PNKT tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Đề xuất các giải pháp phát triển hoạt động Công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

4. Đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng

CTXH về việc làm của PNKT

4.2. Khách thể

60 Phụ nữ khuyết tật từ 15-55 tuổi

4.3. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nội dung nghiên cứu: Tập trung vào hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT : Hoạt động nâng cao năng lực cá nhân hướng tới việc làm, hỗ trợ tiếp cận giáo dục và dạy nghề, tiếp cận và duy trì, phát triển việc làm, hỗ trợ tự tạo việc làm.

Phạm vi không gian: Huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

Phạm vi thời gian: Phân tích thực trạng giai đoạn 2012-2016; đề xuất giải pháp 2017-2020

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề phân tích, đánh giá thực trạng việc làm của PNKT tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội, luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp phân tích tài liệu: Thông qua các tài liệu thu thập được từ các giáo trình, từ Internet, các nghiên cứu, báo, tạp chí, các báo cáo khoa học, tài liệu hội thảo, tập huấn... để tìm ra những vấn đề liên quan đến vấn đề nghiên cứu từ đó phân tích những vấn đề cần quan tâm được nêu trong tài liệu đã thu thập được.

Phương pháp phỏng vấn sâu: Phỏng vấn 02 cán bộ phòng LĐTBXH huyện, 01 chủ tịch Hội người khuyết tật huyện Sóc Sơn, 01 Chủ tịch Hội Phụ nữ khuyết tật huyện Sóc Sơn- Chủ tịch HTX Trái tim hồng, 26 cán bộ phòng LĐTBXH cấp xã/ phường.

Phương pháp điều tra xã hội học: Phát phiếu hỏi ngẫu nhiên 60 PNKT

Cơ sở dữ liệu và tính toán: Xử lý số liệu điều tra qua phần mềm SPSS, tổng hợp các phiếu khảo sát chuyên sâu, chuyên gia.

6. Nội dung đề tài

Ngoài phần mở đầu, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục từ viết tắt, danh mục bảng biểu, mục lục, kết luận, luận văn gồm có 3 chương:

Chương I. Cơ sở lý luận về công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT

Chương II. Thực trạng công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

Chương III. Giải pháp phát triển hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ VIỆC LÀM ĐỐI VỚI PHỤ NỮ KHUYẾT TẬT

1.1. Các khái niệm, thuật ngữ cơ bản liên quan

1.1.1. Khái niệm công tác xã hội

Hiệp hội các quốc gia các nhân viên công tác xã hội Mỹ (NASW) đã đưa ra định nghĩa: “*Công tác xã hội là hoạt động mang tính chuyên môn nhằm giúp đỡ các cá nhân, các nhóm, hoặc cộng đồng tăng cường hoặc khôi phục năng lực thực hiện chức năng xã hội của họ và tạo ra những điều kiện thích hợp nhằm đạt được mục tiêu ấy.*” [14 ,42]

Tháng 7/2000, tại hội nghị Liên đoàn quốc tế nhân viên công tác xã hội (IFSW) tổ chức tại Canada, các chuyên gia đã đưa ra định nghĩa: “*Công tác xã hội chuyên nghiệp là thúc đẩy sự thay đổi xã hội, giải quyết các vấn đề trong các mối quan hệ con người, tăng quyền lực và giải phóng người dân nhằm giúp cho cuộc sống của họ ngày càng thoải mái, dễ chịu. Vận dụng các lý thuyết về hành vi con người và hệ thống xã hội, công tác xã hội can thiệp và những điểm tương tác giữa con người và môi trường của họ. Nhân quyền và công bằng là các nguyên tắc căn bản của nghề nghiệp công tác xã hội*”[14 ,43]

Tóm lại, có nhiều cách định nghĩa và có thể tổng kết “*Công tác xã hội là một nghề, một hoạt động chuyên nghiệp nhằm trợ giúp các cá nhân, gia đình và cộng đồng nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu và tăng cường chức năng xã hội, đồng thời thúc đẩy môi trường xã hội về chính sách, nguồn lực và dịch vụ nhằm giúp cá nhân, gia đình và cộng đồng giải quyết và phòng ngừa các vấn đề xã hội góp phần đảm bảo an sinh xã hội*” [13, 19]

1.1.2. Khái niệm người khuyết tật

Theo Luật Người khuyết tật ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2010 có hiệu lực từ ngày 01/01/2011: Người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc

nhều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn.

Các dạng khuyết tật bao gồm:

Khuyết tật vận động: Là tình trạng giảm hoặc mất chức năng cử động đầu, cổ, chân tay, thân mình dẫn đến hạn chế trong vận động, di chuyển.

- Khuyết tật nghe, nói: Là tình trạng giảm hoặc mất chức năng nghe, nói hoặc cả nghe và nói, phát âm thành tiếng và câu rõ ràng dẫn đến hạn chế trong giao tiếp, trao đổi thông tin bằng lời nói.

- Khuyết tật nhìn: Là tình trạng giảm hoặc mất khả năng nhìn và cảm nhận ánh sáng, màu sắc, hình ảnh, sự vật trong điều kiện ánh sáng và môi trường bình thường.

- Khuyết tật thần kinh, tâm thần: là tình trạng rối loạn tri giác, trí nhớ, cảm xúc, kiểm soát hành vi, suy nghĩ và có biểu hiện với những lời nói, hành động bất thường.

- Khuyết tật trí tuệ: là tình trạng giảm hoặc mất khả năng nhận thức, tư duy biểu hiện bằng việc chậm hoặc không thể suy nghĩ, phân tích về sự vật, hiện tượng, giải quyết sự việc.

- Khuyết tật khác: là tình trạng giảm hoặc mất những chức năng cơ thể khiến cho hoạt động lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn mà không thuộc các trường hợp được nêu trong các dạng trên.

Phân loại người khuyết tật:

- Người khuyết tật đặc biệt nặng là những người do khuyết tật dẫn đến mất hoàn toàn chức năng, không tự kiểm soát hoặc không tự thực hiện được các hoạt động đi lại, mặc quần áo, vệ sinh cá nhân và những việc khác phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày mà cần có người theo dõi, trợ giúp, chăm sóc hoàn toàn

- Người khuyết tật nặng là những người do khuyết tật dẫn đến mất một phần hoặc suy giảm chức năng, không tự kiểm soát hoặc không tự thực

hiện được một số hoạt động đi lại, mặc quần áo, vệ sinh cá nhân và những việc khác phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày mà cần có người theo dõi, trợ giúp, chăm sóc.

- Người khuyết tật nhẹ là người khuyết tật không thuộc trường hợp là người khuyết tật đặc biệt nặng và người khuyết tật nặng được nêu trên.

Người khuyết tật không phân biệt nguồn gốc nguyên nhân gây ra khuyết tật, có những người khi sinh ra đã bị khuyết tật (được gọi là khuyết tật bẩm sinh), có những người khi sinh ra không bị khiếm khuyết nhưng trong quá trình sống, lao động và học tập có thể bị khuyết tật vì những nguyên nhân khác nhau.

1.1.3. Khái niệm phụ nữ khuyết tật

Phụ nữ khuyết tật: là phụ nữ bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn

1.1.4. Khái niệm công tác xã hội với người khuyết tật

CTXH với NKT là hoạt động chuyên nghiệp của nhân viên CTXH giúp đỡ những NKT tăng cường hay khôi phục việc thực hiện các chức năng xã hội của họ, huy động nguồn lực, xác định những dịch vụ cần thiết để hỗ trợ người khuyết tật, gia đình và cộng đồng triển khai hoạt động chăm sóc trợ giúp họ một cách hiệu quả, vượt qua những rào cản, đảm bảo sự tham gia đầy đủ vào các hoạt động xã hội trên nền tảng sự công bằng như những người khác trong xã hội.

Mục đích của CTXH với NKT là: Trợ giúp, khuyến khích, thúc đẩy và tăng cường việc thực hiện các chức năng xã hội của cá nhân, nhóm, các tổ chức và các cộng đồng NKT; Tham gia vào việc hoạch định, xây dựng và thực thi các chính sách xã hội, các dịch vụ xã hội, các nguồn tài nguyên và các chương trình để đáp ứng những nhu cầu của NKT và hỗ trợ cho sự phát triển của họ; Theo đuổi những chính sách, dịch vụ, tài nguyên và chương trình

thông qua công tác biện hộ trong phạm vi cơ sở hay trong phạm vi quản trị cơ sở hoặc hành động chính trị để tăng quyền lực cho người khuyết tật nhằm đảm bảo sự công bằng và sự tham gia đầy đủ của họ vào các hoạt động xã hội.

Do vậy NVCTXH có vai trò trực tiếp là người thu thập thông tin, lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch, giám sát, đánh giá, lượng giá,... và vai trò gián tiếp là người tham vấn, tư vấn, người hoạch định chính sách, người nghiên cứu, quản lý, điều phối các hoạt động... thì NVCTXH cần hỗ trợ NKT, gia đình NKT giải quyết các vấn đề khó khăn của họ thông qua việc tìm kiếm, cung cấp các dịch vụ cần thiết cho người khuyết tật; phối hợp vận động các nguồn lực tài nguyên hỗ trợ NKT và gia đình họ, xây dựng các chương trình, kế hoạch hành động giúp đỡ NKT và tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động, kế hoạch đã xây dựng, đề xuất soạn thảo chính sách về NKT, làm công tác biện hộ cho NKT; cung cấp cho NKT và người nhà họ các loại dịch vụ hỗ trợ từ tâm lý đến mạng lưới liên kết để phát triển.

1.1.5. Khái niệm việc làm

Việc làm là một trong những nhu cầu cơ bản của con người để đảm bảo cuộc sống và sự phát triển toàn diện. Quyền lao động và đảm bảo việc làm của người lao động đã được khẳng định trong Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và đã được cụ thể hoá trong Bộ luật Lao động đầu tiên ở nước ta. Việc làm, giải quyết việc làm cho người lao động là một trong những ưu tiên hàng đầu trong các chính sách phát triển kinh tế – xã hội của nước ta.

Điều 13, Bộ Luật Lao Động Việt Nam định nghĩa khái niệm việc làm: Mọi hoạt động lao động tạo ra nguồn thu nhập, không bị pháp luật cấm đều được thừa nhận là việc làm.

Trên thực tế, việc làm được thừa nhận dưới 3 hình thức:

- Làm công việc để nhận được tiền lương, tiền công hoặc hiện vật cho công việc đó

- Làm công việc để thu lợi cho bản thân, mà bản thân lại có quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ tư liệu sản xuất để tiến hành công việc đó.

- Làm các công việc cho hộ gia đình mình nhưng không được trả thù lao dưới hình thức tiền lương, tiền công cho công việc đó. Hình thức này bao gồm sản xuất nông nghiệp, hoạt động kinh tế phi nông nghiệp do chủ hộ hoặc một thành viên khác trong gia đình có quyền sử dụng, sở hữu hoặc quản lý.

Tùy theo các mục đích nghiên cứu khác nhau mà người ta phân chia việc làm ra thành nhiều loại. Theo mức độ sử dụng thời gian làm việc, có việc làm chính và việc làm phụ. Việc làm chính là công việc mà người thực hiện giành nhiều thời gian nhất hoặc có thu nhập cao hơn so với công việc khác. Việc làm phụ là công việc mà người thực hiện giành nhiều thời gian nhất sau công việc chính.

Ngoài ra, người ta còn chia việc làm thành việc làm toàn thời gian, bán thời gian, việc làm thêm.

- Việc làm toàn thời gian: Chỉ một công việc làm 8 tiếng mỗi ngày, hoặc theo giờ hành chính 8 tiếng mỗi ngày và 5 ngày trong tuần.

- Việc làm bán thời gian: Mô tả công việc làm không đủ thời gian giờ hành chính quy định của Nhà nước 8 tiếng mỗi ngày và 5 ngày mỗi tuần. Thời gian làm việc có thể dao động từ 0.5 đến 5 tiếng mỗi ngày và không liên tục.

- Việc làm thêm: Mô tả một công việc không chính thức, không thường xuyên bên cạnh một công việc chính thức và ổn định.

1.1.6. Khái niệm hỗ trợ việc làm

Để hiểu khái niệm hỗ trợ việc làm trước tiên cần hiểu thế nào là hỗ trợ, các hoạt động hỗ trợ, sau đó đến hỗ trợ việc làm. Theo cách hiểu thông thường thì hỗ trợ là công việc, hoạt động, suy nghĩ của cá nhân/ tổ chức nhằm giúp đỡ một người hoặc nhóm người vượt qua vấn đề mà họ đang gặp phải bằng các phương thức khác nhau, bao gồm cả về thể chất, tinh thần, tiền bạc

để nhằm khơi dậy tiềm lực của người đó để họ có đủ khả năng đương đầu với hoàn cảnh khó khăn.

Hỗ trợ việc làm nói chung và việc làm cho phụ nữ khuyết tật nói riêng được hiểu là tổng thể các biện pháp, hoạt động của các tổ chức cá nhân như tư vấn nghề nghiệp, tư vấn tâm lý, trị liệu phục hồi sức khỏe, tinh thần, dạy nghề, tạo việc làm, hướng dẫn cách làm ăn, hỗ trợ vốn, điều kiện phương thức sản xuất kinh doanh... để tạo cho đối tượng được hỗ trợ có việc làm, thu nhập, duy trì, phát triển việc làm, hòa nhập cộng đồng và ổn định cuộc sống. Trong đó, Đảng, Nhà nước, ngành CTXH có nghĩa vụ, trách nhiệm tác động, hỗ trợ PNKT phát triển, tạo ra các cú hích thúc đẩy PNKT duy trì việc làm.

1.1.7. Khái niệm công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm

Khái niệm CTXH trong hỗ trợ việc làm đóng vai trò chủ động, tích cực giải quyết vấn đề việc làm một cách hiệu quả. Để đến được mục tiêu có việc làm, CTXH thực hiện việc đánh giá những khả năng, xác định nguồn lực và những thế mạnh, nâng cao kỹ năng giải quyết vấn đề trong cuộc sống, phát triển các kế hoạch để giải quyết và ủng hộ các nỗ lực của phụ nữ khuyết tật để tạo ra những thay đổi trong cuộc sống và hoàn cảnh của họ. Nối kết phụ nữ khuyết tật với các nguồn lực cần thiết. Giúp đỡ PNKT sử dụng các nguồn lực mà họ cần thiết để thay đổi có hiệu quả tình trạng của họ. Đồng thời CTXH là công cụ để chính sách và dịch vụ cung cấp phúc lợi tốt nhất, nâng cao chất lượng, chuyên nghiệp hóa các dịch vụ công tác xã hội, xác định các lỗ hổng, những trở ngại trong các dịch vụ xã hội cần giải quyết.

Công tác xã hội thúc đẩy môi trường xã hội, bao gồm: chính sách, pháp luật, cộng đồng thân thiện, đóng vai trò xúc tác, biện hộ để cá nhân, gia đình người khuyết tật được hưởng những chính sách an sinh xã hội dành cho họ.

Đồng thời, CTXH có các hoạt động tư vấn để chính quyền có những chính sách phù hợp nhằm ngăn ngừa sự phát sinh các vấn đề xã hội, đảm bảo quyền và sự tham gia vào thị trường việc làm của người lao động.

CTXH còn thực hiện các hoạt động như giáo dục phòng ngừa, tập huấn, cung cấp kiến thức cho gia đình, người thân cách chăm sóc người khuyết tật để giúp đối tượng nâng cao năng lực, nâng cao chất lượng của họ, có khả năng tự chăm sóc, phòng ngừa các vấn đề trong cuộc sống, tự tin và trở nên chủ động tìm kiếm, tiếp cận việc làm và có việc làm, hòa nhập xã hội dễ dàng hơn.

1.2. Đặc điểm của phụ nữ khuyết tật và việc làm

1.2.1. Các đặc điểm của phụ nữ khuyết tật

Nhìn chung, phụ nữ khuyết tật thường có các đặc điểm cơ bản sau:

Đặc điểm về thể chất:

So với người bình thường có đầy đủ các bộ phận trên cơ thể theo cấu tạo sinh học thì người khuyết tật là những người bị khiếm khuyết (thiếu, không có hoặc bị mất đi) bộ phận nào đó trên cơ thể, bị suy giảm sức khỏe, khó có thể phục hồi. Khuyết tật thể lý ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của người khuyết tật dù khiếm khuyết đó nhẹ hay nghiêm trọng.

Do có sự thiếu hụt về thể chất dẫn tới khả năng hoạt động chức năng của PNKT có thể bị suy giảm. Vì vậy họ gặp nhiều khó khăn, trở ngại trong sinh hoạt, lao động, học tập... Vì thế, gia đình và xã hội cần có hỗ trợ, ưu tiên đặc biệt cho nhóm đối tượng này như: chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, làm tay chân giả, cung cấp xe lăn, máy trợ thính, thiết bị tiện nghi, nhà ở, điều kiện nơi làm việc,... cần có được các dịch vụ giáo dục đặc biệt dành cho người khuyết tật. Ví dụ: Dạy chữ nổi Braille cho người mù, chương trình giáo dục đặc biệt cho trẻ câm điếc, đường tiếp cận cho những người đi xe lăn tại nơi công cộng/ nơi làm việc...

Cơ chế bù trừ chức năng của các cơ quan cảm giác được thể hiện rõ rệt ở người khuyết tật. Khi họ mất đi khả năng hoạt động của cơ quan cảm giác nào đó thì ở họ khả năng hoạt động của các cơ quan còn lại rất phát triển và sự nhận biết thế giới xung quanh thực hiện chủ yếu thông qua giác quan

còn lại này. Ví dụ: Người mù do mất đi khả năng thị giác nên độ nhạy cảm của cơ quan thính giác, xúc giác phát triển. Với đặc điểm trên, khi thực hiện các hoạt động dạy học, dạy nghề... ta cần vận dụng tối đa sự tham gia của các cơ quan cảm giác còn lại (cần nghiên cứu, thiết kế nhiều đồ dùng học tập để khi giảng dạy người câm điếc ta tăng cường sử dụng hình ảnh trực quan, các động tác tay chân để mô phỏng, ngược lại với người mù phải tích cực hỗ trợ bằng các phương tiện nghe, sờ...

Do mất hoặc giảm khả năng hoạt động một trong các cơ quan tiếp nhận thông tin cần thiết cho hoạt động nhận thức nên phần lớn một số người khuyết tật giác quan, tật thân kinh... hoạt động tư duy có phần bị giảm sút về tốc độ do khối lượng thông tin cần tiếp thu bị hạn chế (những người tật vận động thì vẫn bình thường). Chính vì vậy trong hoạt động hỗ trợ dạy nghề ta cần cung cấp thông tin qua nhiều kênh, nhiều nguồn bằng nhiều biện pháp để tăng cường lượng thông tin cho hoạt động nhận thức của đối tượng. Ví dụ: Dạy người câm điếc ta dùng hình ảnh để họ nhìn, dùng vật mà trực tiếp tiếp xúc được, thậm chí dùng độ rung của âm thanh để NKT được cảm nhận.

Đặc điểm về tâm lý:

Do sự thiếu hụt dẫn đến những cản trở trong sinh hoạt, lao động trên nên PNKT thường dễ bị tổn thương và bị ức chế dẫn đến bi quan, chán nản, tự ti, mặc cảm, tủi phận, cho mình là người bỏ đi, là gánh nặng của gia đình, người thân, ngại giao tiếp với mọi người, hay cáu gắt, nóng nảy... Họ mang nặng tâm lý mặc cảm, tự đánh giá thấp bản thân mình so với những người không khuyết tật, những người xung quanh. Ở những người mà khuyết tật nhìn thấy được - chẳng hạn như khuyết chi - họ có các biểu hiện tâm lý giống như mặc cảm ngoại hình, tức là sự chú trọng quá mức đến khiếm khuyết cơ thể đến nỗi gây khổ đau lớn, rối loạn tâm lý này chỉ hướng tới những người có khiếm khuyết nhỏ nhưng lại cứ càng điệu chúng lên.

Mặt khác họ là người có đời sống nội tâm rất nhạy cảm và tế nhị, họ rất thông cảm với những khó khăn của người khác hơn cả so với người bình thường. Chính vì vậy, họ là những người hoạt động rất có hiệu quả trong các nhóm tự giúp. Tại đây họ giúp nhau vượt qua khó khăn của bệnh tật, chia sẻ kinh nghiệm với nhau để thích nghi tốt hơn.

Do bị bệnh tật, khó khăn đi lại hoặc giao tiếp nên hoạt động lao động, giao lưu của PNKT hạn chế hơn so với người/phụ nữ không khuyết tật. Nếu không có hỗ trợ xã hội thì phạm vi quan hệ xã hội ở PNKT sẽ bị thu hẹp. Do đó, gia đình và xã hội cần tạo điều kiện cho đối tượng hòa nhập vào cuộc sống cộng đồng xã hội chung. Ví dụ: Tổ chức các câu lạc bộ, các sinh hoạt giải trí, thể thao... để PNKT có dịp được gặp, tạo cơ hội giao lưu với cộng đồng chung để xóa bỏ mặc cảm.

PNKT cần được học văn hóa, học nghề phù hợp với dạng tật: các công việc thủ công đòi hỏi sự tỉ mỉ, kiên nhẫn có thể phù hợp với họ. Việc làm vừa đem lại cho họ niềm vui trong lao động, vừa giúp họ có thu nhập... điều này giúp họ giảm bớt tâm lý bị phụ thuộc vào kinh tế, tâm lý bị bỏ đi...

Môi trường cộng đồng và gia đình cũng cần được thích ứng với hoàn cảnh của người khuyết tật nói chung và PNKT nói riêng. Ví dụ: Trong gia đình, tại nơi làm việc, các khu công cộng cần được thiết kế các phương tiện sinh hoạt phù hợp với nhu cầu người khuyết tật.

Mối quan hệ xã hội:

Với sự giới hạn của mình, đặc biệt là ở người khuyết tật về trí tuệ hoặc cơ quan thu nhận cảm giác (khiếm thính, khiếm thị) khả năng tiếp thu tri thức là khá khó khăn. Điều này tạo ra rào cản cho họ không chỉ trong việc học tập mà còn trong vấn đề kết bạn với những người khác. Họ dễ bị cô lập trong tập thể, thậm chí phải nhận những ánh nhìn không mấy thân thiện cũng như những lời châm chọc, đả kích của bạn bè xung quanh - những người hoàn toàn khỏe mạnh, bình thường.

Người khuyết tật thường kìm nén cảm xúc của mình, kìm nén những nhu cầu thiết yếu của mình bởi không muốn đưa ra những yêu cầu làm phiền mọi người xung quanh.

Tiếp đến là sự ám ảnh sợ xã hội một kiểu trốn tránh và sợ hãi khi thực hiện các hoạt động mang tính cộng đồng như giao lưu gặp gỡ ở chỗ đông người. Sự phân biệt kỳ thị liên quan đến khuyết tật là rất phổ biến và có tác động tiêu cực nghiêm trọng đến cuộc sống của đối tượng. Mặc dù cả đàn ông và phụ nữ khuyết tật đều bị phân biệt đối xử vì khuyết tật của họ, song phụ nữ khuyết tật đang ở thế bất lợi hơn. Điều đó là do sự phân biệt đối xử dựa trên giới tính kết hợp với phân biệt đối xử dựa trên khuyết tật. Do thường bị ảnh hưởng bởi quan điểm thiếu tích cực về người khuyết tật/PNKT từ chính những người thân trong gia đình. Nhiều gia đình vẫn còn suy nghĩ khá nặng nề về người khuyết tật, vì họ cho đó là một điều không hay. Bị hạn chế về khả năng hòa nhập, tham gia các hoạt động cộng đồng, đôi khi PNKT trở thành gánh nặng cho người thân và gia đình. Vì thế, nhiều gia đình không muốn người khuyết tật đi ra ngoài gặp gỡ người khác. Có những gia đình coi việc trong nhà có người khuyết tật là đáng xấu hổ. Ở nông thôn, có nhiều gia đình rất đỗi đàng cay và cho là nặng nề khi có người khuyết tật. Bởi thế, nếu trong gia đình có người khuyết tật, họ coi đó là sự không may mắn. Chính những điều này làm cho người khuyết tật cảm thấy mình là gánh nặng của gia đình. Vì rất nhạy cảm nên người khuyết tật không muốn nhìn thấy những ánh mắt, cử chỉ thương hại của người khác.

Bên cạnh những khó khăn trên mà người khuyết tật phải trải qua, họ lại là người rất giàu về nghị lực, nhẫn nại để vượt qua khó khăn của tật nguyền. Với điều kiện sức khỏe của bản thân, họ không có nhiều lựa chọn và khi thiếu đi sự hỗ trợ đặc biệt từ phía xã hội, phụ nữ khuyết tật đành phải tự xoay xở để có thể lo được cuộc sống cho bản thân và gia đình mình. Có sự hỗ

trợ thích hợp của gia đình và xã hội một số PNKT đã đạt được nhiều thành tích cao trong lao động và học tập.

Hành vi:

Những hành vi lệch lạc có thể là một yếu tố đóng góp chính vào việc cách ly xã hội và thiếu cơ hội trải nghiệm cuộc sống, việc làm ở PNKT như: gây hấn, hành vi tự gây tổn thương, hành vi chống đối, hành vi định hình, hành vi xã hội không thích hợp, hành vi rút lui.

Các hành vi kể trên có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và chất lượng cuộc sống của một người và ảnh hưởng đến cả những người chăm sóc, hoặc chủ lao động. Hành vi tự gây tổn thương gây nguy hiểm cho cơ thể, hành vi chống đối gây suy dinh dưỡng (do nhịn ăn), béo phì, bệnh lý tim mạch (do ăn quá nhiều); với những người có hành vi gây hấn lại rất dễ xảy ra tai nạn thương tích và PNKT thường thiếu kỹ năng xã hội (kỹ năng sống, kỹ năng mềm) nên dễ dẫn đến cô đơn và trầm cảm.

Đời sống kinh tế:

Phần lớn PNKT có trình độ học vấn thấp, số người này chỉ có thể làm lao động phổ thông và thu nhập thấp nên dễ rơi vào bất ổn về kinh tế và tỉ lệ nghèo đói cao hơn so với nhóm nhân khẩu học khác.

Đời sống của một bộ phận không nhỏ PNKT còn nhiều khó khăn, thuộc hộ nghèo; vẫn còn PNKT chưa được tiếp cận hoặc tiếp cận chưa đầy đủ các chính sách ưu đãi của Nhà nước về y tế, giáo dục, dạy nghề, việc làm...

Cũng theo nghiên cứu này, nhóm phụ nữ trẻ có cuộc sống “dư dả” hơn nhóm phụ nữ lớn tuổi hơn, do nhận được nhiều hơn sự trợ giúp của gia đình, người thân hoặc họ còn đang sống phụ thuộc vào gia đình. PNKT là những người yếu ớt về thể chất, do vậy khả năng tự tạo dựng cuộc sống một cách độc lập rất hạn chế, ở nhóm tuổi trên 40, năng lực cống hiến, làm việc có chiều hướng đi xuống, do vậy họ thật khó có được các phương tiện sinh hoạt một cách đầy đủ kể cả những loại đồ dùng tối thiểu. Khả năng lao động, trang

trải cho cuộc sống của phụ nữ khuyết tật không thể bằng những người không khuyết tật và càng lớn tuổi thì khả năng này càng hạn chế theo.

1.2.2. Các đặc điểm về việc làm của phụ nữ khuyết tật

Mặc dù có những chuyển biến mang tính tích cực, PNKT ở Việt Nam vẫn đang gặp những khó khăn chung trong cuộc sống nói chung và vấn đề việc làm nói riêng. PNKT hiện vẫn phải đối mặt với những vấn đề về thái độ, cơ hội tự phát triển và cơ hội để đóng góp khả năng cho sự phát triển xã hội. NKT được coi là một trong những nhóm đối tượng yếu thế tại Việt Nam, đặc biệt là nhóm PNKT. PNKT không chỉ gặp những rào cản như những phụ nữ khác, mà còn thêm rào cản về tình trạng khuyết tật của họ. Vì thế, PNKT là một trong các nhóm yếu thế nhất trong xã hội bởi các lý do về giới tính, khuyết tật và sự nghèo đói.

Phần lớn PNKT thuộc hộ nghèo và sống ở nhà tạm, chủ yếu sống dựa vào gia đình, người thân và trợ cấp xã hội.

Người khuyết tật thường làm việc trong khu vực nông nghiệp hay làm kinh tế gia đình nhiều hơn so với người không khuyết tật; người không khuyết tật thường làm việc trong khu vực kinh tế công và tư nhân. Tỷ lệ người khuyết tật có thu nhập, bao gồm lương, trợ cấp, phúc lợi ngoài lương, thấp hơn rất nhiều so với người không khuyết tật. Người khuyết tật làm việc trong các cơ sở lao động thường nhận mức lương thấp hơn so với người không khuyết tật làm cùng một loại công việc. Ở cấp độ gia đình, thu nhập hộ có quan hệ tỷ lệ nghịch với mức độ khuyết tật. Người khuyết tật thường thuộc những hộ nghèo hơn so với người không khuyết tật [14,13].

Tỷ lệ nghèo đói, thiếu việc làm, thất học... của NKT cao hơn rất nhiều so với người bình thường. PNKT thường gặp nhiều rủi ro, dễ bị lạm dụng lao động hơn so với những phụ nữ bình thường, các quyền của họ ít được quan tâm và đảm bảo... trong đó những khó khăn mà PNKT gặp phải cao ít nhất 3

lần so với nam giới. Họ ít được tiếp cận với những cơ hội phát triển cá nhân, xã hội, kinh tế, ít được tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục, học nghề, tìm kiếm việc làm,...

PNKT chủ yếu làm những công việc mang tính tự phát do không có nhiều lựa chọn. Chủ yếu là các lao động giản đơn, ít phải đầu tư chất xám, tỷ lệ được đào tạo nghề không cao và đào tạo rồi cũng không phải ai cũng làm được và có thu nhập. Cứ 4 người phụ nữ khuyết tật đang làm việc thì có một người phải làm việc trong điều kiện không tốt. Nghề nghiệp của họ thường làm là thuê, may, buôn bán nhỏ,... Họ tự làm việc tại nhà, tại hội người khuyết tật và một số ít làm trong các cơ sở sản xuất kinh doanh của nhà nước, tại các cơ sở tư nhân.

Bên cạnh đặc điểm chung của NKT: sự nghị lực phi thường vượt khó, làm việc tập trung thì các lao động nữ thường cẩn thận, nghị lực và tham vọng lớn hơn lao động nam. Ngoài điều kiện thể chất của NKT thường yếu và có nhiều rào cản tâm lý nên khó hoà nhập; kiến thức, kỹ năng chuyên môn hạn chế do hạn chế về đào tạo và việc làm; kỹ năng sống, kỹ năng mềm yếu; PNKT còn có rào cản tâm lý lớn hơn nên khó hoà nhập hơn.

Có chưa tới 1/3 số PNKT có việc làm nhưng phụ nữ chủ yếu được sử dụng trong các công việc có lương thấp hoặc làm việc bán thời gian với ít lợi ích. Mặc dù việc tiếp cận với việc làm rất khó khăn với phụ nữ khuyết tật nhưng nếu được đi làm họ sẽ có những đóng góp đáng kể cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, tỉ lệ thất nghiệp gấp đôi so với người có cơ thể khỏe mạnh.

Tuy vậy, có những người đã từng đi làm, nhưng phải bỏ công việc vì nhiều lý do, trong đó phần nhiều họ không tìm được công việc phù hợp với sức khỏe của mình. Nhiều người bị sa thải hoặc từ chối do hiệu quả công việc thấp, bị kỳ thị, phân biệt, khó khăn trong việc đi lại.

Phụ nữ khuyết tật bị kỳ thị từ khi tuyển dụng cho đến khi được tuyển dụng. Nhiều khi nhà tuyển dụng mang lại cho họ tâm lý khả năng sức khỏe

của họ không đảm bảo công việc. Gia đình không đồng ý cho phụ nữ khuyết tật đi làm bởi lý do cho các chị ăn, ngủ là tốt lắm rồi, thời gian đưa các chị đi làm và đưa về thì thà để các chị ở nhà còn hơn.

Số lượng PNKT có việc làm là rất ít. Trong khi đó có rất nhiều người có việc làm nhưng lại bỏ việc và bị mất việc do công việc không phù hợp với sức khỏe, hiệu quả công việc thấp, do chủ sử dụng lao động sa thải, do mặc cảm về tình trạng khuyết tật. Trong quá trình lao động, làm việc PNKT thường gặp nhiều vấn đề về sức khỏe (do sức khỏe yếu), cần nhiều sự trợ giúp trong giai đoạn mang thai, nuôi con nhỏ. Bên cạnh đó, họ thường gặp khó khăn và khó cam kết khi kết hôn và sinh con. Và số lượng PNKT chưa có việc làm là còn khá lớn vì những lý do như bị từ chối khi đi xin việc làm, không tìm được việc làm phù hợp. Không có việc làm phù hợp bao hàm rất nhiều nghĩa: không phù hợp với dạng khuyết tật, không phù hợp với yêu cầu của nhà tuyển dụng với khả năng đáp ứng của NKT, đặc biệt khi họ là phụ nữ, thể chất không thể bằng nam giới nên bị phân biệt đối xử, kì thị...

Phụ nữ khuyết tật tìm kiếm việc làm phải đối mặt với sự phân biệt đối xử kép về giới tính và khuyết tật. Người sử dụng lao động xem PNKT là những người lao động không có năng suất mà không thể điều chỉnh nơi làm việc. Họ thường bị xem là phụ thuộc, thụ động, không đủ năng lực và không phù hợp với vai trò sản xuất kinh tế. Người sử dụng lao động thường có thái độ miễn cưỡng khi sử dụng lao động nữ khuyết tật.

Phần đa các công trình công cộng tại nơi làm việc: Thang máy và đường tiếp cận cho xe lăn, chỗ ở cần thiết tại nơi làm việc...hỗ trợ cho người khuyết tật nói chung và PNKT nói riêng tiếp cận với việc làm là còn hạn chế.

1.3. Các hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT

Kể từ khi trở thành một nghề, Công tác xã hội được Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt quyết định 32/2010/QĐ-TTG, Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010-2020, mạng lưới các trung tâm dịch vụ công tác xã hội,

các hoạt động phi lợi nhuận hỗ trợ NKT cũng như đội ngũ cán bộ công tác xã hội trợ giúp cho NKT được quan tâm, mở rộng, nâng cao năng lực, đã có nhiều hoạt động hỗ trợ việc làm đối với NKT nói chung và PNKT nói riêng: tham gia xây dựng Luật NKT, nâng cao năng lực, trợ giúp tiếp cận giáo dục, vận động chính sách về dạy nghề, tạo việc làm cho NKT và thực hiện các mô hình dạy nghề, phục hồi chức năng lao động cho NKT, xây dựng được quy trình từ phục hồi thể chất tới tiếp cận và giới thiệu việc làm cho NKT tại các doanh nghiệp, trợ giúp tiếp cận và sử dụng các công trình xây dựng, các hoạt động trợ giúp pháp lý, hỗ trợ các hoạt động về văn hóa thể thao và du lịch, ...

1.3.1. Hỗ trợ nâng cao năng lực cá nhân hướng tới việc làm của phụ nữ khuyết tật

Với ***mục tiêu hỗ trợ các cá nhân người khuyết tật để họ tự phát huy được tiềm năng của mình ở mức cao nhất*** ngay tại gia đình và cộng đồng với phương châm “tự chọn, tự quyết định và tự chịu trách nhiệm”, Công tác xã hội có vai trò thực hiện các hoạt động tham vấn, tư vấn nâng cao nhận thức nói chung và về vấn đề việc làm nói riêng; vận động xã hội ủng hộ, nói lên tiếng nói mạnh mẽ để đảm bảo quyền của NKT: được tiếp cận nhà ở, việc làm, giao thông, giao tiếp, các phương tiện giải trí và giúp họ kết nối với các chương trình dịch vụ y tế, xã hội cần thiết một cách bình đẳng như người không khuyết tật.

Hoạt động kết nối nguồn lực: Mục đích của hoạt động này nhằm giúp PNKT có thể tìm kiếm nguồn lực (nội lực, ngoại lực) bao gồm con người, cơ sở vật chất, tài chính, kỹ thuật, sự ủng hộ về chính sách, quan điểm, cung cấp cho PNKT những thông tin về các dịch vụ, chính sách, nguồn tài nguyên dạng sẵn có trong cộng đồng để PNKT tăng cơ hội tiếp cận với việc làm. NVCTXH tìm hiểu, đánh giá thực trạng, nhu cầu của PNKT về vấn đề việc làm để kết nối với các dịch vụ, chính sách, nguồn hỗ trợ, tổ chức có liên quan để PNKT nhận được sự hỗ trợ tốt nhất.

Hoạt động tư vấn, tham vấn nâng cao nhận thức của PNKT: Mục đích của hoạt động này giúp PNKT tăng cường năng lực giải quyết những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống, trong công việc, tăng khả năng đối diện với những khó khăn, tham vấn hướng nghiệp giúp họ hiểu bản chất vấn đề để tự lựa chọn và định hướng nghề nghiệp phù hợp.

Nâng cao kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm: NVCTXH là người kết nối các nguồn lực để tổ chức các tập huấn, tọa đàm, lớp học cho PNKT: Từ những công việc thiết thực nhất như quản lý tiền bạc, nấu ăncho đến các kỹ năng sống, kỹ năng làm việc cao hơn như xây dựng các mối quan hệ với những người sống xung quanh, kỹ năng hòa nhập, tư vấn đồng cảnh, kỹ năng lồng ghép giới trong các vấn đề của NKT, kỹ năng giới và kinh doanh...giúp NKT/ PNKT vượt qua sự tự ti, hòa nhập tốt vào môi trường làm việc và tăng cường/khôi phục việc thực hiện các chức năng xã hội của PNKT; tập huấn về các phương thức sản xuất chăn nuôi trồng trọt, tự kinh doanh...để NKT phát triển kinh tế hộ gia đình. Ngoài ra, còn cung cấp các kiến thức và kỹ năng, cách thức tổ chức sự kiện, các hoạt động truyền thông hay vận động xã hội và chính quyền ủng hộ quyền của NKT để tăng quyền lực cho chính bản thân PNKT. Đây là những kiến thức, kỹ năng cần thiết cho NKT nói chung và PNKT nói riêng để họ có thể độc lập, tự chủ hơn trong cuộc sống. Là cơ hội trải nghiệm, khôi phục và làm mới bản thân, nâng cao năng lực, giúp cuộc sống của các chị em PNKT thêm phong phú, dễ dàng hòa nhập với cuộc sống, thể hiện khả năng của mình, có thể có việc làm và đóng góp cho sự phát triển.

Tạo cơ hội thử thách, thăng tiến cho lao động nữ khuyết tật: Đó là sự chuẩn bị bao gồm những yếu tố như kỹ năng mềm và khả năng chuyên môn, mạng lưới quan hệ ...Việc tạo điều kiện cho các chị em PNKT có nhiều cơ hội tham gia các hoạt động đào tạo, hỗ trợ nâng cao kiến thức sẽ giúp các

chị em có thêm cơ hội phát triển, khẳng định bản thân để tự tin vượt qua các thử thách, đi tới các thắng tiến trong công việc.

Hỗ trợ sinh kế tập trung vào hộ gia đình không chỉ PNKT. Hiện nay, các mô hình sinh kế này thường được khởi xướng và tham gia bởi những cá nhân tích cực trong cộng đồng với sự hỗ trợ đặc lực từ các dự án của các tổ chức phi chính phủ. Gia đình là hạt nhân gắn nhất của PNKT, có thể là đối tượng cùng ăn, cùng ở, cùng sống, cùng làm việc với PNKT do vậy hỗ trợ gia đình của PNKT cũng tạo động lực, nền tảng phát triển hệ thống hỗ trợ PNKT vươn lên tiếp cận việc làm mạnh mẽ hơn.

Chăm lo đời sống sức khỏe, tinh thần cho lao động nữ KT thông qua việc tổ chức sinh hoạt nhóm tự lực, các hoạt động giao lưu giữa NKT với người không khuyết tật cũng như gia đình họ, nhóm đồng cảnh/ chi hội phụ nữ NKT tại các cơ sở hội, đơn vị, địa phương về các chủ đề: Kỹ năng sống, kỹ năng tìm kiếm việc làm, chủ đề tình yêu hôn nhân gia đình hay các hoạt động Chào mừng ngày quốc tế phụ nữ, ngày phụ nữ Việt Nam, hay ngày quốc tế NKT ... Qua các hoạt động này, các anh chị em, NKT/ PNKT hỗ trợ nhau về tâm lý, thông tin kiến thức, kỹ năng với nhau, là cầu nối cho bản thân PNKT với các bạn khuyết tật khác có thể thoải mái chia sẻ những tâm tư, suy nghĩ, kết nối những tình bạn và hữu ích để họ giúp nhau phát hiện những khả năng của bản thân, tìm lại sự tự tin để sống độc lập hơn, hòa nhập hơn.

Hỗ trợ phục hồi chức năng, cung cấp, hỗ trợ các dụng cụ cần thiết phù hợp, bao gồm các biện pháp y học, kinh tế xã hội, giáo dục và các kỹ thuật phục hồi làm giảm tối đa tác động của giảm chức năng khuyết tật, đảm bảo cho NKT có cơ hội bình đẳng, được tăng khả năng tham gia các hoạt động lao động, việc làm tại gia đình cũng như nơi làm việc. NVCTXH có thể kết nối các đơn vị bảo trợ, tài trợ hỗ trợ các máy móc sản xuất phù hợp dạng tật, nhu cầu: máy may, máy làm nước mía...; dụng cụ phục hồi chức năng: xe lăn, nạng, gậy, chân tay giả, máy trợ thính... cho PNKT để họ ổn định sức

khỏe, thể trạng bệnh lý và dạng tật có phương tiện hỗ trợ thuận tiện tham gia học tập, làm việc.

Hỗ trợ hoạt động đối thoại, trao đổi với lao động KT, đặc biệt với nữ KT: NVCTXH thường xuyên đối thoại, trao đổi với lao động KT nữ, các doanh nghiệp, nhà sản xuất; tổ chức hoạt động đối thoại, lấy ý kiến giữa các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và PNKT để các bên có thể hiểu rõ các vấn đề của nhóm đối tượng của mình và kịp thời có những khuyến nghị, điều chỉnh chính sách, quyết sách phù hợp để hỗ trợ, đẩy mạnh sự phát triển các hoạt động đối với nhóm đối tượng lao động đặc thù trong sự hài hòa lợi ích, công bằng và xứng đáng với tổng thể khách quan.

Hỗ trợ thực hiện hoạt động truyền thông: Nhân viên CTXH có vai trò phối hợp với các nhóm, hội của và vì NKT thực hiện các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức của bản thân PNKT, gia đình, cộng đồng, các doanh nghiệp nhà sản xuất về năng lực của người khuyết tật giúp họ hiểu đúng về PNKT và có những hỗ trợ phù hợp.

1.3.2. Hỗ trợ tiếp cận giáo dục nghề nghiệp

CTXH có vai trò là công cụ hỗ trợ, thúc đẩy, kết nối dịch vụ, hoạt động dạy nghề, giúp PNKT tiếp cận, đạt được mục tiêu về việc làm. Trong hoạt động này, nhân viên CTXH nắm rõ hệ thống chính sách về quyền của PNKT khi tham gia các chương trình giáo dục, nhu cầu, sự thiếu hụt của PNKT để đưa ra các dịch vụ hỗ trợ phù hợp với điều kiện cũng như khả năng tiếp cận của PNKT.

PNKT còn khả năng lao động, mong muốn được học nghề để có việc làm, tạo thu nhập là hoàn toàn chính đáng. PNKT trong độ tuổi lao động thường gặp những khó khăn trong tìm kiếm công việc và trong theo đuổi một nghề nghiệp yêu thích do nhận thức của người sử dụng lao động và do việc đáp ứng nhu cầu tiếp cận công cụ lao động của PNKT chưa được thỏa mãn. PNKT có những hạn chế nhất định trong thực hiện các chức năng vận động,

nghe nhìn,...ảnh hưởng không nhỏ đến việc học và việc làm. Bên cạnh đó, nhiều người còn mang gánh nặng về tâm lý, chưa thực sự tự tin và sẵn sàng học nghề, hòa nhập cộng đồng. Do đó, CTXH là cầu nối giúp PNKT vượt qua các rào cản để tiếp cận cũng như theo học nghề phù hợp với bản thân tiến tới có công việc dễ dàng, phù hợp.

Đó là các hoạt động tư vấn, tham vấn khích lệ sự tham gia, hỗ trợ cho PNKT khám phá nhu cầu học nghề, nhu cầu công việc, nghề nghiệp, cung cấp thông tin giúp PNKT tìm hiểu về các cơ sở đào tạo nghề, các điều kiện học nghề và chọn nghề, tiếp cận được với các chính sách đào tạo nghề phù hợp với tình trạng sức khỏe, hoàn cảnh và nhu cầu, nguyện vọng của họ.

Đó cũng là việc hỗ trợ PNKT tiếp cận được quyền của mình khi tham gia các chương trình giáo dục như: ưu tiên trong tuyển sinh, miễn giảm một số môn học hoặc hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập...

Bên cạnh đó, các cơ sở dạy nghề cho NKT còn vướng, gặp khó khăn trong việc chọn nghề gì phù hợp cho học viên, xác định hướng tạo việc sau đào tạo cho họ như nào là tốt. Bên cạnh việc tư vấn, biện hộ với các nhà trường lựa chọn hình thức đào tạo nghề và xây dựng các chương trình đào tạo nghề cho phù hợp với NKT/ PNKT, NVCTXH là người phối hợp với chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể hỗ trợ PNKT được tham gia hỗ trợ học nghề miễn phí, dạy nghề gắn với tạo việc làm phù hợp cho NKT, thực hiện các hoạt động hỗ trợ giáo dục dạy nghề và hướng nghiệp cho PNKT, giúp PNKT có những lựa chọn phù hợp với thực tế của bản thân và mang tính bền vững; cung cấp cho PNKT cơ hội được học tập các nghề nghiệp mà họ cảm thấy phù hợp với tình trạng sức khỏe và năng lực của bản thân.

Các chương trình đào tạo cần gắn với thực hành, song CTXH có thể có các hoạt động hỗ trợ kiểm soát khâu tuyển dụng đầu vào và đầu ra của các chương trình đào tạo; kết nối với cơ sở đào tạo và đơn vị tuyển dụng để mở

rộng cơ hội học tập giáo dục và việc làm cho PNKT cũng như đảm bảo việc phối hợp huy động, kết nối nguồn lực được chặt chẽ, công tác dạy nghề cho PNKT đạt hiệu quả tối ưu hơn.

1.3.3. Tiếp cận và duy trì, phát triển việc làm

Bộ luật Lao động Việt Nam và một số Nghị định, văn bản pháp quy đã quy định, hướng dẫn trong việc tiếp nhận NKT vào làm tại các cơ sở sản xuất kinh doanh nhưng việc sử dụng NKT tại các doanh nghiệp xí nghiệp vẫn chưa nhiều vì nhiều nguyên nhân khác nhau.

Công tác xã hội thực hiện các hoạt động truyền thông trên các phương tiện, cung cấp thông tin đến NKT/ PNKT và các nhóm làm việc liên quan mật thiết đến vấn đề của và vì NKT, kết nối nguồn lực, vận động chính sách, hỗ trợ pháp lý cho NKT; kết nối với các đơn vị có nhu cầu để sử dụng NKT vào làm việc thông qua các chương trình hợp tác, dự án với các tổ chức trong và ngoài nước. Bên cạnh đó CTXH thực hiện vai trò hỗ trợ các hoạt động đào tạo, đào tạo lại liên tục giúp NKT nói chung và PNKT nói riêng nâng cao khả năng, năng lực làm việc và duy trì công việc ổn định. Ngoài ra, CTXH cũng có các hoạt động tác động, hỗ trợ tăng cường xây dựng, nâng cao chất lượng mối quan hệ giữa chủ lao động và người lao động : Các hoạt động đối thoại, chia sẻ thông tin, vấn đề về việc làm giữa chủ lao động và người lao động, thậm chí là cả việc tư vấn, tham vấn gia đình NKT cùng hỗ trợ NKT chủ động phát triển việc làm. Qua đó cùng với Nhà nước, sự nỗ lực của bản thân NKT nói chung, PNKT nói riêng mở rộng cơ hội, khả năng tiếp cận chính sách việc làm của NKT.

Những năm qua, các cá nhân tổ chức hoạt động CTXH đã tham gia mạnh mẽ vào việc xây dựng, vận động chính sách cùng với Nhà nước thực hiện nhiều biện pháp xúc tiến việc làm cho NKT như ban hành thực thi nhiều chính sách ưu đãi, khuyến khích cho các doanh nghiệp sử dụng lao động là NKT, hỗ trợ cơ sở sản xuất kinh doanh của NKT, thành lập Quỹ Quốc gia về

việc làm, triển khai nhiều chương trình dự án tạo việc làm cho NKT tại một số địa phương: “Dự án Xây dựng hỗ trợ sinh kế cho NKT giai đoạn 2008-2010”, mô hình “Hỗ trợ chăn nuôi bò sinh sản”...

Đặc biệt, từ năm 2006, ngành Lao động thương binh xã hội thường xuyên tổ chức các hội chợ việc làm, trong đó có khu vực dành riêng cho NKT với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp, cơ sở dạy nghề. Do vậy, NKT có nhiều cơ hội việc làm hơn và số lượng có việc làm đã được tăng lên hàng năm. Tiêu biểu về các hình thức dạy nghề và hỗ trợ việc làm như: Hội thanh niên khuyết tật Hà Nội, Trung tâm Nghị lực sống, Trung tâm vì ngày mai, Trường dạy nghề Hoa sữa...

Trong giai đoạn 2010-2015, Bộ lao động thương binh xã hội đã hỗ trợ xây dựng thí điểm 1 số mô hình trung tâm dịch vụ công tác xã hội và hướng tới giai đoạn 2016-2020 hỗ trợ nhân rộng 70 mô hình cơ sở dịch vụ công tác xã hội ra các quận huyện thị xã thuộc các tỉnh thành phố, trường đại học và trường nghề để cung cấp dịch vụ công tác xã hội cho cá nhân, nhóm gia đình, cộng đồng có vấn đề trong đó có nhóm đối tượng đặc thù là người khuyết tật/PNKT.

Đây là đòn bẩy đẩy mạnh phong trào người khuyết tật đến từng địa phương, giúp người khuyết tật tự tin hoà nhập cộng đồng, tiếp cận với các cơ hội việc làm nhanh chóng và thuận tiện hơn.

Điển hình như việc triển khai mô hình các trung tâm phục hồi chức năng lao động cho NKT tại các cơ sở đào tạo như trung tâm giới thiệu việc làm Hà Nội, Trung tâm bảo trợ thành phố HCM...giúp người lao động tìm đến, tư vấn cho người lao động việc làm, học nghề, tự tạo việc làm, quan hệ lao động, là điểm quan sát, thu thập, cung ứng các thông tin liên quan đến thị trường lao động, công việc trên địa bàn. Tại các cơ sở này thường xuyên thông báo các chương trình dạy nghề, tuyển sinh và tuyển dụng lao động là người khuyết tật trên các quảng cáo tivi, website của tổ chức, internet và đặc

biệt thông báo qua các hội người khuyết tật. Định kỳ hàng tháng, trung tâm đều mở các sàn giao dịch việc làm, qua đó các NVCTXH sẽ tư vấn, đánh giá nhu cầu và tham vấn, giới thiệu, kết nối miễn phí những lao động khuyết tật có nhu cầu tìm kiếm, thay đổi việc làm phù hợp.

Dự án “Mô hình phục hồi chức năng lao động cho NKT tại Hà Nội giai đoạn 2012-2014” do Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Nội triển khai đã thu hút 39 doanh nghiệp, 11 trường nghề và 5 trung tâm phục hồi chức năng tham gia. Hàng ngàn NKT được thụ hưởng giá trị lâu dài của dự án” - ông Nguyễn Toàn Phong, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Nội chia sẻ.

Hàng năm, các ngày kỷ niệm Ngày người khuyết tật Việt Nam 18-4, ngày quốc tế người khuyết tật 3-12 được quan tâm hơn, thực hiện nhiều chương trình về người khuyết tật. Những ngày này là một cơ hội lớn cho tất cả người khuyết tật trên cả nước giao lưu, chia sẻ và tìm kiếm cơ hội việc làm.

1.3.4. Hỗ trợ tự tạo việc làm

CTXH có vai trò kết nối, vận động nguồn lực thực hiện hỗ trợ, giám sát, thúc đẩy các hoạt động, dịch vụ trong tiến trình trợ giúp PNKT đảm bảo năng lực để họ tự tạo việc làm.

Thông qua các hoạt động phối hợp với Nhà nước, các tổ chức đoàn thể, kết nối, hỗ trợ PNKT hoặc gia đình có PNKT được vay vốn với lãi suất ưu đãi để sản xuất kinh doanh từ Ngân hàng Chính sách xã hội, các dự án, nhà tài trợ với các điều kiện, thời hạn và mức vốn cho vay thực hiện theo các quy định hiện hành áp dụng đối với các dự án vay vốn giải quyết việc làm; NVCTXH có vai trò hỗ trợ, kết nối, điều tiết cùng các Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan hướng dẫn về sản xuất kinh doanh, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm do người khuyết tật làm ra.

Để PNKT có thể tự tạo việc làm, duy trì và ổn định việc làm CTXH còn có vai trò thực hiện các hoạt động nâng cao năng lực, đào tạo, đào tạo nâng cao cho nhóm PNKT như thực hiện hướng dẫn, cung cấp, nâng cao kiến thức, đào tạo các kỹ năng kinh doanh, sản xuất, chuyên môn để có thể mở cơ sở sản xuất tại nhà hoặc phát triển tay nghề duy trì công việc.

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với phụ nữ khuyết tật

Các hoạt động công tác trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố cả chủ quan và khách quan:

- **Các yếu tố chủ quan:**

Các yếu tố từ bản thân, đặc điểm của PNKT:

Như đã trình bày ở phần trên, một số PNKT thường có tâm lý mặc cảm, tự ti hoặc trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Khi hỗ trợ những đối tượng này NVCTXH cần kiên nhẫn giúp họ tìm lại sự tự tin vào bản thân, giúp họ tin rằng họ có thể vươn lên, tìm kiếm, tham gia, có một công việc phù hợp. NVCTXH cần kiên nhẫn giúp họ thay đổi từng tý một, cần bắt đầu từ những việc nhỏ, tạo ra những thành công nhỏ để khuyến khích và tăng dần sự tự tin. Bởi vì khi PNKT đã sống với sự khuyết tật, các rào cản tâm lý, định kiến xã hội lâu thì khả năng thay đổi không thể trong một sớm một chiều. Trong khi đó, nếu lực lượng NVCTXH mỏng sẽ ảnh hưởng đến việc cung cấp các dịch vụ CTXH. Cũng vì mặc cảm, tự ti nên PNKT thường trở nên ít hoặc không có khả năng truyền đạt nhu cầu đến người có khả năng giúp đỡ. Thiếu linh hoạt trong quá trình tìm việc đôi khi cũng là một cản trở hạn chế cơ hội việc làm của người khuyết tật. Do vậy, họ thường không chủ động đi tìm kiếm các việc làm, các dịch vụ CTXH hỗ trợ việc làm cho PNKT. Khi đó người cung cấp dịch vụ sẽ mất thời gian hơn để “đi tìm” người cần giúp đỡ. Như vậy, muốn có hệ thống dịch vụ CTXH chuyên sâu và có chất lượng thì

cần phải có đội ngũ nhân viên, cộng tác viên CTXH được đào tạo nghề CTXH bài bản.

Sức khỏe: là yếu tố quan trọng có ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực tới quyết định chọn nghề. PNKT thường gặp nhiều các vấn đề khó khăn về sức khỏe, dạng tật, việc thường xuyên đau ốm hơn người không khuyết tật hay phải thường xuyên nghỉ làm đi khám bệnh ảnh hưởng đến việc tuân thủ các quy định chặt chẽ về giờ giấc hay hoạt động dây chuyên của các cơ quan, doanh nghiệp gây cản trở đến việc chọn nghề và bám nghề phù hợp với tình trạng sức khỏe, dạng tật của mình. Với đặc điểm này, NVCTXH cần có nắm được những thông tin về đặc điểm, dạng tật của PNKT để có những tham vấn phù hợp.

Yếu tố giới: PNKT phân đa là phụ nữ đơn thân nuôi con nhỏ hoặc góa, hoặc sống độc thân hoặc một mình sống với cha mẹ già nên trong quá trình làm việc khi trong gia đình xảy ra các sự cố: bản thân ốm đau, người thân đau ốm thì ít có sự hỗ trợ, phải xin nghỉ làm để lo công việc hoặc có thời gian nghỉ thai sản kéo dài hơn. Việc này dễ gây ảnh hưởng đến tiến độ công việc, đặc biệt các công việc theo dây chuyền sản xuất.

Các yếu tố thuộc về kỹ năng thực hiện công việc của PNKT: gồm các kỹ năng thuộc về thể lực, trí lực, trình độ giáo dục, đào tạo các kỹ năng của PNKT. Trách nhiệm tối đa công việc nào đó tùy từng vị trí công việc mà người lao động đảm nhiệm, những công việc khác nhau: Các nỗ lực đối với sự thực hiện công việc bao gồm cả các nỗ lực về thể lực và trí lực; Các điều kiện làm việc đó là gồm các điều kiện về môi trường, vật chất, sự tiếp cận của các máy móc thiết bị, cơ sở hạ tầng có phù hợp với dạng tật của PNKT đó không.

- **Các yếu tố khách quan:**

Yếu tố gia đình PNKT: Những người thân trong gia đình PNKT là những người đầu tiên cần hiểu đúng, ủng hộ và trợ giúp cho NKT. Chưa biết,

chưa hiểu về khả năng, nhu cầu của PNKT hay sự bao bọc quá mức từ phía gia đình cũng hạn chế khả năng sống tự lập của người khuyết tật, vươn lên khẳng định, phân nào tự lo cho cuộc sống của mình và chưa nghĩ được nhiều đến con đường lâu dài cho NKT. Không phải gia đình nào có NKT cũng sẵn sàng cho thành viên của họ tham gia nhóm, tham gia làm việc bên ngoài: Họ không tin rằng sẽ có sự thay đổi tích cực cho thành viên khuyết tật của gia đình họ, hoặc họ không đủ khả năng để hỗ trợ PNKT đi lại, chăm sóc PNKT trong thời gian tham gia nhóm, trong thời gian PNKT đi làm. Do vậy, NVXH cần cho họ thấy được ý nghĩa của việc tham gia các hoạt động nhóm, đi làm; cho họ biết sứ mệnh của nhóm, mục đích tham gia nhóm, mục đích PNKT cần đi làm, lợi ích của việc tham gia nhóm và tự đi làm, lao động của PNKT. Ngoài ra, phải hỗ trợ họ tìm kiếm giải pháp để có thể chăm sóc hoặc hỗ trợ di chuyển cho PNKT khi tham gia các hoạt động nhóm, khi đi làm để không ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt của gia đình họ; vận động gia đình cùng tham gia một số hoạt động liên quan: truyền thông, nâng cao nhận thức/ năng lực...

Nhận thức chung của cộng đồng: Nhận thức chung của cộng đồng xã hội nơi PNKT sinh sống, PNKT về CTXH, CTXH trọng hỗ trợ việc làm của PNKT có hạn chế, sai lệch cũng là yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động dịch vụ CTXH trong hỗ trợ việc làm của PNKT. Nhiều người trong cộng đồng có cái nhìn không thiện cảm, thậm chí kỳ thị đối với PNKT sẽ làm trầm trọng thêm sự tự ti, mặc cảm của PNKT. Do vậy trong quá trình thực hiện các hoạt động CTXH trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT cần có các hoạt động tác động, nâng cao nhận thức đối với các nhóm cộng đồng xung quanh.

Hội/nhóm/CLB NKT, PNKT: là nơi đầu tiên PNKT có thể đến giao lưu, chia sẻ học hỏi lẫn nhau, là nơi mà NKT có thể tin cậy và chung sức xây dựng cộng đồng của mình. Do vậy, các hội nhóm, CLB này nếu hoạt động đủ

mạnh , có nhiều hoạt động phong phú sẽ thu hút sự tham gia của PNKT. Qua đó giúp PNKT nâng tầm vị thế của mình trong cộng đồng.

Đội ngũ cán bộ, nhân viên làm CTXH: Các yếu tố về cán bộ quản lý, nhân viên làm CTXH như: tính chuyên nghiệp, năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng, phương pháp làm việc với PNKT; khả năng phối hợp, kết nối với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức cá nhân, đồng nghiệp; thái độ với công việc tích cực hay không tích cực; thái độ làm việc với PNKT có ảnh hưởng lớn tới sự hỗ trợ cho PNKT. Nếu như các cán bộ làm công tác quản lý, nhân viên làm CTXH được đào tạo bài bản, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ tốt, có kỹ năng phương pháp làm việc hiệu quả, tích cực, chủ động, sáng tạo, thái độ phục vụ tốt sẽ là tiền đề giúp PNKT tiếp cận các hoạt động, dịch vụ về việc làm tốt hơn và ngược lại nhân viên làm CTXH, cán bộ quản lý có những hạn chế về các vấn đề đó sẽ làm rào cản lớn trong việc tiếp cận các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ việc làm đối với PNKT.

Về cơ chế chính sách: Chủ trương chính sách có vai trò góp phần hỗ trợ thúc đẩy việc thực hiện các hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT.

Nghề CTXH là một nghề mới ở Việt Nam nên hiện tại các khung pháp lý về nghề còn đang trong quá trình hoàn thiện, bổ sung, đặc biệt vai trò, nhiệm vụ của cán bộ, viên chức, nhân viên CTXH chưa được xác định cụ thể trong một số Bộ Luật, Luật liên quan như Bộ luật lao động, bộ Luật dân sự,..Điều này ảnh hưởng tới việc cung cấp các dịch vụ CTXH đối với NKT nói chung và PNKT nói riêng.

Khung cảnh kinh tế: Việc hội nhập kinh tế và tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương cũng tác động không nhỏ đến việc dạy nghề và giải quyết việc làm cho PNKT. Nếu kinh tế phát triển doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất cần nhiều lao động để tạo ra hàng hóa vật chất, tạo ra sản phẩm thì sẽ có thể sử dụng đến nguồn lao động là PNKT. Ngược lại, khi kinh

tế trì trệ, kém phát triển, doanh nghiệp cắt giảm quy mô, nhu cầu về lao động...ít có cơ hội việc làm hơn. Bên cạnh đó nhiều doanh nghiệp có tâm lý rất „ngại ngần“ khi tiếp nhận người lao động là phụ nữ khuyết tật vì cho rằng năng suất của PNKT là ít, hay ốm đau, nghỉ việc ảnh hưởng đến tinh thần, hoạt động của dây chuyền sản xuất.... hoặc các cơ chế làm việc tại các đơn vị kinh doanh khiến cho phụ nữ khuyết tật không thể đáp ứng. Tình hình kinh tế và những biến động của các yếu tố kinh tế có thể tạo ra cơ hội và cả những thách thức với doanh nghiệp. Để đảm bảo thành công của hoạt động doanh thu của đơn vị, nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp cũng trở lên khắt khe và chạy theo doanh số, chất lượng lao động, quá trình tuyển dụng sẽ sàng lọc sẽ càng ngặt nghèo, và bị hấp dẫn bởi các ứng viên có năng lực trình độ cao không phải là người khuyết tật.

Thách thức môi trường làm việc không thân thiện. Nếu người khuyết tật được làm việc trong môi trường thân thiện tỷ lệ người có việc làm bền vững sẽ tăng cao. Ngược lại, tỷ lệ nghỉ việc, bám giữ công việc hay nhảy việc sẽ xảy ra thường xuyên hơn nếu người khuyết tật phải làm việc trong môi trường không phù hợp. Nghiên cứu “Tỷ lệ gắn bó với công việc của người lao động khuyết tật” năm 2014 của VNAH chỉ ra các lý do dẫn đến nghỉ việc của người lao động khuyết tật gồm:

- Môi trường làm việc không thân thiện (có sự kỳ thị giữa đồng nghiệp, giữa sếp và người lao động, bị phân biệt đối xử giữa nhóm khuyết tật và không khuyết tật...);
- Môi trường làm việc không an toàn và;
- Điều kiện làm việc không phù hợp (không có lối đi cho người khuyết tật vận động, khó khăn trong sử dụng nhà vệ sinh, phương tiện làm việc...)
- Nguyên nhân nghỉ việc đồng thời chính là thách thức cản trở người lao động khuyết tật gắn bó với nơi làm việc.

Như vậy, quy mô, cơ sở hạ tầng đường đi; thân thiện, phù hợp của trang thiết bị phù hợp với NKT; số lượng, chất lượng nguồn lực NVCTXH; các chính sách dành riêng cho NKT/PNKT; công tác hỗ trợ nơi ở phù hợp nhu cầu, điều kiện, tính chất của PNKT cũng là những yếu tố tác động không nhỏ đến việc lựa chọn công việc, bám việc của PNKT. Khi họ lựa chọn công việc bao giờ cũng cần xét đến các yếu tố môi trường, điều kiện làm việc. Tuy nhiên, khi vì 1 lý do nào đó họ đã vào làm việc tại các doanh nghiệp, xí nghiệp đến khi các điều kiện môi trường đó trở lên bất lợi, không phù hợp cho họ làm mất động lực làm việc hoặc không có khả năng việc, họ không thích ứng, thích nghi được cũng làm giảm chất lượng lao động hoặc họ bỏ việc, mất việc.

Hệ thống các cơ sở sản xuất kinh doanh: Nếu doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh gặp khó khăn khi tiếp cận các chính sách ưu đãi của chính phủ thì động lực tạo việc làm cho NKT của doanh nghiệp cũng có thể giảm theo. Nghiên cứu tỷ lệ gắn kết với công việc của VNAH, 2014 chỉ ra rằng, tất cả doanh nghiệp chưa tuyển dụng người khuyết tật đều là doanh nghiệp không biết chính sách ưu đãi của chính phủ (chính sách giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, chính sách vay vốn, ưu tiên và giảm/miễn tiền thuê mặt bằng (theo khoản 4 điều 4 Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2013; Điều 3 thông tư số 26/2012 TT-BLĐTBH; Điều 176 Luật lao động) [15]. Khi doanh nghiệp không thấy bất kỳ lợi ích nào từ chính sách nếu họ sử dụng lao động KT chắc chắn sẽ giảm động lực tuyển dụng hoặc tạo việc làm cho các nhóm khuyết tật. Hơn nữa về yếu tố giới nhiều cơ sở tỏ ra ngần ngại khi tiếp nhận lao động khuyết tật nữ: do khi có lao động nữ hơn nữa lại là NKT, họ cần chi trả nhiều chế độ hơn như chế độ thai sản, hoặc vì PNKT thường dễ ốm và yếu hơn nên hay nghỉ việc ảnh hưởng chất lượng dây chuyền...

Công tác đào tạo nghề: Có thể nói rằng, định hướng nghề nghiệp là yếu tố quan trọng tác động đến cơ hội việc làm cho người khuyết tật. Chất

lượng chương trình đào tạo, phương tiện thực hành. Có ba yếu tố quyết định một chương trình đào tạo thành công gồm: (i) Chương trình giảng dạy; (ii) Đội ngũ giảng viên; và (iii) Cách tổ chức chương trình dạy học. Nếu một trong ba yếu tố không đạt cũng sẽ ảnh hưởng không tốt tới chất lượng đào tạo. Kết quả là người học không đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp. Tất nhiên không phủ nhận nếu người học có nỗ lực tốt trong quá trình học vẫn có thể đạt được yêu cầu của doanh nghiệp kể cả khi chương trình chưa đạt chuẩn. Song phần đa người học chịu ảnh hưởng lớn từ chất lượng chương trình đào tạo. Do vậy, công tác đào tạo nghề thực hiện thiếu bài bản cũng là yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm cho phụ nữ khuyết tật.

Nguồn lực tài chính: Mặc dù hệ thống chính sách an sinh xã hội cho NKT đã tương đối toàn diện, song bên cạnh sự trợ giúp nguồn lực tài chính từ Nhà nước, chính quyền địa phương thông qua các nguồn hỗ trợ của Ngân sách Trung Ương, Ngân hàng chính sách xã hội vẫn còn hạn hẹp do những quy định khắt khe về vay vốn thì sự huy động nguồn lực (nhân lực, vật lực...) của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng thông qua sự tự đóng góp hoặc tài trợ còn hết sức nhỏ. Đó là trở ngại lớn cho hoạt động CTXH.

Tóm lại, hoạt động CTXH trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố. Từ bản thân PNKT tới các chính sách, công tác định hướng nghề nghiệp, chất lượng đào tạo, nguồn tài chính, sự bao bọc của gia đình và định kiến xã hội, người thực hiện đều có ảnh hưởng lớn. Môi trường làm việc là yếu tố ảnh hưởng quan trọng trong chuỗi tiếp cận thị trường lao động của PNKT. Ngoài ra còn nhiều yếu tố khác như giao thông, hoàn cảnh gia đình, số ngành nghề trên địa bàn hiện có để lựa chọn nghề nào,...có thể ảnh hưởng tới tất cả các bước trong quá trình tiếp cận thị trường lao động.

Kết luận chương 1

Như vậy, trong chương 1, tác giả đã trình bày một cách khái quát những vấn đề lý luận liên quan về Công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm của PNKT như: Các khái niệm về CTXH, NKT, PNKT, CTXH với NKT, việc làm, hỗ trợ việc làm, CTXH trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT... Đồng thời đưa ra các hoạt động của CTXH trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT như: Hoạt động nâng cao năng lực, hoạt động tham vấn, tư vấn, kết nối dịch vụ, hỗ trợ tự tạo việc làm... Ngoài ra, tác giả cũng đưa ra một số yếu tố ảnh hưởng cả chủ quan và khách quan đến vấn đề thực hiện hoạt động CTXH trong hỗ trợ việc làm của PNKT, từ yếu tố bản thân PNKT, điều kiện cơ sở vật chất, nhận thức của cộng đồng, từ các cơ sở sản xuất, điều kiện về nhân viên CTXH, hệ thống chính sách....Các nội dung này là cơ sở để đánh giá thực trạng CTXH trong hỗ trợ việc làm của PNKT tại huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội trong chương 2

Chương 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ VIỆC LÀM ĐỐI VỚI PHỤ NỮ KHUYẾT TẬT TẠI HUYỆN SÓC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Khái quát về địa bàn và khách thể nghiên cứu

2.1.1. Khái quát về địa bàn

Sóc Sơn là một huyện ngoại thành phía Bắc của thủ đô Hà Nội, giáp thị xã Phổ Yên thuộc tỉnh Thái Nguyên về phía bắc, huyện Yên Phong thuộc tỉnh Bắc Ninh và huyện Hiệp Hòa thuộc tỉnh Bắc Giang về phía đông và đông bắc, về phía tây bắc giáp thị xã Phúc Yên tỉnh Vĩnh Phúc và phía nam giáp các huyện Mê Linh và Đông Anh của Hà Nội. Huyện bao gồm thị trấn Sóc Sơn và 25 đơn vị hành chính cấp xã gồm: Bắc Phú, Bắc Sơn, Đông Xuân, Đức Hòa, Hiền Ninh, Hồng Kỳ, Kim Lũ, Mai Đình, Minh Phú, Minh Trí, Nam Sơn, Phú Cường, Phù Linh, Phù Lỗ, Phú Minh, Quang Tiến, Tân Dân, Tân Hưng, Tân Minh, Thanh Xuân, Tiên Dược, Trung Giã, Việt Long, Xuân Giang, Xuân Thu.

Với diện tích đất tự nhiên 306,5 km², là huyện có diện tích lớn thứ hai của thành phố, bao gồm đất đồi, rừng, bán sơn địa, vùng đất giữa và vùng ven sông, tiếp giáp ba tỉnh Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Thái Nguyên; có cụm Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài, huyện Sóc Sơn mang trong mình nhiều lợi thế, có tiềm năng lớn thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội mà không phải địa phương nào cũng có. Song nhiều năm qua, Sóc Sơn vẫn thiếu những bước tiến mang tính đột phá để có thể biến tiềm năng thành hiện thực...

Thời gian qua, kinh tế trên địa bàn đạt mức tăng trưởng khá, an sinh xã hội được bảo đảm. Tám tháng đầu năm 2016, tổng thu ngân sách của huyện đạt 278,242 tỷ đồng, bằng 77,29% dự toán, tăng 20,17% so cùng kỳ năm trước. Trên địa bàn huyện hiện có hai khu công nghiệp, trong đó khu công nghiệp Nội Bài có diện tích 114 ha, thu hút 44 doanh nghiệp sản xuất,

kinh doanh cơ khí, linh kiện ô-tô, xe máy, thép... tạo việc làm cho gần 17 nghìn lao động, với mức thu nhập bình quân từ 3 đến 3,5 triệu đồng/người/tháng. Công tác dồn điền đổi thửa trên địa bàn thời gian qua được chú trọng. Toàn huyện đã có 10.845 ha được dồn đổi, trên cơ sở đó xây dựng các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, như 32 vùng sản xuất lúa chất lượng cao; 300 ha sản xuất rau an toàn, rau hữu cơ; 227 ha trồng hoa nhài; 650 ha trồng chè; 300 ha trồng bưởi sạch... Giá trị sản xuất trên 1ha đất nông nghiệp đạt 133 triệu đồng. Đến nay, huyện đã có 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 13 xã còn lại đã đạt và cơ bản đạt từ 12 tiêu chí trở lên.

Dù đã có nhiều cố gắng, song Sóc Sơn vẫn là một trong số 10 huyện nghèo của thành phố. Tỷ lệ hộ nghèo của huyện theo chuẩn mới khá cao, số hộ nghèo chiếm 5,4% và hộ cận nghèo là 1,6%

Theo quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Sóc Sơn là một trong năm đô thị vệ tinh của Thủ đô với định hướng phát triển là đô thị dịch vụ và đô thị sinh thái gắn với Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài, các khu công nghiệp; phát triển không gian, cảnh quan xanh khu vực Núi Sóc và các sông, hồ hiện có. Thành phố vệ tinh Sóc Sơn sẽ đáp ứng yêu cầu giãn dân, giảm tải cho khu vực trung tâm, hình thành các trung tâm dịch vụ gắn với công nghiệp sạch và các đầu mối giao thông quan trọng.

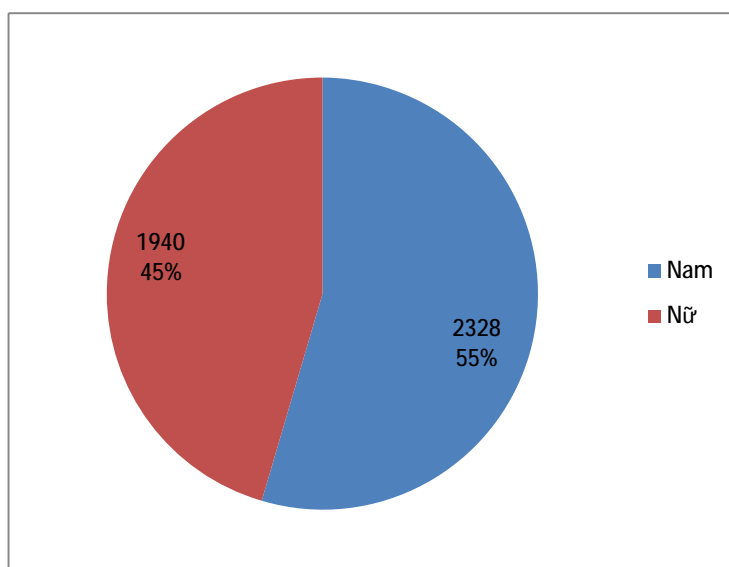
Có các điều kiện tiềm năng, nội lực mạnh tuy nhiên các hoạt động diễn ra còn chưa đạt được các hiệu quả như mong đợi.

Tại huyện Sóc Sơn hàng năm đã có nhiều hoạt động hỗ trợ NKT nói chung trong đó có PNKT: thông qua các hoạt động như hỗ trợ NKT, gia đình có NKT vay vốn ưu đãi theo chính sách chế độ của Ngân hàng chính sách Nhà nước, tạo điều kiện hỗ trợ nhiều hoạt động thông tin truyền thông về các vấn đề liên quan đến NKT trên các phương tiện báo chí, loa đài, hàng năm

đều có nguồn quỹ để mở lớp học nghề, trong đó có quỹ để mở các lớp học nghề dành riêng cho NKT.

Theo báo cáo tổng kết năm 2016 của Phòng Lao động thương binh xã hội huyện Sóc Sơn, huyện có 330709 dân với 4268 (1.3%) người khuyết tật thuộc 4123 hộ.

Biểu đồ 2.1: Cơ cấu giới tính NKT huyện Sóc Sơn năm 2016



(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm 2016 của Phòng Lao động thương binh xã hội huyện Sóc Sơn)

Cơ cấu giới: Trong tổng số 4268 NKT thì nam khuyết tật là 2328 người (55%). Như vậy, nữ khuyết tật chiếm tỉ lệ thấp hơn với 1940 người (45% NKT).

2.1.2. Khái quát về phụ nữ khuyết tật huyện Sóc Sơn

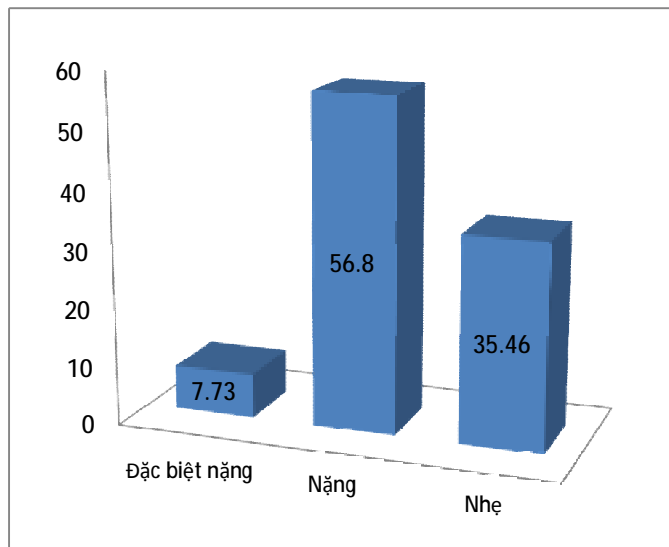
Dạng khuyết tật: Từ số liệu **Bảng 2.1** cho thấy trong số những PNKT huyện Sóc Sơn năm 2016, nhóm khó khăn về vận động chiếm tỷ lệ cao nhất chiếm 41.65% (808/1940) tiếp đó đến NKT thần kinh, tâm thần chiếm 17.58% (341/1940) và NKT trí tuệ (14.33%) sau đó là NKT nhìn và nghe, nói.

Bảng 2.1. Cơ cấu dạng khuyết tật của PNKT huyện Sóc Sơn năm 2016.

Dạng khuyết tật	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Vận động	808	41.65
Nhìn	225	11.60
Thần kinh, tâm thần	341	17.58
Nghe, nói	205	10.57
Trí tuệ	278	14.33
Khác	83	4.28
Tổng	1940	100

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm 2016 của Phòng Lao động thương binh xã hội huyện Sóc Sơn)

Mức độ khuyết tật: Mức độ khuyết tật càng nặng thì tỷ lệ tham gia lực lượng lao động càng thấp và tỉ lệ thất nghiệp càng cao. Theo như **Biểu đồ 2.2** cho thấy, NKT huyện Sóc Sơn năm 2016 chủ yếu là NKT nặng 56.8% (1102/1940 người) và theo sau là NKT nhẹ 35.46% (688/1940 người), thấp nhất là NKT ở mức độ đặc biệt nặng với 7.73% (150/1940 người). Hầu hết khuyết tật đều gây ảnh hưởng đến cuộc sống của PNKT: không tự phục vụ được trong sinh hoạt hàng ngày, khả năng sống độc lập, khả năng tham gia vào các công việc gia đình, hạn chế cơ hội/khả năng tham gia các hoạt động gia đình cũng như hoạt động lao động, xã hội như đi làm, đi chơi với bạn bè, đến lễ hội hay các địa điểm vui chơi...

Biểu đồ 2.2: Mức độ khuyết tật của PNKT huyện Sóc Sơn năm 2016

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm 2016 của Phòng Lao động thương binh xã hội huyện Sóc Sơn)

Trình độ học vấn: Huyện chưa có con số thống kê về trình độ học vấn của PNKT huyện Sóc Sơn. Song, qua báo cáo năm 2016 của Phòng Lao động thương binh xã hội huyện Sóc Sơn chỉ ra nhóm NKT có trình độ phổ biến nhất là đã tốt nghiệp tiểu học với 1631/ 4268 người (38%), tiếp theo đó là số NKT mù chữ với 1021 người (24%), tiếp đó là NKT đã tốt nghiệp trung học cơ sở 876/4268 người (21%) và thấp hơn là đã tốt nghiệp trung học phổ thông. Chiếm 9% số NKT của cả huyện và thấp hơn nữa là số NKT đã tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp. Thấp nhất là số NKT đã tốt nghiệp cao đẳng đại học, chỉ với 105/4268 người (2%). Không biết chữ và trình độ văn hóa thấp ảnh hưởng nhiều đến việc làm và điều kiện sống của NKT. Tuy nhiên, đây chỉ là các con số báo cáo về trình độ học vấn của NKT nói chung mà chưa có con số thống kê đại diện cho từng giới nam và nữ.

Bảng 2.2. Trình độ học vấn của người khuyết tật huyện Sóc Sơn năm 2016

Trình độ học vấn	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Mù chữ	1021	23.92
Đã tốt nghiệp tiểu học	1631	38.21
Đã tốt nghiệp trung học cơ sở	876	20.52
Đã tốt nghiệp trung học phổ thông	376	8.81
Đã tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp	259	6.07
Đã tốt nghiệp Cao đẳng, Đại học	105	2.46
Đã tốt nghiệp trên đại học	0	0
Tổng	4268	100

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm 2016 của Phòng Lao động thương binh xã hội huyện Sóc Sơn)

Theo đánh giá của cán bộ phòng lao động thương binh xã hội huyện Sóc Sơn: Dù chưa có con số thống kê cụ thể về trình độ học vấn của PNKT huyện Sóc Sơn nhưng nhìn chung trình độ học vấn của các chị em KT tại huyện là thấp và thấp hơn KT nam. Qua đó, cho thấy trình độ học vấn của NKT nói chung đã thấp hơn so với mặt bằng chung của xã hội nhưng của nhóm PNKT thì còn thấp và nhiều hạn chế hơn.

Năm 2013 huyện đã thành lập được Chi hội phụ nữ khuyết tật Sóc Sơn với tổng số 127 hội viên nằm rải rác ở 26 xã và thị trấn, cho tới nay Chi Hội có trên 200 hội viên. Phần lớn chị em chưa có công ăn việc làm và thuộc hộ nghèo. Đến nay Chi Hội đã ổn định tổ chức và đi vào hoạt động và có nhiều hoạt động thiết thực, góp phần thúc đẩy sự phát triển PNKT: Các chương trình giao lưu chia sẻ, hoạt động nâng cao năng lực, kết nối học nghề và việc làm.

Nhìn chung, huyện Sóc Sơn đã có những quan tâm, có một số thống kê về nhóm đối tượng NKT nói chung. Tuy nhiên chưa có các đánh giá,

nghiên cứu, báo cáo, số liệu cụ thể riêng biệt nào về tình trạng việc làm của PNKT và các hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm của PNKT.

2.1.3. Lao động việc làm và vấn đề việc làm của phụ nữ khuyết tật

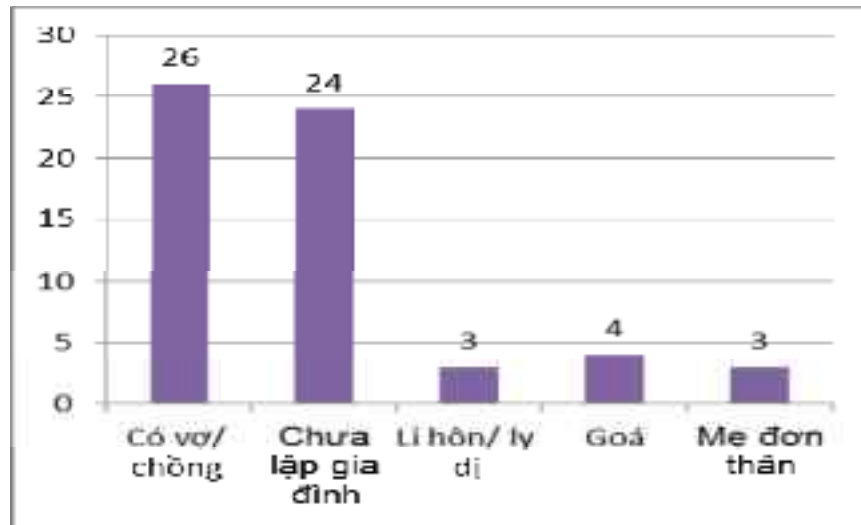
Dạng khuyết tật: Theo kết quả khảo sát, số PNKT vận động chiếm tỉ lệ cao nhất 24/60 (40%), theo sau là số PNKT trí tuệ với 21.67%, thấp hơn là PNKT thần kinh, tâm thần 15%, thấp hơn nữa là số PNKT nhìn 10%, thấp nhất là nhóm PNKT nghe, nói với 8.33%. Ngoài ra, 5% thuộc nhóm KT khác.

Bảng 2.3. Dạng khuyết tật của PNKT huyện Sóc Sơn

Dạng khuyết tật	Tỷ lệ (%)
Vận động	40
Nhìn	10
Thần kinh, tâm thần	15
Nghe, nói	8.33
Trí tuệ	21.67
Khác	5
Tổng	100

(Nguồn: Khảo sát phụ nữ khuyết tật tại huyện Sóc Sơn năm 2017)

Tình trạng hôn nhân: Theo thông tin thu thập được (**Biểu đồ 2.3**) đa số người khuyết tật tuổi 16 - 55 đều đang sống với vợ/chồng chiếm tỷ lệ 43.33% (26/60). Số người chưa lập gia đình chiếm tỷ lệ là 40% (24/60). Tỷ lệ góa, ly thân và ly hôn, ly thân chiếm tỷ lệ thấp hơn, tuy nhiên cũng chiếm tới 16.67% (10/60).

Biểu đồ 2.3: Tình trạng hôn nhân của PNKT huyện Sóc Sơn năm 2017

(Nguồn: Khảo sát phụ nữ khuyết tật tại huyện Sóc Sơn năm 2017)

Tỷ lệ này cho thấy PNKT hầu hết cũng có cuộc sống gia đình như những người không khuyết tật; mặc dù vậy, tỷ lệ số PNKT không có gia đình (góa, ly thân, ly hôn) là tương đối cao do vậy việc chia sẻ, gánh vác các công việc gia đình cùng các chị em PNKT bị hạn chế hơn và làm giảm cơ hội tiếp cận và duy trì công việc của chị em PNKT.

Hộp 1: Đánh giá về mối quan hệ giữa tình trạng hôn nhân của PNKT

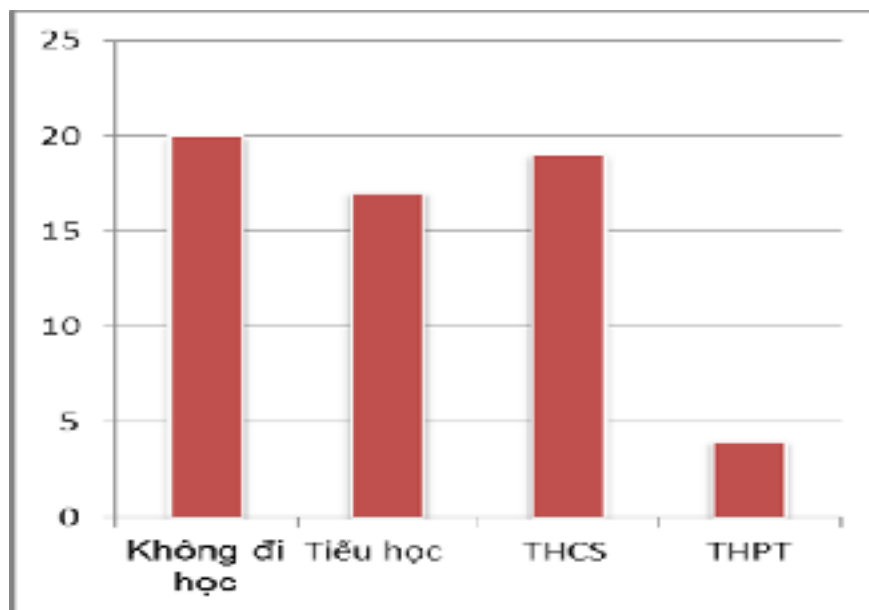
Giám đốc HTX Trái tim hồng: Số các chị em PNKT là góa, mẹ đơn thân với ly hôn ly thân, ly dị với không lập gia đình là cao hơn các các chị em phụ nữ không khuyết tật. Việc này làm cản trở các cơ hội làm việc, gắn bó với công việc của chị em rất nhiều, nhất là rất khó để theo đuổi các công việc ở các công ty xí nghiệp. Nào là con ốm, mẹ ốm, bố ốm không có ai chăm phải xin nghỉ ở nhà chăm, đưa đi viện; nào là có đình đám, đám cưới, đám ma nhà không có người đi phải xin nghỉ một buổi làm để đi; hay là muốn đi làm lắm nhưng ở một mình không có ai trông con... Các lao động không KT còn phải “cày ượt mặt ra” để theo dây chuyền sản xuất, các chị em cứ nghỉ thế các doanh nghiệp họ rất khó chịu vì ảnh hưởng đến chất lượng dây chuyền sản xuất, đội ngũ lao động của họ nên hầu hết họ cũng chẳng muốn nhận lao động

KT vào làm.

PVS PNKT: Chị vừa khuyết tật vừa xấu nên chẳng ai lấy, có kiếm lấy đưa con đẻ sau này già còn có niềm an ủi. Trước đi làm công nhân được vài tháng, từ ngày có con chị có theo được nữa đâu, phải tự xin nghỉ về túc tắc làm mấy việc ở nhà cho đủ rau cháo 2 mẹ con đấy. Có con nhỏ chẳng ai chăm giúp, nào là đưa đón con đi học, thi thoảng con ốm, thêm thi thoảng việc của họ của hàng phải nghỉ làm nữa nên có theo được việc của công ty đâu.

Về trình độ văn hóa: Biểu đồ 2.4 cho thấy nhóm PNKT có trình độ phổ biến nhất là trung học cơ sở 19/60 (31.67%), tiếp theo đó là tiểu học 17/60 (28.33%). Số nhiều nhất là nhóm người không đi học chiếm 33.33% (20/60) và rất ít PNKT có trình độ phổ thông trung học với 6.67% (4/60).

Biểu đồ 2.4: Trình độ văn hóa của PNKT huyện Sóc Sơn năm 2017

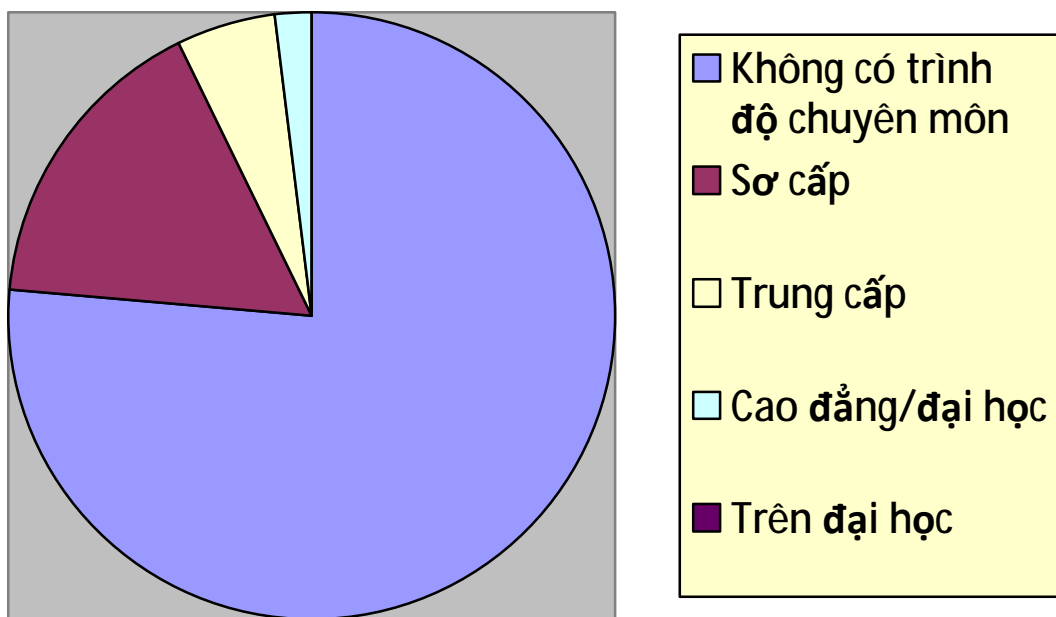


(Nguồn: Khảo sát phụ nữ khuyết tật tại huyện Sóc Sơn năm 2017)

Những thiếu hụt về nhận thức có mối liên hệ chặt chẽ với sự chủ động tìm đến dịch vụ CTXH, cũng như cơ hội tiếp cận với việc làm của PNKT. Mang trong mình nhưng khiếm khuyết. Kèm theo có trình độ học vấn thấp, các chị em dễ rơi vào sự tự ti, e ngại, khó trình bày ý kiến trước đám đông, nên PNKT không có/ thiếu chính kiến trong cộng đồng, không có khả năng truyền đạt nhu cầu, khó khăn đến những người có khả năng giúp đỡ.

Trình độ chuyên môn: Theo kết quả KS, nhóm PNKT không có trình độ chuyên môn là phổ biến nhất với 42/60 (70%), thấp hơn là số PNKT được đào tạo ở trình độ sơ cấp chiếm 9/60 (15%) và thấp hơn nữa là PNKT được đào tạo ở bậc Trung cấp với là 5%. Thấp nhất là số PNKT được đào tạo trình độ Cao đẳng/đại học là 1/60 (1.67%). Trong tổng số 60 PNKT tham gia khảo sát không có ai được đào tạo bậc trên đại học. Do trình độ, chuyên môn thấp nên các công việc PNKT thường làm hầu hết là những việc mang tính giản đơn, tự phát, ít đầu tư chất xám.

Biểu đồ 2.5: Trình độ chuyên môn của PNKT tại huyện Sóc Sơn



(Nguồn: Khảo sát phụ nữ khuyết tật tại huyện Sóc Sơn năm 2017)

Vấn đề đào tạo nghề của PNKT: Theo kết quả điều tra, có 13/60 (21.67%) PNKT đã được đào tạo nghề. Một số loại nghề PNKT huyện Sóc Sơn được đào tạo: sơ cấp nghề quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ do Trung ương Hội LHPN Việt Nam, HTX Trái tim hồng phối hợp với Học viện phụ nữ Việt nam tổ chức; Lớp dạy nghề Máy – Tre – Đan 6 tháng được tổ chức bởi HTX Trái tim hồng phối hợp với Trung tâm dạy nghề Phú Vinh; nghề tin học

thuộc Chương trình hỗ trợ cơ sở tạo việc làm cho NKT của dự án Thu hẹp khoảng cách kỹ thuật số cho NKT do tổ chức phi chính phủ thực hiện; nghề nấu ăn. Trong quá trình tham gia đào tạo nghề, khó khăn mà các chị em thường gặp phải là đi lại khó khăn, thiếu phương tiện phù hợp.

Trong số rất ít những PNKT đã được đào tạo nghề, hầu hết hiện nay các chị em đều đang làm đúng nghề mình đã được đào tạo, tuy nhiên một số nhỏ chị em dù đã học nghề: thêu/đan/dệt may, chăm sóc sắc đẹp nhưng sau đó không làm việc theo đúng nghề mình đã được đào tạo do sau khi được đào tạo về nhà không có vốn để làm nên lại đi làm thuê những công việc khác.

Trong số 47 PNKT chưa được tham gia đào tạo nghề, một số lý do chưa được đào tạo nghề mà các chị em đưa ra trong **Bảng 2.4**

Bảng 2.4. Lý do chưa tham gia đào tạo nghề của PNKT huyện Sóc Sơn

Lý do	Tỷ lệ (%)
Không được thông báo	46.81
Không phải là đối tượng được học	31.91
Học cũng không để làm gì	38.30
Không có khả năng tiếp thu	38.30
Không có lớp học phù hợp	27.66

Chủ tịch Chi Hội phụ nữ khuyết tật huyện Sóc Sơn, Giám đốc Hợp tác xã thủ công mỹ nghệ Trái tim hồng, Sóc Sơn, Hà Nội cho biết: Phần lớn PNKT trên địa bàn nằm trong độ tuổi lao động. Nhưng, chủ yếu số phụ nữ khuyết tật này đều thuộc diện hộ nghèo hoặc cận nghèo, bởi họ hầu hết không có việc làm, hoặc việc làm không ổn định, không phù hợp với sức khỏe hoặc dạng tật. Một số công việc chủ yếu các chị em PNKT làm là: làm nông nghiệp: làm ruộng, chăn nuôi, trồng trọt, xay xát; buôn bán nhỏ lẻ, làm công nhân...

Tình trạng việc làm: Theo số liệu khảo sát, tỷ lệ phụ nữ khuyết tật hiện đang có việc làm chiếm khoảng 55% (33/60 người) số phụ nữ khuyết tật, số phụ nữ khuyết tật không có việc làm chiếm thấp hơn với 45% (27/60) trong

đó chưa từng đi làm chiếm tỷ lệ khá cao là 28.33% (17/60 người) còn lại là 10/60 người (chiếm 16.67%) những phụ nữ khuyết tật đã từng đi làm và hiện đang thất nghiệp/ bỏ việc giữa chừng bởi rất nhiều lý do.

Bảng 2.5. Tình trạng việc làm của PNKT huyện Sóc Sơn năm 2017.

Tình trạng việc làm	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Tổng	60	100
Hiện đang đi làm	33	55
Không có việc làm	27	45

Tương quan giữa tình trạng việc làm của phụ nữ khuyết tật theo các nhóm cho thấy, nhóm phụ nữ khuyết tật dưới 25 tuổi đang có việc làm là rất thấp, chỉ có 29.41%, phần lớn trong số họ chưa từng đi làm. Số phụ nữ đang có việc làm, đã từng có việc làm hay chưa bao giờ đi làm ở 2 nhóm tuổi (25-40 tuổi và trên 40 tuổi) còn lại là tương đương. Cứ 1 người ở độ tuổi từ 25 đến 40 đang có việc làm thì cũng có 1 người ở độ tuổi trên 40 có việc làm và cũng tương tự như vậy đối với số phụ nữ đã từng đi làm hoặc chưa bao giờ đi làm. Hay nói cách khác, ít có sự khác biệt về tình trạng việc làm của phụ nữ khuyết tật ở hai nhóm tuổi từ 25 đến 40 và trên 40.

Về nghề nghiệp: Nhóm người khuyết tật 16 - 55 tuổi đang tham gia làm việc chủ yếu là làm nông nghiệp: làm ruộng, chăn nuôi, trồng trọt, xay xát... (chiếm tỷ lệ 51.52%). Có 15.15% PNKT làm thủ công mỹ nghệ và hiện tại đều đang làm tại Hợp tác xã trái tim hồng- Hội NKT huyện Sóc Sơn. Số người làm việc trong lĩnh vực dịch vụ: photocopy, in ấn, tạp vụ,... ngang với số người đi bán hàng thuê 12.12%. Số người đi làm công nhân, tự buôn bán nhỏ lẻ chiếm 9.09%. Như vậy, nguồn thu nhập của PNKT tập trung chính vào nông nghiệp, công việc tự phát, tự sản xuất, kinh doanh, không ổn định. Không có người nào có nghề nghiệp trong cơ quan nhà nước.

Bảng 2.6. Nghề nghiệp của PNKT huyện Sóc Sơn năm 2017

Nghề nghiệp	Tỷ lệ (%)
Nông nghiệp	51.52
Thủ công mỹ nghệ	15.15
Dịch vụ:tạp vụ, photocopy	12.12
Tự buôn bán nhỏ	9.09
Làm công nhân, bán hàng thuê	12.12
Tổng	100

(Nguồn: Khảo sát phụ nữ khuyết tật tại huyện Sóc Sơn năm 2017)

Mức độ thay đổi về nghề nghiệp cho thấy sự không bền vững về nghề nghiệp của phụ nữ khuyết tật. Càng nhiều tuổi với sự tích lũy kinh nghiệm và vốn liếng, PNKT càng có nhiều hơn các cơ hội lựa chọn nghề nghiệp. Tuy nhiên, có tới 16.67% PNKT đã từng đi làm và hiện nay thất nghiệp/chưa đi làm trở lại.

Khó khăn của PNKT đang đi làm: Theo kết quả nghiên cứu thì tất cả 33 PNKT hiện đang đi làm đều gặp ít nhất một khó khăn trong **Bảng 2.7** thống kê bên dưới. Trong đó số PNKT gặp khó khăn chiếm tỉ lệ cao nhất là khó khăn về Ngoại hình không thuận lợi khi giao tiếp, với 84.85% PNKT, theo sau là khó khăn do không có tay nghề với 75.76% PNKT và do trình độ, kinh nghiệm chưa đáp ứng yêu cầu công việc; công việc mang lại thu nhập thấp với 69.7% PNKT. Thấp hơn là một số lý do như Công việc không phù hợp với sức khỏe và bị trả lương thấp hơn người khỏe mạnh...Trong số các khó khăn mà tác giả đưa ra gợi ý thì khó khăn về Công việc không thoải mái và công việc buồn chán đơn điệu chiếm tỷ lệ thấp nhất, chỉ với 9.09%; 12.12% PNKT.

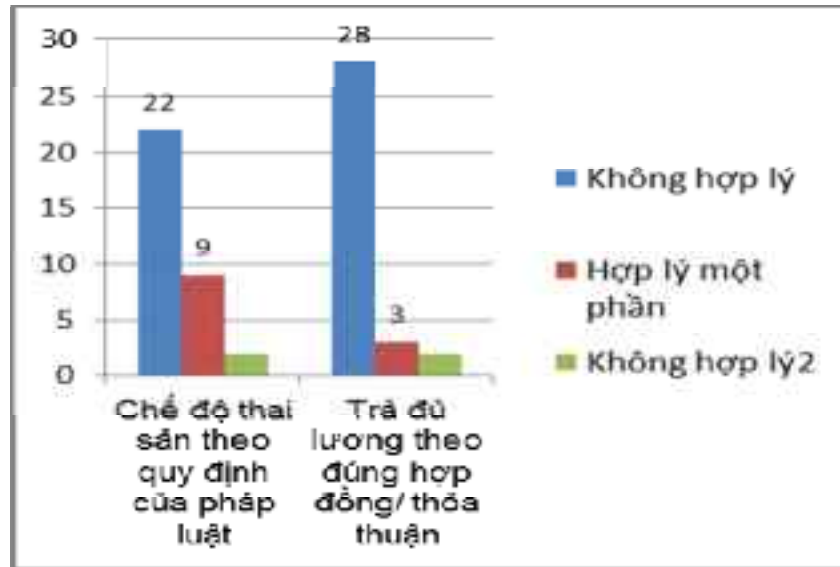
Bảng 2.7. Khó khăn của PNKT đang đi làm tại huyện Sóc Sơn

Khó khăn	Tỷ lệ (%)
1. Không có tay nghề	75.76
2. Trình độ, kinh nghiệm chưa đáp ứng yêu cầu công việc	69.70
3. Trang thiết bị nơi làm việc không phù hợp với NKT	51.52
4. Điều kiện làm việc không đảm bảo sức khỏe, an toàn lao động	42.42
5. Thời gian làm việc kéo dài, bó buộc	15.15
6. Ngoại hình không thuận lợi khi giao tiếp	84.85
7. Công việc không phù hợp với sở thích	30.30
8. Công việc không phù hợp chuyên môn	21.21
9. Công việc không phù hợp với sức khỏe	63.64
10. Bị trả lương thấp hơn người khỏe mạnh	63.64
11. Công việc mang lại thu nhập thấp	69.70
12. Đi làm xa, vất vả	24.24
13. Môi trường làm việc không thoải mái	9.09
14. Công việc nặng nhọc	36.36
15. Công việc buồn chán, đơn điệu	12.12
16. Công việc căng thẳng	18.18
17. Các công trình công cộng đảm bảo cho lao động khuyết tật tiếp cận	48.48

(Nguồn: Khảo sát phụ nữ khuyết tật tại huyện Sóc Sơn năm 2017)

Thực hiện chính sách cho lao động nữ KT tại cơ sở cung cấp việc làm: Hầu hết chị em PNKT cho rằng các chế độ thai sản theo quy định pháp luật và việc trả đủ lương theo đúng hợp đồng/thỏa thuận lao động là hợp lý và hợp lý một phần.

Biểu đồ 2.6. Mức độ hợp lý việc thực hiện chính sách cho lao động nữ KT tại cơ sở cung cấp việc làm tại huyện Sóc Sơn



(Nguồn: Khảo sát phụ nữ khuyết tật tại huyện Sóc Sơn năm 2017)

Lý do các chị em đưa ra hầu hết là do các chị em chủ yếu làm các công việc tự phát, tự sản, tự tiêu, một số chị em đi làm thuê thì không nắm được hết các chính sách cho lao động nữ nên cũng cảm thấy hài lòng với việc thực hiện các chính sách cho lao động nữ tại nơi họ làm việc.

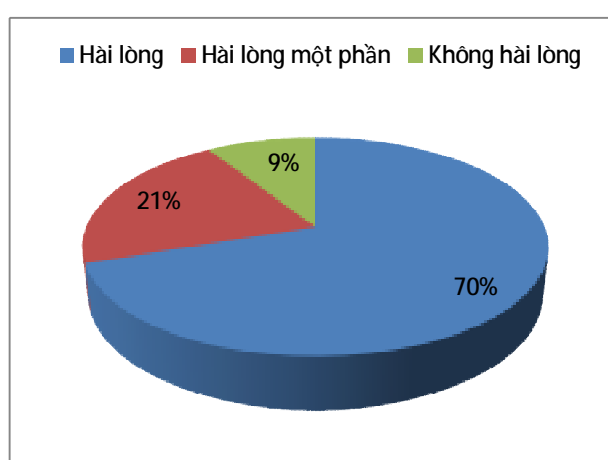
Hộp 2. Lý do hài lòng với việc thực hiện chính sách cho lao động nữ KT tại cơ sở cung cấp việc làm

Cán bộ hội NKT huyện Sóc Sơn: ít PNKT đi làm thuê, chủ yếu công việc của các chị em mang tính tự phát, tự chủ, làm tại nhà nên tự lo liệu, tính toán công việc trả lương, chính sách cho bản thân. Hơn nữa nếu có làm thuê, chỗ nào chịu nhận chị em khuyết tật vào làm là các chị em thấy quý lắm rồi, PNKT yếu kém không phải cơ sở nào cũng chịu nhận vào làm. Nên nhiều khi có biết họ làm chưa đúng với quy định thì cũng cố vui vẻ mà làm cho có đồng tiền sinh nhai.

PVS PNKT 39 tuổi: Tôi làm công nhân được gần một năm rồi, nhưng thực tế tôi, thậm chí nhiều bạn cùng làm cũng nghĩ khuyết tật như chúng tôi thôi họ cho làm để có tiền là tốt rồi, họ có quy định chung rồi nên chúng tôi cũng cứ thế theo, cũng chẳng biết họ làm có đúng chính sách của Nhà nước không.

Mức độ hài lòng với công việc hiện tại: Mặc dù trong quá trình làm việc, các chị em gặp nhiều khó khăn như trong **Bảng 2.7** tuy nhiên kết quả khảo sát (**Biểu đồ 2.7**) cho thấy phần đa PNKT hài lòng với công việc hiện tại mình đang làm chiếm 69.7%. Trong tổng số 33 PNKT đang có công việc thì có 21.21% hài lòng một phần và 9.09% không hài lòng.

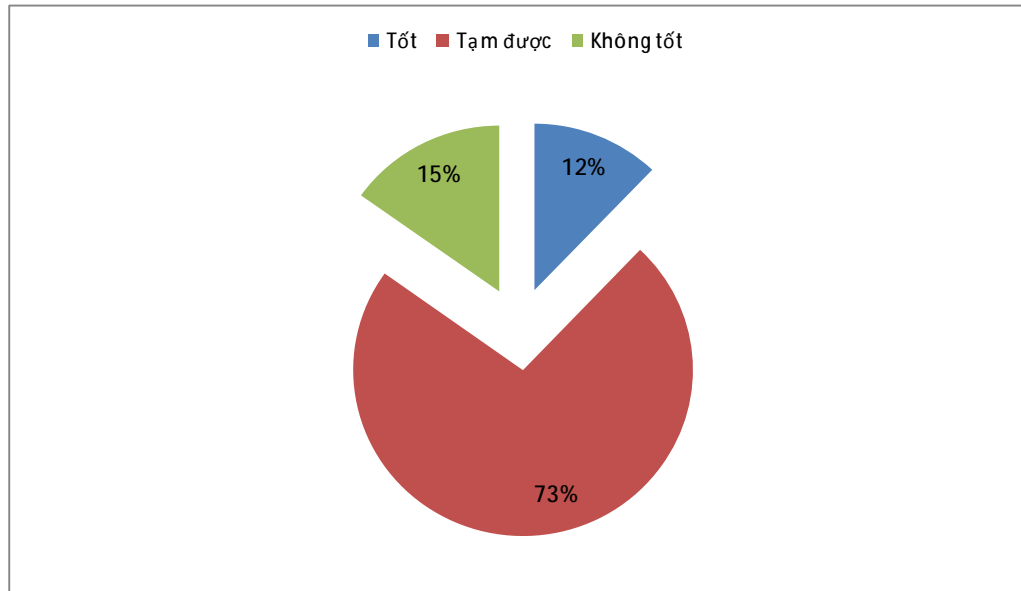
Biểu đồ 2.7: Mức độ hài lòng với công việc hiện tại của PNKT huyện Sóc Sơn



(Nguồn: Khảo sát phụ nữ khuyết tật tại huyện Sóc Sơn năm 2017)

Mức độ hài lòng với điều kiện làm việc của công việc hiện tại: Theo kết quả điều tra (**Biểu đồ 2.8**), hầu hết PNKT đang đi làm đánh giá điều kiện làm việc của công việc họ đang làm ở mức tạm được là chiếm 73% và 15% PNKT cho rằng điều kiện làm việc nơi họ đang làm là không tốt và 12% PNKT đánh giá ở mức tốt.

Biểu đồ 2.8. Mức độ hài lòng với điều kiện làm việc của công việc hiện tại của PNKT huyện Sóc Sơn



(Nguồn: Khảo sát phụ nữ khuyết tật tại huyện Sóc Sơn năm 2017)

Hầu hết lý do các chị em đưa ra khi trả lời điều kiện làm việc tạm được là vì dù đôi khi có thiếu thốn một chút nhưng vẫn cố khắc phục được. Ngoài ra có 1 số lý do đánh giá điều kiện làm việc chưa tốt: Đường đi làm xa, chưa có dụng cụ phục hồi chức năng hỗ trợ làm việc, chưa có đường tiếp cận.

Hộp 3. Mức độ hài lòng với điều kiện làm việc và công việc hiện tại

Lý do hài lòng của một PNKT: Làm công ăn lương thì làm ở đâu cũng vậy thôi, làm sao có cái gì 10/10 được. Chúng tôi khuyết tật mà họ nhận làm việc là tốt rồi, điều kiện làm việc cho NKT thì phần đa là cũng không thể nào đảm bảo thuận lợi tất cả được, có điều chúng tôi chấp nhận đi làm thì phải cố mà khắc phục thôi chứ, mặt bằng chung ở đây nó là như thế. Chứ đòi hỏi thì biết thế nào cho được, bao nhiêu cho đủ.

Một PNKT hài lòng với công việc hiện tại và đánh giá điều kiện làm việc của mình ở mức tạm được chia sẻ: Chúng tôi ở nhà bán rau dưa cà thì điều kiện nhà có sao thì làm vậy, cần thì đi mua về bán chẳng có gì là không hài

lòng. Kể ra có cái xe lăn hoặc xe lắc để đi thì cũng thuận tiện hơn mà gia đình chưa có tiền mua thì đành khắc phục.

Một PNKT không hài lòng với công việc hiện tại và đánh giá điều kiện làm việc của mình không tốt chia sẻ: Kể ra chính xác thì tôi không hài lòng, chưa hài lòng với công việc hiện tại vì quãng đường đi làm từ nhà tôi tới công ty xa mà đi xe bus thì họ không hỗ trợ NKT đi xe lăn. Họ có chính sách hỗ trợ NKT đấy nhưng thực tế thấy chúng tôi là họ ngại, tránh nên tôi không đi xe lăn, tôi dùng nạng, ngày nào cũng dậy sớm từ gần 5 giờ sáng để đi làm, tới 7-8 giờ tối mới về. Hôm nào nhờ được người trở đi thì đi xe lăn, nhưng đến công ty thì vẫn phải qua mấy bậc tam cấp nên lại phải nhờ người đẩy xe lăn qua bậc tam cấp đó. Mà bảo đập bỏ mấy cái bậc tam cấp chỉ vì mấy người như tôi thì đời nào họ đập đi cho. Nói chung, sắp tới chắc tôi phải tìm hàng hóa gì ở nhà bán chứ không đi làm công ty kiểu này được.

Công việc không phù hợp sức khỏe : Có tới 30% PNKT tham gia khảo sát cho rằng mình không đủ sức khỏe để làm việc. Cụ thể là có 16.67% PNKT mất việc/bỏ việc thì có tới 87.5% trong số đó bỏ việc vì lý do sức khỏe và 28.33 % PNKT chưa từng đi làm cũng vì lý do sức khỏe không đảm bảo.

Hiệu quả công việc thấp: là nguyên nhân tiếp theo khiến cho phụ nữ khuyết tật phải bỏ việc hoặc bị mất việc. Có 100% bỏ việc và mất việc vì hiệu quả công việc thấp.

Số phụ nữ khuyết tật bị mất việc do chủ lao động sa thải là 20% số PNKT đã từng đi làm và 23.53% số người chưa bao giờ đi làm bị từ chối khi đi xin việc làm.

Có 40% PNKT đã từng bỏ việc/mất việc cho rằng lý do mình mất việc/bỏ việc vì công việc không phù hợp với kiến thức, chuyên môn. Trong khi đó, có 94.12% PNKT chưa từng đi làm cho rằng mình chưa từng đi làm vì tay nghề không đáp ứng được đòi hỏi/yêu cầu của công việc.

Không tìm được việc làm phù hợp: 100% PNKT chưa từng đi làm cho rằng mình không tìm được việc làm phù hợp.

Mặc cảm, tự ti: Theo kết quả tác giả khảo sát, có 30% PNKT mất việc/bỏ việc cho rằng một trong những nguyên nhân mình bỏ việc là do bản thân mặc cảm, tự ti. Trong khi đó có 29.41% PNKT chưa từng đi làm cho rằng đây là một trong những nguyên nhân chưa bao giờ đi làm.

Bên cạnh đó, có 40% PNKT cho rằng mình bỏ việc/mất việc vì bị kỳ thị, phân biệt đối xử và có 29.41% PNKT cho rằng một trong những lý do chưa bao giờ đi làm là có lý do bị phân biệt đối xử.

Thời gian làm việc: Phần lớn PNKT làm nông nghiệp và các công việc buôn bán tự do nên số giờ làm việc của họ không buộc trong khung giờ cố định. Hầu hết các chị em đều làm khoảng 8 tiếng/ngày. Tuy nhiên, 25% PNKT bỏ việc do thời gian làm việc kéo dài, bó buộc.

Hộp 4. Thời gian làm việc của PNKT:

PVS một PNKT làm nông nghiệp (làm ao, nuôi lợn) chia sẻ: “Chúng tôi làm nông dân nên tự do, sáng ra 5h30 thì dậy làm việc làm đến gần trưa gọn việc thì nghỉ ngơi, chiều chiều lại làm, làm đến tối khi nào xong việc thì nghỉ. Mỗi ngày bình quân cũng chỉ khoảng 8 tiếng/ ngày”.

PVS một PNKT từng đi làm chia sẻ: “Trước kia mình cũng đi làm công nhân nhưng ở đó tuân thủ giờ giấc chặt chẽ lắm, sáng ra mình phải dậy từ 4h30 để 5h mới có thể bắt xe bus đi làm, làm cả tuần mỗi tuần chỉ được nghỉ 1 ngày thôi. Mệt lắm. Sức khỏe thì yếu thì thoải mái phải nghỉ đi khám bệnh nên sau không theo được, nghỉ nhiều thì bị trừ lương và cuối cùng mình bỏ việc. Đợt đó có mấy chị KT cùng vào làm mà giờ nghỉ hết rồi còn mỗi một chị trụ lại được. Toàn kiêu căng thẳng quá, đi lại khó khăn, mà họ làm dây chuyền nên nghỉ nhiều, yếu không theo được. May mắn được chị Ng giới thiệu cho về làm khâu hạt gỗ làm chiếu, làm gói lót đệm ở Hợp tác xã Trái Tim hồng. Làm ở đây khoán theo sản phẩm, làm bao nhiêu hưởng bấy nhiêu, lại có thể mang hàng về nhà làm nên cũng thoải mái có thể linh động đi khám bệnh được.”

Khó khăn trong việc đi lại: 37.5% số phụ nữ khuyết tật bỏ việc và 50% PNKT mất việc do khó khăn trong việc đi lại. Ngoài ra, trong 17 PNKT chưa từng đi làm cũng có tới 5.88% chưa bao giờ đi làm cũng vì lý do này. Người khuyết tật di chuyển khó khăn do tình trạng khuyết tật của họ, và do sự không thuận lợi trong việc sử dụng cơ sở hạ tầng như đường xá, xe buýt, leo thang bộ...

Gia đình không muốn cho đi làm: Có 76.47% PNKT chưa từng đi làm có lý do gia đình không muốn cho đi làm.

Hộp 5. Lý do PNKT chưa bao giờ đi làm:

PVS một bạn nữ KT bị liệt 1 cánh tay chia sẻ: Nhiều lần xin đi học làm may nhưng bố mẹ em bảo mà có 1 tay thì làm ăn được gì. Mà đi làm rồi cả tháng không bằng bố mẹ làm 1-2 ngày. Tốt nhất ở nhà quét được cho bố mẹ cái nhà là mừng rồi, thi thoảng còn trông cháu giúp anh chị. Ở nhà nhiều em chán lắm, thuyết phục bố mẹ không được nên em cũng ở nhà suốt nhiều năm nay rồi.

Mẹ một PNKT chia sẻ: “Nói thật chứ nó yếu xin đi bán hàng quần áo trên thị trấn đấy, cơ mà yếu lắm, đi xa nhà làm gì có ai đưa đi, đi xe bus xong nay ngã mai ngã rồi ai mà chăm được. Nên bác bảo nó ở nhà quét dọn, com nước cho bác đi làm thôi. Các cô dì, chú bác nó cũng bảo thôi đi làm mấy đồng chẳng bỏ đi dọn hậu quả, bán chác xong nhờ lại nhầm lẫn, rồi ngơ ngơ lại bị lừa thì đền ốm.

Những người thân trong gia đình PNKT là những người đầu tiên cần ủng hộ và trợ giúp cho PNKT hòa nhập cộng đồng. Hiện phần đa họ chưa biết, chưa hiểu về khả năng và nhu cầu của PNKT; Họ cho rằng PNKT cần được bao bọc và nuôi dưỡng, vẫn còn tư tưởng trông chờ vào các hỗ trợ kinh tế trước mắt mà chưa nghĩ đến con đường dài lâu cho PNKT có thể vươn lên để tự khẳng định mình và phần nào tự lo được cuộc sống của mình.

Nhận thức của phần đông PNKT cũng như các thành viên trong gia đình còn rất ấu trĩ, ngay cả một số người ở mức độ khuyết tật nhẹ cũng cho rằng

mình không làm được việc, chấp nhận số phận và chỉ quanh quẩn làm việc nhà là tốt lắm rồi. Phần lớn họ ngại giao tiếp, ngại đến nơi công cộng, nơi đông người. Do tâm lý lúc nào cũng bao bọc PNKT của người thân trong gia đình nên đôi khi làm cho PNKT ỷ lại.

Ngoài ra chính những rào cản: tâm lý bao bọc PNKT của chính các thành viên trong gia đình PNKT, định kiến xã hội khiến nhiều PNKT tự ti, mặc cảm không đấu tranh, phấn đấu hoặc mất đi cơ hội vươn lên để có công ăn việc làm, tăng thu nhập đóng góp với gia đình, xã hội .

Biện pháp khắc phục khó khăn trong vấn đề việc làm: Theo kết quả khảo sát của tác giả, PNKT huyện Sóc Sơn nhận định một số biện pháp hỗ trợ khắc phục những khó khăn trong vấn đề việc làm hiện nay của chị em tập trung chủ yếu vào một số biện pháp như: giới thiệu/tạo việc làm chiếm tỷ lệ cao nhất với 70% ý kiến của chị em PNKT, tiếp đó là được hỗ trợ vay vốn ưu đãi 68.33%, theo sau là biện pháp thể hiện giá trị bản thân và hoạt động chia sẻ kinh nghiệm với người bị KT tương tự, đào tạo nâng cao tay nghề, hỗ trợ phương tiện đi lại,...

Bảng 2.8. Biện pháp khắc phục khó khăn trong vấn đề việc làm của PNKT huyện Sóc Sơn

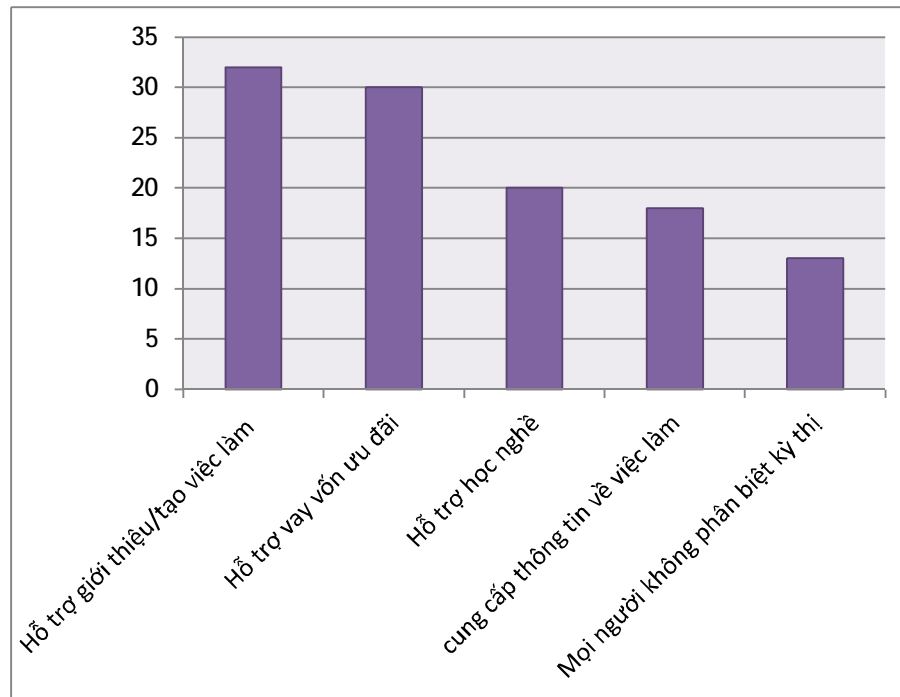
Nhu cầu	Tỷ lệ (%)
Được hỗ trợ giới thiệu/tạo việc làm	70
Được vay vốn ưu đãi	68.33
Tìm phương tiện hỗ trợ	38.33
Chia sẻ kinh nghiệm với người bị khuyết tật tương tự	58.33
Cần đào tạo thêm, nâng cao tay nghề	53.33
Cố gắng thể hiện giá trị bản thân	60
Tìm một công việc phù hợp khác	36.67

(Nguồn: Khảo sát phụ nữ khuyết tật tại huyện Sóc Sơn năm 2017)

Nhu cầu hỗ trợ khắc phục khó khăn trong vấn đề việc làm: Theo kết quả điều tra (**biểu đồ 2.9**), nhu cầu được hỗ trợ giới thiệu/tạo việc làm của PNKT huyện Sóc Sơn chiếm tỷ lệ cao nhất với 53.33%, tiếp đó là nhu cầu

được hỗ trợ vay vốn ưu đãi 50%, theo sau là 33.33% PNKT có nhu cầu hỗ trợ học nghề và 30% PNKT có nhu cầu cung cấp thông tin về việc làm, 23.23% có nhu cầu không phân biệt kỳ thị.

Biểu đồ 2.9. Nhu cầu hỗ trợ khắc phục khó khăn trong vấn đề việc làm của PNKT huyện Sóc Sơn



(Nguồn: Khảo sát phụ nữ khuyết tật tại huyện Sóc Sơn năm 2017)

Nhìn chung, điều kiện kinh tế là một yếu tố quan trọng trong quá trình hòa nhập xã hội của PNKT. Thu nhập ổn định sẽ giúp PNKT có cuộc sống gia đình hạnh phúc, có tư duy tích cực và có thời gian để làm thêm nhiều việc yêu thích khác. Tuy nhiên, PNKT của huyện Sóc Sơn gặp nhiều khó khăn trong vấn đề lao động và việc làm từ nhiều nguyên nhân, tác động ảnh hưởng khác nhau: dạng tật, tình trạng hôn nhân, học vấn, trình độ chuyên môn, các định kiến của gia đình, xã hội và từ các hoạt động trợ giúp... Phần lớn các chị em làm các công việc giản đơn và còn loay hoay chưa biết cách tìm việc làm, quản lý công việc.

2.2. Thực trạng hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

Mức độ hoạt động thực hiện hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT phụ thuộc nhu cầu của PNKT và việc cung cấp dịch vụ CTXH của các cơ sở cung cấp dịch vụ.

2.2.1. Hỗ trợ nâng cao năng lực cá nhân hướng tới việc làm của PNKT

- *Hoạt động huy động và kết nối nguồn lực trợ giúp PNKT*

Huyện đã tập trung huy động và kết nối nguồn lực từ nhiều nguồn, các đơn vị của Nhà nước, nguồn tài trợ phi chính phủ: Ngân hàng chính sách Nhà nước, Hội NKT TP Hà Nội (DP Hà Nội), Hội phục hồi chức năng của NKT Hàn Quốc (KSRPD), Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA), Kakao corp (Kakao), Trung ương Hội LHPN Việt Nam, ... chính bản thân các chị em PNKT trong trợ giúp PNKT tiếp cận việc làm.

Bằng những kỹ năng, phương pháp CTXH, các cán bộ nhân viên làm CTXH đã kết nối NKT tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng chính sách, huy động các nguồn vốn hỗ trợ sản xuất... với chương trình hỗ trợ cho vay vốn ưu đãi từ ngân hàng chính sách. Bên cạnh đó là một số các chương trình hỗ trợ của thành phố: khám chữa bệnh, phẫu thuật, hỗ trợ một số trang thiết bị, dụng cụ chỉnh hình... thường được nhân viên CTXH thông báo đến PNKT, gia đình NKT để NKT được tiếp cận, được hưởng thụ.

Thông qua Hợp tác xã Trái tim hồng của nhóm NKT trên địa bàn huyện Sóc Sơn, dự án Thu hẹp khoảng cách kỹ thuật số cho NKT đã kết nối hỗ trợ nhóm NKT tham gia học nghề mở quán photo tại huyện và mở xưởng làm các mặt hàng thủ công mỹ nghệ như: mây tre đan, làm chiếu, gói, mảnh bằng hạt gỗ, hoa khô, các sản phẩm dịch vụ văn phòng phẩm...

Hàng năm Hội NKT huyện Sóc Sơn thường xuyên tiếp cận với các chương trình hỗ trợ, nâng cao năng lực từ DP Hà nội, các lãnh đạo Hội NKT thường xuyên đề cử các cán bộ hội tham gia các chương trình đó.

Để kết nối phụ nữ khuyết tật với các cơ hội việc làm từ dự án, các cán bộ Hội NKT huyện là người làm các đề xuất gửi đến các đơn vị tài trợ để các đơn vị xem xét và về địa bàn khảo sát, lấy ý kiến, nhu cầu của PNKT cũng như NKT nói chung để tiến hành lập kế hoạch hỗ trợ.

Theo KS, huyện Sóc Sơn hiện nay có mô hình HTX Trái tim hồng: HTX làm thủ công mỹ nghệ, làm các sản phẩm hạt hồ với 30 lao động là người khuyết tật, trong đó PNKT là 27/30 người (90%). Để thực hiện mô hình này, Hội NKT huyện Sóc Sơn đã kết nối HTX với các nhà tài trợ: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, DP Hà Nội, Sở Lao động thương binh xã hội... và vốn vay ưu đãi dành cho NKT từ ngân hàng chính sách để mở ra HTX làm cơ sở sản xuất kinh doanh của người khuyết tật. Với các sản phẩm của NKT/ HTX làm ra, Hội NKT huyện phối hợp với DP Hà Nội, các cơ quan đơn vị tài trợ thực hiện kết nối với nguồn hàng sản xuất và thị trường đầu ra cho sản phẩm, các hoạt động quảng bá sản phẩm.

Được Trung ương Hội LHPN Việt Nam giúp đỡ, HTX đã kết nối, phối hợp với Học viện phụ nữ Việt nam tổ chức và hoàn thành lớp “sơ cấp nghề quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ” cho 30 phụ nữ khuyết tật; Sau Lớp huấn luyện về kỹ năng tư duy kinh doanh vừa và nhỏ, một số học viên tiếp tục theo học các ngành chuyên môn. Trong đó HTX đã phối hợp với Trung tâm dạy nghề Phú vinh tổ chức Lớp dạy nghề Mây – Tre – Giang cho 30 người khuyết tật thời gian đào tạo trong 6 tháng. Nhờ vậy, HTX đã ngày một lớn mạnh, tạo và duy trì việc làm cho nhiều chị em PNKT.

Các nguồn lực quan trọng này giúp cho các hoạt động CTXH trong hỗ trợ vấn đề việc làm của PNKT trở nên hiệu quả, bền vững hơn; giúp PNKT có thêm điều kiện hòa nhập với xã hội, tăng cơ hội tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản.

Hộp 6. Đánh giá về hoạt động kết nối nguồn lực trong hỗ trợ NKT tiếp cận với việc làm:

Đánh giá của nhóm cán bộ: Nguồn lực huy động cho NKT còn hạn chế, chủ yếu là từ ngân sách Nhà nước, mà ngân sách này thì rất hạn hẹp để có thể thực hiện các hoạt động hỗ trợ NKT. Các hoạt động nâng cao năng lực chủ yếu là do trên thành hội (DP Hà Nội) rót về thực hiện thông qua các dự án của thành hội. Nhu cầu vay vốn của chị em PNKT là rất nhiều nhưng số vốn PNKT/ hộ gia đình có PNKT được vay là thấp, chỉ không quá 50 triệu/hộ trong thời gian 3 năm nhưng thực tế hầu hết các chị em chỉ được xét duyệt và vay không quá 30 triệu.

Ý kiến của PNKT: Hầu hết các gia đình có PNKT đều gặp khó khăn, cần sự hỗ trợ từ các nguồn lực, các chính sách ưu đãi. Nhiều khi có những chính sách ưu đãi nhưng cũng không biết đâu, được cái các cô chú anh chị của Hội NKT và các cán bộ lao động thương binh xã hội ở xã cũng nhiệt tình, họ thấy mình khó khăn thì họ cũng chỉ cho làm thủ tục mà vay vốn, hưởng ưu đãi. Nhưng nói chung không phải ai muốn vay cũng được vay, vốn vay này họ cũng “giới hạn trong giới hạn” nên nhiều khi rất khó để vay. Mà nhiều người muốn vay đấy, nhưng không biết lên kế hoạch sử dụng vốn nên không tự tin sử dụng được vốn đó phù hợp và hoàn vốn trả ngân hàng đúng thời hạn nên không dám vay.

Như vậy, công tác kết nối nguồn lực đã tranh thủ được sự quan tâm, tham gia hỗ trợ thực hiện hoạt động công tác xã hội trong dạy nghề, phát triển việc làm của PNKT từ các nguồn lực trong nước và quốc tế...đạt được một số kết quả đáng ghi nhận nhưng việc huy động, kết nối nguồn lực còn một số hạn chế: Mức cho vay của ngân hàng chính sách xã hội còn thấp, thời gian vay còn hạn chế; đánh giá, xác định những mong muốn của NKT còn chưa đúng nên chưa có sự hỗ trợ đầy đủ và kịp thời.

- *Hoạt động nâng cao năng lực, tập huấn, truyền thông*

Kết quả KS cho thấy, có 10% PNKT trả lời đã từng sử dụng dịch vụ huấn luyện nâng cao năng lực, truyền thông, tập huấn. Tỷ lệ sử dụng dịch vụ này còn tương đối thấp.

Theo khảo sát, PNKT sinh hoạt ở nhiều nhóm khác nhau ngay tại cộng đồng như tổ/ chi hội phụ nữ thôn, xóm, chi hội phụ nữ khuyết tật Sóc Sơn...Nhìn chung, các hoạt động nhóm mà PNKT đang sinh hoạt tại cộng đồng nên dễ tiếp cận và được cung cấp bởi các đoàn thể. Tuy nhiên, hoạt động của các nhóm này còn một số các hạn chế: Chưa có kế hoạch dài hạn; số lượng thành viên trong nhóm lớn gây ảnh hưởng đến việc tương tác của các thành viên trong nhóm; thời gian họp nhóm cách xa nhau; các tổ trưởng, nhóm trưởng chưa được đào tạo bài bản về CTXH nhóm nên hạn chế trong việc tổ chức các buổi sinh hoạt nhóm...Điều đáng lưu ý là những PNKT được khảo sát được tiếp cận các loại hình nhóm bên ngoài cộng đồng do các tổ chức phi chính phủ, tổ chức tư nhân cung cấp cũng rất ít. Điều này cũng dễ hiểu bởi đa số PNKT làm chủ hộ ít có cơ hội giao lưu, tiếp xúc nên họ chỉ tiếp cận các nhóm có sẵn trong cộng đồng.

Các buổi sinh hoạt nhóm ngoài mục đích giao lưu, các chị em thường kết nối chia sẻ các vấn đề về làm ăn, kinh doanh, sản xuất, hôn nhân gia đình và sức khỏe sinh sản nhằm nâng cao năng lực cho PNKT. Tại các buổi tập huấn, sinh hoạt nhóm các cán bộ Hội NKT đóng vai trò là NVCTXH hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động nhóm, ở một số hoạt động nhóm, một số chủ đề họ còn là người trình bày, người diễn thuyết, người chia sẻ, người dẫn chương trình, điều phối hoạt động.

Để hỗ trợ PNKT nâng cao năng lực hướng tới việc làm, Ban chấp hành Chi Hội PNKT huyện có hoạt động họp mỗi quý 1 lần để giao lưu chia sẻ, học hỏi lẫn nhau. Tại các buổi họp ngoài công tác giao lưu, chia sẻ, tổ chức đánh giá, khen thưởng các chị em đạt nhiều thành tích trong hoạt động của Chi Hội, một số chị em đã vượt qua số phận không quản ngại khó khăn

vươn lên trong cuộc sống nhằm động viên, khích lệ các chị em PNKT vươn lên.

Ban chấp hành Chi Hội tổ chức sinh hoạt kỷ niệm các ngày lễ: 3/12 ngày quốc tế NKT, 18/4 ngày người khuyết tật Việt Nam, Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày 20/10... Tại các buổi lễ có huy động nhiều PNKT tham gia trong đó có cả nam giới tham gia với vai trò phối hợp, hỗ trợ, cổ vũ, động viên. Hội đã nỗ lực và cố gắng rất nhiều để lồng ghép thông qua các hoạt động đó các chị em động viên, giúp đỡ nhau vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Chia sẻ, nắm bắt những thông tin tiếp cận với cơ hội học tập, việc làm, văn hóa, y tế để phổ biến tới hội viên. Nhiều phụ nữ tự hào, phấn khởi vì có một mái nhà chung làm vơi đi mặc cảm, tự ti, khơi dậy lòng tự tin phát huy khả năng tiềm ẩn, vươn lên làm chủ cuộc sống của mình. Tại các buổi sinh hoạt kỷ niệm này, Hội đã có những hoạt động truyền thông, tôn vinh những hình ảnh, tấm gương các chị em PNKT vượt khó vươn lên như một thông điệp cổ vũ toàn thể các chị em PNKT nỗ lực, tự tin khẳng định giá trị bản thân.

Chi hội PNKT huyện Sóc Sơn: Mỗi quý tổ chức sinh hoạt một lần, hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ cùng có lợi nhằm động viên, giúp đỡ nhau vượt qua những khó khăn trong cuộc sống, tăng cường sự đoàn kết, gắn bó, tương trợ lẫn nhau, chia sẻ thông tin tiếp cận với cơ hội học tập, việc làm, văn hóa, y tế... nâng cao ý thức tự vươn lên, hòa nhập cộng đồng.

Chi hội đã có các hoạt động cung cấp dịch vụ kết nối và huy động nguồn lực và chủ yếu hướng đến giúp thành viên được hưởng dịch vụ xã hội cơ bản và dịch vụ cải thiện việc làm, sinh kế. Thông qua hoạt động của Chi hội, các chị em được hưởng thụ các chính sách hỗ trợ: vay vốn từ quỹ ngân hàng chính sách nhà nước để buôn bán nhỏ, hỗ trợ mua, cấp thẻ BHYT, giới thiệu đào tạo nghề, hỗ trợ kết nối tham gia học nghề, tìm việc làm...

Bên cạnh các hoạt động kết nối, hội tổ chức thăm hỏi động viên chị em có hoàn cảnh khó khăn, nhân ngày lễ tết, hiếu hỷ, ốm đau, nêu cao các tấm

gương chị em phụ nữ thành công, vượt qua khó khăn, có công ăn việc làm tốt... Chi hội thực hiện các hoạt động chia sẻ thông tin, giới thiệu tới các chị em học nghề và làm việc tại các doanh nghiệp tư nhân (làm may, làm hoa khô, in ấn, làm thủ công mỹ nghệ) để chị em có thêm những lựa chọn việc làm cho bản thân phù hợp. Kết nối các chị em tới các lớp học nghề: chặt hạt, mây tre đan, may mặc, thêu...

Trong công tác truyền thông hỗ trợ chi hội PNKT huyện Sóc Sơn đã cùng các nhà tài trợ, mạnh thường quân hỗ trợ tổ chức các buổi hội thảo giới thiệu sản phẩm của PNKT: chiếu/gối/đệm hạt gỗ, hoa khô, đồ thủ công... tới các nhóm thị trường nhằm truyền thông quảng bá sản phẩm của PNKT, hình ảnh năng lực của PNKT.

Hộp 7. PVS về hoạt động nâng cao năng lực, tập huấn, truyền thông:

Lãnh đạo hội NKT huyện Sóc Sơn chia sẻ: “Chúng tôi thấm nhuần tầm quan trọng của việc làm đối với NKT, đặc biệt với PNKT. Có việc làm thì PNKT mới có tiền, có tiền mới nói to được không thì cứ mãi thấp cổ bé họng. Do vậy được sự hỗ trợ của Hội NKT thành phố Hà Nội chúng tôi cũng thực hiện nhiều hoạt động nâng cao năng lực cho NKT trong đó có những lớp dành riêng cho PNKT, như các lớp tập huấn về các kỹ năng bình đẳng và hòa nhập hoặc nâng cao kỹ năng giới và kinh doanh...Tuy nhiên, số lượng PNKT tham gia còn hạn chế do kinh phí Hội không cho phép làm với số lượng lớn hơn.”

PVS một cán bộ Hội NKT cấp xã chia sẻ: “Sau khi được đào tạo, về chúng tôi muốn có những lớp tập huấn lại cho các hội viên nhiều kiến thức. Tuy nhiên không có kinh phí tổ chức nên chúng tôi chưa làm được. Hơn nữa, tôi thiết nghĩ với các cán bộ Hội NKT ở các cấp cơ sở huyện xã chúng tôi không có một chế độ phụ cấp nào, toàn “ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng” nên nhiều khi làm hạn chế sự tham gia, nhiệt tình, sự kết nối, hỗ trợ NKT và các chị em PNKT”

PVS, một PNKT chia sẻ: “Ngày xưa đi ra đường ngại lắm, bảo đi họp hành là ngại chẳng dám đi cơ mà giờ được Hội động viên đi sinh hoạt câu lạc bộ, đi

tham gia các lớp học cùng các bạn KT nên cũng quen dần, chuẩn bị đến ngày đi học, đi họp lại háo hức mong, chị em lại rủ nhau cùng đi cho vui, đến đó chuyện trò vui vẻ, quen thêm nhiều người. Ngày trước tôi cũng chỉ ở nhà rau cỏ quanh vườn. Đến sinh hoạt với chị em ở Chi hội PNKT mấy chị rủ đi học nghề thủ công làm hạt gỗ thế là đi và bây giờ về được cho làm ở HTX Trái tim hồng, công việc này đỡ mệt nhọc, nắng mưa ngồi trong nhà cũng làm được. Tôi cũng mừng lắm”

Tại cấp huyện chưa có cán bộ nào được đào tạo chuyên ngành CTXH. Theo khảo sát, hiện tại phòng Lao động thương binh xã hội huyện Sóc Sơn chưa có cán bộ nào, trong đó có cả cán bộ phụ trách bộ phận lao động việc làm được đào tạo chuyên sâu chuyên ngành CTXH. Hiện tại phòng Lao động thương binh xã hội có 1 cán bộ chuyên trách vấn đề đào tạo nghề và 1 cán bộ phụ trách mảng giải quyết việc làm nhưng đều là những cán bộ học chuyên ngành kế toán và làm trái ngành. Trong quá trình làm việc tuy có được đào tạo bổ sung theo các lớp tập huấn ngắn hạn về CTXH. Tuy nhiên, đào tạo về chuyên môn sâu thì chưa.

Theo khảo sát, trong tổng 26 xã phường thị trấn chỉ có 3 cán bộ thực hiện hoạt động CTXH đã được đào tạo đúng chuyên ngành CTXH và ở bậc đại học. Còn lại chưa được đào tạo đúng chuyên ngành Công tác xã hội và chủ yếu tốt nghiệp từ các chuyên ngành xã hội liên quan: Xã hội học, luật, sư phạm văn,

Để hỗ trợ thực hiện các hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT tại huyện, DP Hà Nội đã thực hiện các tập huấn nâng cao năng lực cán bộ cơ sở thông qua nhiều tập huấn về các vấn đề công tác xã hội liên quan: kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng viết đề xuất, giới và kinh doanh, kỹ năng mềm...Tuy nhiên, các tập huấn nâng cao năng lực này mới chỉ dừng lại ở các cán bộ Hội giữ vai trò chủ chốt: Chủ tịch, phó chủ tịch hội. Sau đào tạo,

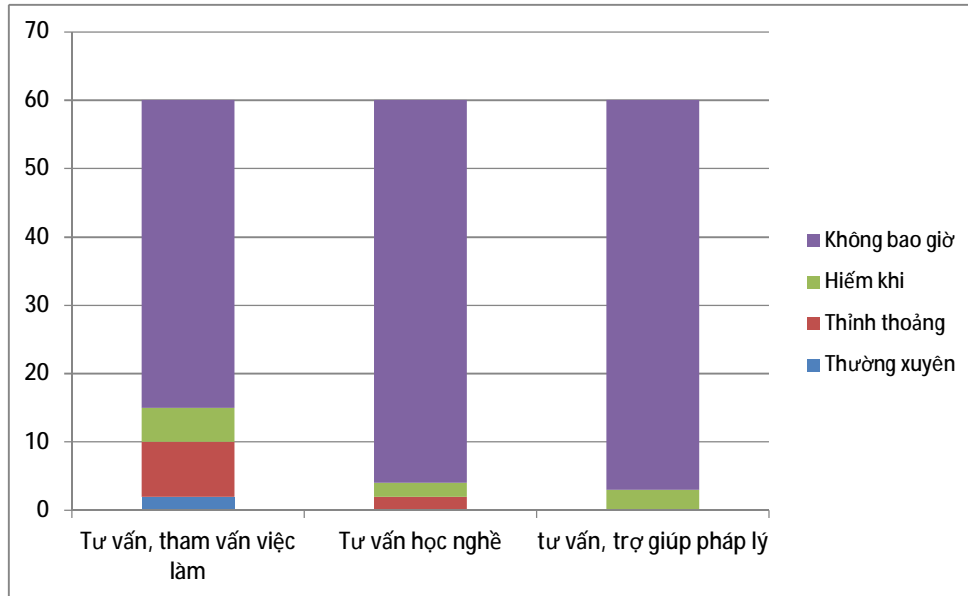
các đồng chí chưa có điều kiện về thời gian, kinh phí để thực hiện các hoạt động nhân rộng kiến thức mà mình đã được học.

Các cán bộ phòng Lao động thương binh, cán bộ Hội NKT các cấp xã, huyện là cầu nối quan trọng để thực hiện CTXH trong hỗ trợ việc làm của PNKT. Tuy nhiên, mặc dù có những cán bộ làm CTXH được đào tạo nhưng chủ yếu là đào tạo không chuyên sâu do vậy các hoạt động này chưa nổi bật tính chuyên nghiệp. Việc đào tạo nâng cao năng lực cho các cán bộ hội NKT nói chung và các chị em PNKT nói riêng là đã có tuy nhiên chưa bao phủ được đến số đông. Có thể nói, mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ hoạt động CTXH cũng như hệ thống cán bộ nhân viên CTXH trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT còn ít và thiếu, chưa phát huy hết khả năng. Điều này cho thấy huyện còn chưa quan tâm, đầu tư phát triển đội ngũ cán bộ nhân viên làm CTXH kịp thời: Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên công tác xã hội có nhiều bất cập: làm trái ngành, thiếu chuyên môn nghiệp vụ, chưa được đào tạo đồng bộ và bài bản, chuyên nghiệp

- *Hoạt động tư vấn, tham vấn, trợ giúp pháp lý*

Dịch vụ tư vấn, tham vấn có vai trò rất quan trọng trong việc giúp chị em PNKT nâng cao năng lực, tăng khả năng ứng phó với các rủi ro có thể xảy ra cũng như khả năng tự đương đầu và giải quyết những khó khăn hiện tại hoặc có thể xảy ra trong tương lai. Theo khảo sát (**Biểu đồ 2.10**) có 25% PNKT đã sử dụng các dịch vụ tư vấn, tham vấn về vấn đề việc làm, 6.67% PNKT đã sử dụng dịch vụ tư vấn học nghề; 5% PNKT đã sử dụng dịch vụ tư vấn, tham vấn trợ giúp pháp lý. Đa phần PNKT có tâm lý tự ti, mặc cảm, một số có tâm lý buông xuôi, chấp nhận số phận, thậm chí thụ động nên đa số họ đều chưa từng sử dụng dịch vụ tư vấn tham vấn. Điều này có thể ảnh hưởng đến việc giải quyết tận gốc vấn đề tiếp cận và duy trì việc làm của PNKT.

Biểu đồ 2.10. Biểu đồ mức độ sử dụng dịch tư vấn, tham vấn của PNKT huyện Sóc Sơn



(Nguồn: Khảo sát phụ nữ khuyết tật tại huyện Sóc Sơn năm 2017)

Kết quả khảo sát cho thấy có 18.33% PNKT đã từng được kết nối, chuyển gửi hoặc tiếp cận 1 hoặc nhiều dịch vụ xã hội như: tư vấn, tham vấn, giới thiệu học nghề và việc làm, hỗ trợ pháp lý...Mức độ tiếp cận một số dịch vụ xã hội tương đối cao như tư vấn, tham vấn việc làm (25%). Tuy vậy, nếu nhìn ở khía cạnh tổng quát thì việc tiếp cận các dịch vụ xã hội này của PNKT là thấp và còn có nhiều hạn chế. Dịch vụ tư vấn, tham vấn, trợ giúp pháp lý mà các chị em PNKT đã từng sử dụng được cung cấp bởi các cộng tác viên của Hội NKT tại cộng đồng như cán bộ hội NKT cơ sở các cấp xã, thị trấn là chủ yếu. Các thành viên chưa được đào tạo chuyên sâu về tư vấn, tham vấn. Do vậy, hoạt động tư vấn, tham vấn học nghề, tìm việc làm chưa chuyên nghiệp, mang nặng tính cho lời khuyên, vẫn coi tư vấn tham vấn là việc cho lời khuyên, “giúp cho những người có nỗi khổ quên đi nỗi khổ”.

- *Hoạt động cung cấp, hỗ trợ dụng cụ phục hồi chức năng:* Theo kết quả khảo sát, có 10% PNKT tham gia khảo sát đã được cung cấp, hỗ trợ

dụng cụ phục hồi chức năng: xe lăn, chân tay giả. Nặng... từ DP Hà Nội, Hội chữ thập đỏ thành phố, phòng lao động thương binh xã hội huyện, CLB thanh niên khuyết tật Việt Nam, nhóm tin lành cộng đồng Mỹ Đình. Đây là những hoạt động hỗ trợ, truyền cảm hứng cho người khuyết tật đi lại, hoạt động, tham gia sinh hoạt, lao động nhiều hơn và dễ dàng hơn góp phần khơi dậy những tiềm năng tiềm ẩn của người khuyết tật, giúp họ tự tin tham gia bình đẳng, hòa nhập trong học tập, lao động, công tác và đời sống xã hội, có phương tiện đi lại tham gia học tập, lao động tự nuôi sống bản thân, đảm bảo cuộc sống cá nhân, mà còn làm giảm bớt gánh nặng cho gia đình, xã hội, góp phần cải thiện vị thế, và tăng cường tính trách nhiệm xã hội cho người khuyết tật. Tuy nhiên, nguồn tài trợ này là có hạn, vì nhiều lý do khác nhau, nhiều người khuyết tật còn gặp nhiều khó khăn chưa thể mua, lắp chân tay giả hay những chiếc xe lăn phục vụ đi lại, sinh hoạt làm hạn chế các cơ hội tham gia, học tập, lao động.

- *Chăm lo đời sống sức khỏe, tinh thần cho người lao động:* Một số hoạt động chăm lo đời sống sức khỏe, tinh thần cho NKT/ lao động nữ khuyết tật được quan tâm thực hiện. Tuy nhiên việc thực hiện hoạt động này và hiệu quả cao hầu hết chỉ tập trung ở mô hình HTX Trái tim hồng.

Hộp 8. Kết quả PVS vấn đề chăm lo đời sống sức khỏe, tinh thần NKT tại HTX Trái tim hồng

PVS PNKT làm việc tại HTX: Hồi trước tôi chẳng biết làm công việc gì để cho có thu nhập ổn định, chân tay thì khoảng khèo chẳng đi lại được nhiều. Từ ngày được giới thiệu vào làm tại HTX tôi cũng cố gắng nhiều và vào đây có các chị em cùng cảnh ngộ làm cùng nên vui hơn nhiều, thi thoảng lại được đi chơi cả nhóm cũng vui, được mở mang thêm nhiều. Vừa được làm việc có tiền lại vừa được giao lưu. Hơn nữa được hỗ trợ cả chỗ ở nên cũng tiện.

Giám đốc HTX Trái tim hồng chia sẻ: Khoản hỗ trợ về tinh thần là quan

trọng lắm, lâu lâu tôi lại tổ chức một hoạt động nhóm cho các anh chị em lao động cùng đi chơi xa nghỉ xả căng thẳng như đi biển hay đi chơi tham quan đâu đó. Dù khuyết tật đi lại khó khăn nhưng tổ chức cho anh chị em cùng hỗ trợ nhau đi chơi cho thêm đoàn kết. Vui lắm! Tại xưởng thì thỉnh thoảng thấy không khí lao động trùng xuống, buổi tối sau giờ ăn tối các anh chị em lại hô hào tụ tập hát hò vui vẻ, giao lưu. Các chị em sướng lắm. Có chị bảo trước chẳng bao giờ dám hát thế mà từ ngày làm ở đây dám cầm mic hát giao lưu với mọi người.

Bên cạnh các hoạt động nâng cao năng lực hướng đến việc làm huyện Sóc Sơn đã thực hiện còn nhiều hoạt động khác: Thực hiện kết nối lao động nữ KT với các đơn vị sản xuất đối thoại, trao đổi các vấn đề việc làm, cùng xây dựng chính sách, cơ hội thử thách thăng tiến cho PNKT tại nơi làm việc còn chưa được thực hiện.

2.2.2. Hỗ trợ tiếp cận giáo dục và dạy nghề

Hoạt động tiếp cận giáo dục và dạy nghề tại huyện Sóc Sơn được thực hiện chủ yếu bởi các thành viên Hội NKT các cấp: Tư vấn, tham vấn hỗ trợ PNKT tiếp cận với các lớp đào tạo nghề dành cho NKT với các chính sách ưu tiên như giảm học phí, hỗ trợ nơi ở,...; Cán bộ các Hội NKT là những nhân viên công tác xã hội có một số hoạt động tư vấn, biện hộ các hình thức đào tạo phù hợp với NKT đối với các cơ sở đào tạo: nơi tổ chức đào tạo, cơ sở vật chất tiếp cận, thời gian, nội dung đào tạo...

Từ năm 2015 thông qua Hội NKT huyện, huyện đã giới thiệu được gần 100 chị em học nghề và làm việc tại các doanh nghiệp tư nhân với một số nghề: làm may, làm hoa khô, in ấn, làm thủ công mỹ nghệ.

Đến nay, Hội đã mở được một lớp dạy nghề và đào tạo việc làm dành riêng cho NKT: chặt hạt, đan mây tre đan thành các sản phẩm (gói hạt hồ, thảm lót đệm ghé hạt gỗ, chiếu hạt gỗ...) gồm 27 chị em PNKT. Hiện có 92.6% (25/27 PNKT) đang làm chính nghề được đào tạo này tại HTX Trái tim hồng.

Với sự tài trợ từ KOIKA, KACAO phối hợp với KSRPD, DP Hà Nội, Hội NKT huyện Sóc Sơn đã thực hiện Chương trình hỗ trợ cơ sở tạo việc làm cho NKT thuộc dự án Thu hẹp khoảng cách kỹ thuật số cho NKT. Chương trình, dự án này đã và đang hỗ trợ NKT trong đó tỷ lệ chị em PNKT chiếm số đông đã được đào tạo Công nghệ thông tin trong thời gian 6 tháng, giúp NKT được tiếp cận và nâng cao trình độ hiểu biết về công nghệ thông tin và từ đó tìm kiếm việc làm liên quan đến nội dung này.

Hộp 9. Kết quả PVS về hoạt động hỗ trợ tiếp cận giáo dục và dạy nghề

PVS phụ nữ khuyết tật: Được Hội NKT huyện và HTX Trái tim hồng hỗ trợ cho học nghề thủ công đan thảm lót đệm, ghê, chiếu hạt gỗ sau lại được cho làm đúng nghề tại HTX tôi phấn khởi vô cùng. Ngày xưa cứ làm linh tinh, đi làm công nhân được vài bữa gò bó không theo được lại về nuôi mấy con gà ở nhà mà sức khỏe yếu đi lại vất vả không làm được. Bây giờ ngồi đan hạt gỗ, ngồi trong nhà mát mẻ, thoải mái lại làm khoán theo sản phẩm nên thi thoảng ốm, mệt hay có việc mình nghỉ cũng tiện.

Theo đồng chí Phó chủ tịch huyện Sóc Sơn chia sẻ: Hàng năm huyện đều có quỹ mở từ 20-30 lớp học nghề. Trong đó, luôn để phần 3-4 lớp cho nhóm NKT. Để tham gia vào lớp học nghề thì NKT đó cần tham gia vào các cơ sở có tư cách pháp nhân và huy động, tập hợp đủ số lượng NKT thì huyện luôn sẵn sàng tạo mọi điều kiện. Tuy nhiên, NKT cũng như PNKT còn chưa tiếp cận được. NKT nói chung, các cơ quan nhóm hội của NKT, PNKT nói riêng cần chủ động trong khâu tiếp cận.

Lãnh đạo Hội NKT huyện Sóc Sơn: Tại huyện đã diễn ra một số lớp học nghề cho NKT. Hầu hết các hoạt động đào tạo nghề dành riêng cho NKT này đều được đưa về huyện thông qua sự tiếp nhận của Hội. Hội luôn là kim chỉ nam phối hợp thực hiện, tư vấn, giám sát, hỗ trợ các tổ chức, đơn vị thực hiện hoạt động này phù hợp nhất với NKT trên địa bàn như: đào tạo nghề gì thì phù

hợp, tổ chức lớp học ở đâu, cần cơ sở vật chất như nào để NKT tiếp cận tham gia được... NKT cũng được chúng tôi phối hợp với các đơn vị tổ chức, đơn vị sản xuất định hướng tạo việc làm. Tuy nhiên việc định hướng này có thành công hay không, còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố từ bản thân NKT, gia đình của họ. Và hầu hết các khóa đào tạo nghề này đều đạt hiệu quả cao.

Như vậy, nhìn chung hoạt động hỗ trợ tiếp cận giáo dục và dạy nghề đã được quan tâm hơn trong những năm gần đây. Tuy nhiên, sự tiếp cận và hưởng thụ dịch vụ này còn hạn chế, chưa có quy trình đầy đủ, rõ ràng, chuyên nghiệp và đòi hỏi nhiều hơn sự chủ động của PNKT và các hội NKT và các đơn vị tổ chức đại diện cho tiếng nói của nhân dân, của nhóm yếu thế trong đó có PNTK.

2.2.3. Tiếp cận và duy trì, phát triển việc làm

- *Dịch vụ cải thiện sinh kế (vay vốn ưu đãi)*

Kết quả khảo sát cho thấy có 3/60 (5%) PNKT sử dụng dịch vụ hỗ trợ vay vốn ưu đãi từ chương trình vay vốn giải quyết việc làm của Ngân hàng Chính sách Xã hội. Các hộ có nhu cầu vay vốn từ Ngân hàng chính sách xã hội được tiếp cận nhanh chóng. Huyện Sóc Sơn đã có những hỗ trợ sinh kế tập trung vào hộ gia đình không chỉ PNKT, và hoạt động này vẫn chỉ dừng lại ở việc tạo điều kiện cho NKT hoặc hộ gia đình có NKT được vay vốn tạo việc làm cải thiện sinh kế hộ gia đình. Tuy nhiên, dịch vụ này cũng mới chỉ đáp ứng được phần nào nhu cầu của các hộ, chị em PNKT có nhu cầu vay vốn.

Hộp 10. Kết quả PVS về hoạt động hỗ trợ vay vốn ưu đãi

Chủ dự án Vay vốn Ngân hàng chính sách dành cho NKT cho biết: Chị em có nhu cầu vay thì nhiều lắm, thậm chí muốn vay số vốn cao nhưng mức hạn định của Ngân hàng chính sách là chỉ được vay đến 50 triệu. Tuy nhiên, thực tế hầu hết các chị em PNKT/ hộ gia đình vay theo ưu đãi dành cho đối tượng NKT thường chỉ được xét duyệt tới 30 triệu. Vừa là vì nguồn vốn có hạn, vừa vì ngân hàng chưa hoàn toàn tin tưởng NKT có khả năng phát triển sản xuất, làm ra lãi để trả nợ ngân hàng.

Ngân hàng chính sách xã hội cũng có chính sách ưu tiên cho cơ sở SXKD sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật thì được vay với mức lãi suất thấp là 3.3%/năm. Tại Sóc Sơn đến nay có duy nhất một đơn vị SXKD là Hợp tác xã Trái tim hồng đang đáp ứng chỉ tiêu là có tổng số lao động là NKT trên 30% và đang được hưởng nguồn vốn vay từ ngân hàng chính sách xã hội theo chương trình này.

- *Công tác hỗ trợ PNKT tiếp cận và duy trì việc làm:*

Hàng năm Huyện Sóc Sơn cũng đã có mở các phiên giao dịch tư vấn giới thiệu việc làm trên địa bàn huyện. Tuy nhiên, hoạt động của phiên giao dịch việc làm trên địa bàn của huyện chưa có sự ưu tiên, hỗ trợ tại chỗ cho PNKT mà mới chỉ thực hiện chung chung, ai biết, ai cần thì tìm đến. Hoặc nếu phía các doanh nghiệp cần chỉ tiêu, cần lao động là người khuyết tật thì cán bộ tham vấn tại phiên giao dịch sẽ chủ động gọi điện, thông báo tới Hội NKT huyện để nhờ kết nối.

Bên cạnh đó, bản thân PNKT là những người dễ tự ti, khó chủ động nói lên ý kiến, quan điểm của mình, do vậy hoạt động hỗ trợ, kết nối PNKT giao lưu, chia sẻ các vấn đề khó khăn với các chủ lao động là việc làm vô cùng cần thiết, nếu không có các hoạt động “theo dấu các chị em” thì họ dễ rơi vào trạng thái không được đảm bảo quyền lợi chính đáng tại nơi làm việc, mất

việc hoặc không hiểu đúng vấn đề dẫn đến chán nản bỏ việc... Bên cạnh đó là việc các chủ lao động không hiểu được tính đặc thù của nhóm lao động của mình nên không có những chính sách hợp lý, kịp thời.

Theo khuyến cáo của nhiều nghiên cứu, nguy cơ nghỉ việc của người khuyết tật thường rất cao trong 3 tháng đầu tiên. Do môi trường thay đổi, người lao động bị sock và thiếu kỹ năng ứng phó với những khác biệt nơi làm.

Tuy nhiên, sau hỗ trợ tư vấn, giới thiệu PNKT tiếp cận, có được việc làm các cán bộ Hội NKT, những người làm công tác tư vấn giới thiệu việc làm tại huyện Sóc Sơn chưa có sự kết nối, hỗ trợ với các đơn vị, doanh nghiệp: lấy ý kiến, trao đổi với các lao động nữ KT về các vấn đề... để tạo điều kiện hỗ trợ NKT có cơ hội trao đổi các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong quá trình làm việc để tạo điều kiện giúp NKT nâng cao năng lực, tăng khả năng ứng phó với các vấn đề và có cơ hội được thụ hưởng những cải thiện chính sách, chế độ, môi trường làm việc tốt hơn, giải quyết các vấn đề khó khăn về việc làm trong quá trình làm việc, để tăng cường khả năng bám việc cho các chị em phụ nữ tại các doanh, xí nghiệp.

Như vậy các hoạt động CTXH hỗ trợ xúc tiến việc làm cho PNKT tại huyện Sóc Sơn là còn rất ít và hạn chế.

2.2.4. Hỗ trợ tự tạo việc làm

- *Dịch vụ quản lý trường hợp:*

Kết quả khảo sát cho thấy PNKT chỉ tiếp cận được dịch vụ quản lý trường hợp từ các tổ chức đoàn thể. PVS cho thấy: Phòng Lao động thương binh xã hội huyện quản lý danh sách NKT/ PNKT và giao cho Hội NKT huyện quản lý trực tiếp NKT là thành viên của hội mình. Theo PVS cán bộ hội phụ nữ khuyết tật Sóc Sơn cho thấy Hội đã chủ động rà soát, nắm địa chỉ của các chị em PNKT, các chị em là chủ, lập sổ theo dõi, quản lý các định rõ

nguyên nhân để vận động. Trước khi cho vay vốn, cán bộ hội tiến hành khảo sát, xét thấy đủ điều kiện vay vốn thì sẽ duyệt cho vay vốn.

Nhìn chung, tiến trình hỗ trợ PNKT vay vốn có các bước gần giống với tiến trình quản lý trường hợp. Như có tiếp nhận ca, đánh giá ban đầu, thu thập thông tin, chẩn đoán vấn đề, lên kế hoạch thực hiện kế hoạch, lượng giá, kết thúc. Tuy nhiên, do người hỗ trợ chưa được đào tạo, tập huấn về quản lý trường hợp nên việc thực hiện tiến trình giúp đỡ chủ yếu làm theo kinh nghiệm và “trực giác” cá nhân. Tại địa bàn khảo sát, dưới sự quản lý của Ngân hàng chính sách xã hội thì Hội NKT huyện Sóc Sơn là đơn vị quản lý nguồn vốn cho NKT vay phát triển sản xuất nhưng chưa có nhân viên chuyên trách, được đào tạo vài bản về CTXH quản lý trường hợp. Do vậy, việc lập hồ sơ quản lý, theo dõi chỉ dừng lại các thông tin quản lý hành chính nhà nước như họ tên, mã số hộ, tuổi, địa chỉ, thu nhập bình quân, số vốn đang vay, tình trạng trả lãi vốn, chưa lập được hồ sơ từng hộ PNKT với các nội dung như đánh giá tâm lý- xã hội, kế hoạch trợ giúp, tiến trình giúp đỡ, đánh giá và theo dõi sự thay đổi. Khi triển khai các hoạt động trợ giúp chưa áp dụng được các nguyên tắc hành động của nhân viên CTXH.

- *Hoạt động đánh giá nhu cầu, xây dựng quy trình thực hiện, tổ chức, giám sát và lượng giá dịch vụ*

- Hoạt động đánh giá nhu cầu: Khi có đợt hỗ trợ NKT/hộ gia đình NKT vay vốn, cán bộ Hội NKT cấp xã phường thông báo về chương trình cho NKT/ hộ gia đình NKT để ai có nhu cầu thì đến đăng ký và cán bộ hội hướng dẫn làm đơn xin vay vốn. Trước khi cho vay vốn, Hội NKT có đánh giá nhu cầu, mục đích vay vốn của từng hộ từ đó mới xác định mức vốn cho vay từng hộ phù hợp. Trước khi quyết định vay vốn, PNKT được các cán bộ Hội NKT, tổ trưởng tổ vay vốn tư vấn các hình thức vay, hình thức trả lãi, số vốn vay.

- Thủ tục và quy trình vay vốn: Người cần vay điền vào đơn xin vay vốn cùng với các mục đích sử dụng vốn cụ thể. Sau khi nộp đơn xin vay

vốn tới các chủ tịch Hội NKT cấp xã, các cán bộ này mới xác nhận và chuyển tiếp lên Ngân hàng chính sách xã hội. Từ đây, Ngân hàng chính sách xã hội lại cùng cán bộ Hội NKT lập hồ sơ xét duyệt, rà soát, thanh kiểm tra xem NKT/ hộ NKT đã từng vay vốn chưa, nếu đã vay thì đã trả hết chưa, mục đích vay vốn là gì, ước lượng quy đổi giá trị tài sản thế chấp có đảm bảo trả lãi hàng quý và hoàn gốc trả ngân hàng sau khi hết thời hạn vay là 3 năm không.

- Công tác giám sát: Sau khi vay vốn, các nguồn vốn được giám sát chặt chẽ bởi các chị em hội viên, các cán bộ Hội NKT, cán bộ tổ vay vốn của Ngân hàng chính sách. Công tác giám sát được thực hiện xuyên suốt quá trình sử dụng và hoàn vốn. Nhờ đó hạn chế việc sử dụng sai mục đích vốn vay. Tuy vậy, hoạt động giám sát mới chỉ dừng lại ở khía cạnh sử dụng nguồn vốn có sai mục đích không mà chưa có kế hoạch trợ giúp, hướng dẫn sử dụng vốn cho từng hộ.

- Nhìn chung, hoạt động quản lý trường hợp đã có manh nha bước vào hướng chuyên nghiệp hóa tuy nhiên còn chưa bài bản. Các dịch vụ, hoạt động CTXH trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT đang được cung cấp đang hoạt động một cách tương đối độc lập, riêng rẽ, chưa có sự phối hợp, liên kết chặt chẽ. Cơ chế phối hợp của mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ CTXH dưới góc độ cung cấp thông tin, quản lý giám sát và quản lý nhà nước còn thiếu chặt chẽ.

- *Mô hình việc làm của PNKT: Hợp tác xã trái tim hồng*

Huyện Sóc Sơn hiện nay đã thực hiện được mô hình hoạt động đặc thù riêng về việc làm của PNKT tại huyện Sóc Sơn tập hợp số lượng lao động là nữ KT cao. Hội NKT thành phố Hà Nội đã hỗ trợ hướng dẫn, thúc đẩy, cho NKT Hội NKT huyện theo các lớp học nghề, sau đó về vay vốn và mở xưởng sản xuất thủ công mỹ nghệ. Đến nay, bản thân chị Ng. Chủ nhiệm Chi hội PNKT huyện Sóc Sơn đã mở ra HTX Trái tim hồng tạo công ăn việc làm cho hơn 30 NKT trong đó có 27 chị em PN là NKT.

Hộp 11. Kết quả PVS về vấn đề hoạt động hỗ trợ tự tạo việc làm của PNKT tại HTX Trái tim hồng

Giám đốc HTX Trái tim hồng chia sẻ: Để tự lập ra được HTX này là nhờ sự giúp đỡ rất nhiều từ thành hội, mấy chị em PNKT rủ nhau vay vốn theo chương trình ưu đãi của Ngân hàng chính sách nhà nước mỗi cá nhân/hộ gia đình có NKT thì được vay 50 triệu rồi tụi chị góp vốn mở xưởng. Tại HTX, chúng chị có hỗ trợ xây phòng ngủ, có nơi ở cho các chị em công nhân. Các chị em ở đây sinh hoạt và làm việc, yêu thương, đoàn kết như người một nhà. Đến nay nhìn những sản phẩm từ gỗ do các chị em làm ra chị vô cùng vui mừng

2.3. Thực trạng một số yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm của phụ nữ khuyết tật huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

Qua khảo sát, đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động CTXH trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, các yếu tố chủ quan như: Bản thân, đặc điểm của PNKT, các yếu tố kỹ năng thực hiện công việc, sức khỏe, yếu tố giới; tới các yếu tố khách quan: Yếu tố gia đình, nhận thức của cộng đồng, năng lực của Hội/nhóm/câu lạc bộ địa phương, số lương/ chất lượng đội ngũ nhân viên công tác xã hội, cơ chế chính sách hay hệ thống cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ sở vật chất, đường xá, công tác đào tạo nghề hay yếu tố tài chính thì đều là có mối quan hệ biện chứng với nhau và là những nhân tố ảnh hưởng không nhỏ mà người làm CTXH cần hết sức quan tâm chú ý trong thiết kế, thực hiện các hoạt động CTXH hỗ trợ việc làm cho PNKT tại huyện Sóc Sơn.

Qua khảo sát và đặc biệt là qua các phỏng vấn sâu, cho thấy yếu tố bản thân, đặc điểm của PNKT là yếu tố ảnh hưởng, rào cản lớn nhất đối với hoạt động công tác hỗ trợ việc làm đối với PNKT tại Sóc Sơn. Sự e dè, thiếu tự tin của các chị em làm hạn chế việc thể hiện năng lực bản thân, nói lên tâm tư, nguyện vọng của mình. Điều này không chỉ gây ảnh hưởng tới việc khẳng

định năng lực, tự phát triển bản thân mà còn làm hạn chế sự nhìn nhận, đánh giá của gia đình, xã hội đối với họ cũng như hạn chế sự hỗ trợ phù hợp nhu cầu, năng lực thực của họ. Khi đó người cung cấp dịch vụ sẽ mất thời gian hơn để “đi tìm” người cần giúp đỡ. Như vậy, muốn có hệ thống dịch vụ CTXH chuyên sâu và có chất lượng thì cần phải có đội ngũ nhân viên, công tác viên CTXH được đào tạo nghề CTXH bài bản.

Hộp 12. Phỏng vấn sâu về thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động CTXH trong hỗ trợ việc làm của PNKT huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

Cán bộ phòng LĐTBXH huyện cho biết: Nhiều hạn chế về mặt nhận thức, nó là cả hệ tư tưởng cố hữu lâu rồi nên các hoạt động nâng cao nhận thức bản thân PNKT chứ đến cả cộng đồng thôn bản là vấn đề cực kỳ khó và đòi hỏi sự kiên nhẫn thực hiện. Các Hội/ Nhóm và người thực hiện hoạt động CTXH trên địa bàn là hạn chế cả về số lượng và chất lượng nên việc triển khai thực hiện đôi khi không được chuyên nghiệp nên khả năng phát huy tính hiệu quả của các hoạt động cũng hạn chế nhiều. Nguồn tài chính để thực hiện thì cũng có hạn chế nên khâu thiết kế hoạt động cũng bị hạn chế theo. Ngoài ra, trên địa bàn huyện hệ thống các đơn vị sản xuất kinh doanh còn ít và hạn chế nên nhu cầu sử dụng lao động thấp.

Chủ tịch Huyện Sóc Sơn cho biết: Các công tác hỗ trợ chị em hướng tới việc làm cũng sẽ cần được quan tâm, đẩy mạnh. Tuy nhiên, các chị em phải chủ động lên, dù có các hỗ trợ nào đi nữa thì cứ tự khẳng định bản thân, tự lực tự cường trước đã. Các đơn vị, doanh nghiệp xã hội họ thấy làm được họ khắc cần và tìm đến.

Chị H- PNKT chia sẻ: Trước tôi cũng theo các anh chị em ra huyện làm một thời gian mà đi đi lại lại xa quá, đường thì xấu, có 1 tay nguy hiểm nên mấy năm nay ở nhà chăn con gà, trồng rau thôi. Muốn tìm mấy việc của công ty nhưng toàn xa lắm không đi được. Ở nhà thì các cán bộ gọi đi họp/ học, tập huấn về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi thì đi thôi. Chứ hỏi CTXH là gì thì cũng không hiểu đâu, khuyết tật như chúng tôi thì chỉ nghĩ được CTXH là mấy bác làm ở xã, thôn, bản đi tuyên truyền vận động thôi.

Do vậy, trong quá trình thực hiện các hoạt động CTXH trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT, thực hiện các hoạt động tác động, nâng cao nhận thức đối với các nhóm cộng đồng xung quanh, khi hỗ trợ những đối tượng này NVCTXH cần kiên nhẫn giúp họ tìm lại sự tự tin vào bản thân, giúp họ tin rằng họ có thể vươn lên, tìm kiếm, tham gia, có một công việc phù hợp, kiên nhẫn giúp họ thay đổi từng tý một, cần bắt đầu từ những việc nhỏ, tạo ra những thành công nhỏ để khuyến khích và tăng dần sự tự tin.

Tuy nhiên, yếu tố đội ngũ cán bộ nhân viên làm CTXH còn chưa được quan tâm phát triển kịp thời: Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên công tác xã hội có nhiều bất cập: làm trái ngành, thiếu chuyên môn nghiệp vụ, chưa được đào tạo đồng bộ và bài bản, chuyên nghiệp.

Mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ hoạt động CTXH trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT còn ít và thiếu, chưa phát huy hết khả năng. Các dịch vụ, hoạt động CTXH trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT đang cung cấp, hiện hoạt động tương đối độc lập, riêng rẽ, chưa có sự phối hợp, liên kết chặt chẽ. Cơ chế phối hợp của mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ CTXH dưới góc độ cung cấp thông tin, quản lý giám sát và quản lý nhà nước còn thiếu chặt chẽ. Chưa có hoạt động kết nối, phối hợp, hỗ trợ các đơn vị, doanh nghiệp, đơn vị sản xuất sử dụng lao động KT nữ thực hiện các hoạt động trao đổi các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong quá trình làm việc để tạo điều kiện giúp NKT nâng cao năng lực, tăng khả năng ứng phó với các vấn đề và có cơ hội được thụ hưởng những cải thiện chính sách, chế độ, môi trường làm việc tốt hơn.

Kết luận chương 2

Tại chương 2, tác giả đã đưa ra bức tranh khái quát về thực trạng CTXH trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT tại huyện Sóc Sơn. Nhìn chung, các dịch vụ CTXH trong hỗ trợ việc làm cho PNKT tại huyện Sóc Sơn đang tiếp cận được chủ yếu là các dịch vụ mang tính gián tiếp, thiếu chuyên nghiệp, không có nhiều dịch vụ do NVCTXH trực tiếp cung cấp. Dịch vụ mà PNKT được tiếp cận nhiều nhất là dịch vụ kết nối, huy động nguồn lực, họ ít được tiếp cận các dịch vụ CTXH chuyên sâu như tham vấn, biện hộ... Các dịch vụ được cung cấp mới chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu của PNKT. Tỷ lệ PNKT có việc làm trên địa bàn huyện có xu hướng cải thiện tích cực. Tuy vậy, nhận thức của hầu hết người dân nói chung và phần đa PNKT trên địa bàn còn thấp. Nên, hầu hết PNKT thiếu chủ động tìm kiếm sự giúp đỡ khi gặp khó khăn, sự thiếu chủ động đi tìm kiếm sự giúp đỡ sẽ là trở ngại rất lớn khi cung cấp các dịch vụ CTXH cho PNKT. Mặc dù vậy, các hoạt động Công tác xã hội tại Sóc Sơn đang được thực hiện ngày một hiệu quả hơn. Tuy nhiên, Nguồn kinh phí hỗ trợ hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm của PNKT ít được đầu tư, chưa được quan tâm thích đáng. Hiện đội ngũ cán bộ nhân viên công tác xã hội vẫn chủ yếu là bán chuyên nghiệp với tỷ lệ khiêm tốn. Do không có chuyên môn nên họ làm việc theo trực giác, thiếu nhận thức, hiểu biết và những kỹ năng cần thiết về công tác xã hội nên hiệu quả giải quyết các vấn đề không cao và thiếu bền vững. Những bất cập này, đòi hỏi phải có những giải pháp đồng bộ, hiệu quả để tăng cường và phát triển hoạt động CTXH trong hỗ trợ việc làm của PNKT.

Chương 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ VIỆC LÀM ĐỐI VỚI PHỤ NỮ KHUYẾT TẬT TẠI HUYỆN SÓC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.1. Định hướng hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với phụ nữ khuyết tật tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

3.1.1. Bối cảnh và định hướng phát triển của huyện Sóc Sơn

Huyện Sóc Sơn trong những năm qua có tốc độ phát triển kinh tế cao, thu hút nhiều nhà đầu tư đến cho một số khu công nghiệp trên địa bàn huyện. Theo đó, nhu cầu sử dụng lao động cũng ngày một tăng lên. Theo đó, cơ hội tiếp cận tìm kiếm việc làm của PNKT cũng được nâng lên.

Có việc làm luôn là điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng đời sống, cải thiện vị thế của lực lượng lao động nói chung của PNKT nói riêng. Lực lượng lao động phát triển sẽ tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển tương lai của huyện nhà. Vai trò của PNKT cần được hiểu đúng hơn và các vấn đề của PNKT cũng cần được quan tâm như vấn đề quan trọng trong các nỗ lực chung nhằm phát triển xã hội.

Việc hỗ trợ vấn đề việc làm đối với PNKT cũng cần hài hòa cùng sự phát triển chung của huyện nhà và đất nước, tập trung phát triển lực lượng lao động nữ khuyết tật cũng giải quyết được một bộ phận lao động của huyện. Mục tiêu phát triển lực lượng lao động, phát triển an sinh xã hội của huyện sẽ không đạt được nếu không tính đến PNKT.

Đảm bảo các hoạt động CTXH trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT được thực hiện thuận lợi, phát triển phù hợp với khả năng lao động và tình trạng khuyết tật của họ nhằm tạo điều kiện giúp PNKT có việc làm ổn định đời sống, hòa nhập cộng đồng có cuộc sống tốt đẹp trong tương lai, xây dựng xã hội giàu đẹp, thân thiện, công bằng, dân chủ.

3.1.2. Định hướng về công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

Công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT hướng tới giúp PNKT có việc làm, tự khẳng định bản thân, góp phần tạo ra của cải vật chất cho xã hội, sống có ích với xã hội, giảm bớt gánh nặng cho xã hội. Do vậy cần phát triển CTXH trong hỗ trợ việc làm của PNKT theo hướng tối ưu hóa các hoạt động:

- Tăng cường, đa dạng hóa các hoạt động CTXH trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT

- Xây dựng quy trình thu hút sự tham gia của PNKT vào việc thiết kế các dịch vụ, lập kế hoạch cung cấp các dịch vụ CTXH.

- Tạo môi trường pháp lý và hành chính thuận lợi để thu hút sự tham gia của khu vực phi chính phủ, phi lợi nhuận, các tổ chức nhân đạo trong việc cung cấp các dịch vụ CTXH đối với PNKT.

- Đẩy mạnh việc thực hiện chính sách xã hội hóa nhằm huy động sự tham gia của tất cả mọi thành phần trong xã hội trong việc hỗ trợ PNKT tiếp cận, giải quyết vấn đề việc làm. Trong đó, khối chuyên ngành thuộc nhà nước đóng vai trò chủ đạo, hoạch định chính sách, điều phối nguồn lực và đảm bảo việc cung cấp các dịch vụ CTXH có chất lượng hiệu quả và công bằng. Đồng thời, khuyến khích người dân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cá nhân, tổ chức nước ngoài cùng tham gia hưởng ứng phong trào “Vì người khuyết tật”.

3.2. Các giải pháp phát triển công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

3.2.1. Các giải pháp về cơ chế, chính sách

- Cần hoàn thiện các quy định và chính sách về dạy nghề, tạo việc làm cho NKT, rà soát kiểm tra lại toàn bộ hệ thống văn bản pháp luật về dạy nghề và việc làm cho NKT từ đó tìm ra các điểm bất cập, thiếu hoặc chưa hợp lý để chỉnh sửa, bổ sung kịp thời.

- Cần xây dựng những quy định hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm đối với lao động là nữ nhằm đáp ứng, hỗ trợ phù hợp nhu cầu tâm sinh lý theo đặc điểm, giới của PNKT.

- Cần luôn quan tâm việc xây dựng, điều chỉnh, đổi mới, bổ sung các chương trình giảng dạy, hoạt động hỗ trợ việc làm đối với PNKT phù hợp với đặc điểm của PNKT, tình hình, nhu cầu của các đơn vị sản xuất, thị trường lao động.

- Cần chuyên nghiệp hóa hoạt động cung cấp dịch vụ CTXH nói chung và hoạt động CTXH trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT nói riêng. Các dịch vụ CTXH cung cấp cho PNKT cần phối hợp đa ngành, đa lĩnh vực, đảm bảo các điều kiện cần thiết để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ hướng tới PNKT có việc làm và duy trì phát triển việc làm bền vững, ổn định đời sống.

- Cần xác định rõ vai trò, nhiệm vụ, chức năng của NVCTXH, các đơn vị cung cấp dịch vụ CTXH, các thành viên thực hiện:

- Sở LĐTBXH là cơ quan thường trực thực hiện các hoạt động an sinh xã hội của thành phố Hà Nội và Phòng LĐTBXH là cơ quan thường trực thực hiện các hoạt động an sinh xã hội của huyện Sóc Sơn. Điển hình như phòng việc làm, phòng dạy nghề, phòng lao động- tiền công- tiền lương, phòng bình đẳng giới, trung tâm dịch vụ việc làm thành phố,... Các dịch vụ cung cấp cho PNKT như quản lý ca, hỗ trợ vay vốn, tư vấn hướng chính sách, giới thiệu việc làm, đào tạo nghề, tập huấn, truyền thông nâng cao năng lực, tham vấn và các phiên giao dịch lồng ghép giới thiệu việc làm...

- Các sở/phòng ngành chức năng của huyện, thành phố. Trên cơ sở kết quả những thiếu hụt các nhu cầu về việc làm của PNKT, từng sở ban ngành chức năng chịu trách nhiệm tham mưu, đề xuất với UBND huyện các chính sách, giải pháp cung cấp dịch vụ nhằm nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản:

+ Ngân hàng chính sách xã hội: Cung cấp dịch vụ vay vốn, phối hợp hướng dẫn sử dụng đúng mục đích vốn cấp.

+ Phòng y tế: Cung cấp các dịch vụ như chăm sóc sức khỏe cho PNKT, tăng độ phủ của BHYT, hỗ trợ miễn giảm viện phí cho PNKT, tham vấn cho bệnh nhân là PNKT.

+ Phòng thông tin truyền thông và ban văn hóa thể thao: Cung cấp dịch vụ như truyền thông nâng cao nhận thức cho PNKT về các chương trình, chuyên đề giới và kinh doanh, việc làm....

+ Phòng tư pháp: Cung cấp các dịch vụ như trợ giúp pháp lý, hỗ trợ và tư vấn pháp luật, truyền thông nâng cao nhận thức cho chị em PNKT

+ Mạng lưới các cơ sở cung cấp dịch vụ: ở huyện Sóc Sơn hiện đang có các tổ chức phi chính phủ quốc tế và tổ chức phi chính phủ địa phương cung cấp dịch vụ CTXH trong hỗ trợ việc làm cho PNKT: KOIKA, KAKAO, DP Hà Nội... Các tổ chức này cung cấp nhiều các dịch vụ CTXH chuyên sâu như các chương trình phát triển nhóm, cộng đồng; cải thiện sinh kế, CTXH với gia đình, nhóm, các chương trình tập huấn...

+ Mạng lưới các nhóm tự giúp: Tại huyện Sóc Sơn, có hình thức nhóm tự giúp Chi Hội PNKT huyện Sóc Sơn có cung cấp dịch vụ CTXH cho PNKT. Các dịch vụ CTXH cung cấp: sinh hoạt nhóm, tư vấn tâm lý, trợ giúp pháp lý, kết nối và chuyển gửi, giáo dục cộng đồng, truyền thông...

- Việc làm rõ mục đích, ý nghĩa, trách nhiệm, sự tham gia, phối hợp, thực hiện, chỉ đạo của khối các ngành chức năng và UBND là nhân tố quan trọng để đảm bảo cho các chương trình và hoạt động CTXH trong hỗ trợ việc làm cho PNKT thành công. Do vậy, cần có các hoạt động phối kết hợp giữa các tổ chức, nhóm hội của và vì NKT trên địa bàn với các cơ quan ban ngành địa phương như Phòng lao động thương binh xã hội, UBND các cấp cùng thực hiện các phiên giao dịch việc làm để tư vấn, tham vấn, kết nối việc làm cho lao động nữ KT.

- Việc hỗ trợ việc làm phải xuất phát từ nhu cầu của chính PNKT, đồng thời phải có sự tác động dần đều của công tác truyền thông vận động, giáo dục để NKT tự nhận ra vấn đề, có nguyện vọng được giúp đỡ và mong muốn được giúp đỡ kịp thời thì kết quả mới có tính bền vững. Việc PNKT có tìm được công việc thích hợp hay không phụ thuộc rất nhiều vào công tác tư vấn, định hướng NKT lựa chọn nghề nghiệp, việc làm phù hợp với khả năng tiếp thu, khả năng có việc làm sau đào tạo, tình trạng tật, dạng tật của bản thân và thực tế nhu cầu, điều kiện của bản thân họ cũng như thực tế nhu cầu thị trường tuyển dụng lao động của các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Trong đó, cần tăng cường vai trò của mạng lưới các trung tâm dịch vụ việc làm trong việc tư vấn, sắp xếp việc làm cho NKT và hoạt động kết nối PNKT và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tìm hiểu nhu cầu tuyển dụng.

- Địa phương cần xây dựng và phê duyệt mức chi phí đào tạo cho từng nghề đối với người khuyết tật rõ ràng, cụ thể phù hợp với nghề đào tạo, chương trình, thời gian đào tạo, đặc thù của người khuyết tật và điều kiện thực tế của địa phương để làm cơ sở cho việc triển khai thực hiện thuận lợi. Khi đã có quỹ thực hiện chương trình thì các ban ngành đoàn thể, UBND huyện, Phòng LĐTBXH, Hội NKT cần chủ động phối kết hợp để triển khai phù hợp. Tránh việc hàng năm vẫn có nguồn quỹ dành cho việc đào tạo nghề cho NKT nhưng không giải ngân được.

- Tổ chức xây dựng thống kê, phân loại dữ liệu về người khuyết tật : tổng số, dạng tật, tình trạng sức khỏe, dạng tật, số người trong độ tuổi lao động, còn khả năng lao động, số người có nhu cầu việc làm, và những công việc phù hợp với nhu cầu sức khỏe của người khuyết tật theo giới tính rõ ràng làm cơ sở lập các kế hoạch can thiệp sát đối tượng, phù hợp, hiệu quả... Giúp các nhà làm chính sách, lãnh đạo địa phương, hội NKT có thêm các thông tin nhằm đề xuất bổ sung, điều chỉnh hay thay đổi các chính sách hỗ trợ đối với phụ nữ khuyết tật.

- Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề đối với cơ sở dạy nghề dành riêng của người khuyết tật, các cơ sở dạy nghề để đào tạo hòa nhập cho người khuyết tật.

- Triển khai thực hiện các mô hình dạy nghề linh hoạt, đa dạng cả về thời gian, địa điểm, chương trình, hình thức tiến hành phù hợp với khả năng, điều kiện của người khuyết tật.

- Hình thành mạng lưới gắn kết giữa cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ sở đào tạo nghề cho người khuyết tật, các tổ chức của và vì người khuyết tật với các trung tâm dịch vụ việc làm. Trong đó các trung tâm dịch vụ việc làm giữ vai trò hạt nhân trong sự gắn kết đó.

- Chính sách xã hội phải gắn liền với khả năng xây dựng và triển khai các dịch vụ xã hội. Việc chuyển các mô hình chính sách từ trợ cấp về mặt tài chính sang các mô hình đào tạo nghề, đào tạo kỹ năng sống, tổ chức các dịch vụ nâng cao khả năng sống độc lập của người khuyết tật là hết sức cần thiết.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc dạy nghề, tạo việc làm cho người khuyết tật, kịp thời tổng kết, đánh giá, biểu dương các mô hình dạy nghề, tạo việc làm đối với người khuyết tật có hiệu quả và có tính bền vững.

- Cơ chế hay chính sách thích hợp về đào tạo nghề nhằm nới rộng hơn biên độ nghề nghiệp đối với phụ nữ khuyết tật trẻ tuổi. Các cơ quan, ban, ngành liên quan cần có các chính sách hỗ trợ hay các chế tài thực hiện nhằm giữ gìn sự ổn định về nghề nghiệp từ đó giúp phụ nữ khuyết tật có thêm các cơ hội phát triển. Đối với nhóm phụ nữ khuyết tật đã lớn tuổi và có nhu cầu chuyển sang buôn bán, có thể có các chính sách ưu tiên về vốn, để họ có thể nâng cao hơn thu nhập. Ở các địa phương khác nhau, các xã khác nhau nên có những chính sách dựa vào các lợi thế về nghề truyền thống trong hỗ trợ đào tạo cho phụ nữ khuyết tật.

- Xây dựng cơ chế tài trợ để thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong kinh tế, trong đó quan tâm, chú trọng đến nhóm PNKT.
- Xây dựng và thực hiện chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực việc làm của người khuyết tật nói chung, phụ nữ khuyết tật nói riêng.
- Trong bối cảnh hiện nay một trong những yêu cầu cấp thiết là cần thay đổi vị thế, thay đổi hành vi của người khuyết tật từ ‘cam phận’ chuyển sang ‘sống tích cực’ thông qua các cuộc vận động thay đổi chính sách và cơ chế quản trị điều hành theo hướng dân chủ và hội nhập ở các cấp thì mới có thể đảm bảo được quyền và lợi ích của NKT cũng như các nhóm thiệt thòi nói chung một cách bền vững.

3.2.2. Giải pháp phát triển giáo dục, dạy nghề cho phụ nữ khuyết tật

Công tác nâng cao nhận thức cho chính bản thân PNKT và cộng đồng gia đình và xã hội là hoạt động không thể thiếu, các khoản hỗ trợ về vật chất chỉ có tác động tạm thời nếu không có sự thay đổi trong nhận thức của cộng đồng xã hội, gia đình và bản thân PNKT.

- PNKT thuộc nhóm yếu thế do sự khiếm khuyết cơ thể, các chức năng xã hội của họ có thể bị suy giảm. Vì vậy, đội ngũ nhân viên công tác xã hội có thể giúp họ tiếp cận được các nguồn lực bên ngoài, phát huy nguồn lực bên trong để họ trở nên mạnh mẽ hơn, có khả năng sống độc lập và tham gia vào các hoạt động lao động, học tập như những người bình thường.
- Cần có các hoạt động nâng cao năng lực hỗ trợ PNKT vượt qua những trở ngại khi tham gia học nghề, phục hồi chức năng như: bổ túc văn hóa, xóa mù chữ, bổ túc ngôn ngữ ký hiệu cho người khiếm thính; trợ giúp xe lăn, phương tiện chỉnh hình cho PNKT vận động.
- Đẩy mạnh hoạt động truyền thông, tư vấn cho NKT về các chính sách, chế độ họ được hưởng. Nên sử dụng các hình thức truyền thông nhóm nhỏ và gắn các buổi sinh hoạt nhóm.

- Việc truyền thông không chỉ dừng lại ở việc cung cấp các thông tin hỗ trợ, mức hỗ trợ mà cần nâng cao nhận thức của PNKT về tầm quan trọng của việc làm đối với bản thân PNKT, gia đình và cộng đồng. Khi họ nhận thức được tầm quan trọng đó sẽ chủ động, tích cực hơn trong việc tiếp cận, thụ hưởng chính sách cũng như cung cấp các thông tin phản hồi nhằm điều chỉnh chính sách cho phù hợp với nhu cầu thực tế của PNKT. Bên cạnh đó, hoạt động truyền thông, tư vấn cần nhấn mạnh việc nâng cao nhận thức của NKT về quyền tiếp cận các dịch vụ xã hội. Họ cần hiểu đó là quyền lợi chứ không phải đó là sự ban ơn, bố thí của xã hội dành cho họ.

- Cần chú trọng giáo dục, nâng cao học vấn và đào tạo nghề cho PNKT thông qua các hoạt động bổ túc văn hóa, hỗ trợ học phí học nghề, cung cấp thông tin, tư vấn và giới thiệu học nghề cho PNKT kết hợp đánh giá, xây dựng chương trình dạy nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện và đặc thù của người khuyết tật;

- Cần xây đa dạng hóa mô hình dạy nghề, chú trọng dạy nghề gắn với giải quyết việc làm. Chú trọng đến nâng cao vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đối với việc tạo việc làm ổn định cho PNKT sau thời gian kết thúc học nghề.

- Quan tâm, cải tạo môi trường làm việc thường xuyên phù hợp nhằm giúp PNKT phát triển trong chính môi trường đó.

- Cải thiện định hướng nghề nghiệp tốt cho người khuyết tật. Định hướng nghề nghiệp là cách giải quyết các rào cản ở khâu đầu tiên của quá trình tiếp cận thị trường lao động. Như đã có dịp đề cập ở trên, khu vực dạy nghề công lập chưa thật sự chú ý nhiều tới khâu tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho người học. Việc đào tạo vẫn dựa trên nhu cầu người học là chủ yếu. Tuy nhiên, không phải người khuyết tật nào cũng xác định rõ mục tiêu học tập. Vì vậy các cơ sở đào tạo/dạy nghề nên chú trọng hơn nữa khâu tư vấn, định hướng học nghề cho học viên dựa trên tình trạng sức khỏe, dạng tật

và nhu cầu lao động của thị trường. Đặc biệt đối với nhóm khuyết tật mới bước vào độ tuổi lao động, các em còn thiếu kinh nghiệm và kiến thức xã hội. Người khuyết tật thường dễ nảy sinh tâm lý bi quan nếu sau khi học nghề không tìm được việc làm. Vì vậy ngay từ đầu nên chú trọng dạy nghề dựa trên khả năng người học, dựa trên dạng khuyết tật và nhu cầu của thị trường.

- Cải thiện khâu tuyển dụng đầu vào cho các chương trình đào tạo. Công tác tuyển dụng có ý nghĩa quyết định đến chất lượng các chương trình đào tạo nghề và hiệu quả tìm việc của học viên sau đào tạo. Tuyển dụng đầu vào nên thực hiện với quy trình sau:

Bước 1: Phân nhóm học viên theo tình trạng khuyết tật. Quá trình phân nhóm học viên theo dạng tật nên bắt đầu từ khả năng tư duy của người học. Việc phân nhóm sẽ giúp định hướng lựa chọn nghề là lao động phổ thông (như bảo vệ, đóng gói đơn giản...) hay nhóm ngành nghề đòi hỏi yếu tố kỹ thuật cao.

Bước 2: Đánh giá mức độ phù hợp của học viên với ngành nghề đào tạo. Việc đánh giá mức độ phù hợp của học viên với chương trình đào tạo cần thực hiện bởi các chuyên gia trong ngành nghề đó. Sử dụng phương pháp đánh giá thông qua phỏng vấn và bài tập thực hành. Đồng thời, học viên cần tự đánh giá sự phù hợp của bản thân đối với ngành nghề đào tạo thông qua tham gia đào tạo thử, quan sát trực tiếp tại doanh nghiệp. Tuyển dụng học viên tham gia các khóa đào tạo không nên dựa trên mục tiêu số lượng học viên mà cần được căn cứ trên kết quả đầu ra của các khóa đào tạo như số/tỷ lệ học viên đạt kết quả tốt sau đào tạo, số/tỷ lệ học viên có việc làm sau đào tạo.

- Nâng cao chất lượng các khóa đào tạo nghề. Chất lượng các khóa đào tạo phụ thuộc vào 3 yếu tố chính gồm chương trình đào tạo, giảng viên và tổ chức đào tạo. Chương trình đào tạo cần được xây dựng dựa trên các yêu cầu/mô tả công việc thực tế đối với vị trí đó tại doanh nghiệp. Chương trình bao gồm cả thời gian đào tạo tập trung và thời gian thực tế tại hiện trường.

Nội dung đào tạo bao gồm cả kiến thức chuyên môn và các kỹ năng mềm. Cơ sở đào tạo nên tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp vào các khóa đào tạo thông qua xây dựng và góp ý các chương trình đào tạo. Tổ chức đào tạo với nhiều thời gian thực hành thực tế tại doanh nghiệp. Hỗ trợ phần kinh phí cho các doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo cho người khuyết tật và cam kết tiếp nhận học viên sau đào tạo khi đảm bảo chất lượng.

- Khuyến khích doanh nghiệp tuyển dụng lao động là người khuyết tật thông qua hoạt động truyền thông, quảng cáo cho doanh nghiệp. Cần xem xét các chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp có sử dụng lao động là người khuyết tật không trực tiếp bằng tài chính như hỗ trợ thuê mướn cơ sở hạ tầng có thiết kế thân thiện với người khuyết tật, các hình thức PR cho doanh nghiệp trong các Hội nghị/Hội thảo. Một số doanh nghiệp đề nghị Chính phủ có thể ưu tiên cho doanh nghiệp trong các gói thầu kinh tế nếu sử dụng lao động là người khuyết tật đạt tỷ lệ theo quy định.

- Tăng cường xây dựng mạng lưới kết nối giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp. Thực hiện kết nối giữa doanh nghiệp và học viên sau đào tạo thông qua các chương trình hội chợ việc làm, các cuộc tọa đàm giữa học viên và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện đào tạo. Gửi sinh viên/học viên đến thực tập tại các doanh nghiệp. Dự án phát triển hòa nhập cho người khuyết tật có thể giúp làm công tác thúc đẩy mối liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp trong mạng lưới đăng tải các thông tin về nhiệm vụ của vị trí tuyển dụng theo hướng làm rõ thông tin cho người khuyết tật, và có các lưu ý tình trạng khuyết tật phù hợp với vị trí tuyển dụng trong mô tả công việc.

- Hướng dẫn các kỹ năng tìm kiếm việc làm, trong đó chú trọng đến các phương pháp nộp hồ sơ và thi tuyển qua mạng. Giải pháp này nhằm tăng tính chủ động của người lao động khuyết tật trong quá trình tìm kiếm việc làm.

- Thực hiện chương trình phát triển, tăng cường hỗ trợ/coaching cho người khuyết tật đi làm trong 3 tháng đầu tiên.

3.2.3. Phát triển công tác xã hội trong hỗ trợ PNKT tiếp cận, tự tạo việc làm và duy trì, phát triển việc làm

Phát triển công tác xã hội từ cấp cơ sở là một định hướng cho việc hình thành hệ thống công tác xã hội chuyên nghiệp ở Việt Nam

Hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận những dịch vụ phù hợp và duy trì tiếp cận một loạt các dịch vụ phối hợp tốt nhất. Trong trường hợp cần thiết, nhân viên công tác xã hội cũng cung cấp hỗ trợ tâm lý cho người khuyết tật và gia đình của họ. Như vậy, bằng những kiến thức, kỹ năng và phương pháp, nhân viên công tác xã hội đã trợ giúp cá nhân, gia đình và cộng đồng người khuyết tật, phục hồi các chức năng xã hội mà họ bị suy giảm.

Nhận thức về nghề công tác xã hội còn rất mới mẻ, sự phát triển và đào tạo cán bộ, nhân viên trong lĩnh vực này chưa được hình thành một cách đồng bộ. Do vậy, cần bồi dưỡng nâng cao năng lực và kiến thức cho đội ngũ cán bộ, hội viên, tình nguyện viên ở các tổ chức xã hội nhằm trang bị cho họ kiến thức và kỹ năng công tác xã hội, đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của xã hội về lĩnh vực này.

Việc quan tâm tạo nguồn nhân viên xã hội cần chú trọng nhiều hơn đến khía cạnh kỹ năng và khía cạnh đạo đức nghề nghiệp. Đó là những yếu tố cơ bản trong việc triển khai các mô hình tác động ở các đối tượng yếu thế trong xã hội, nhất là đối tượng người khuyết tật/ phụ nữ khuyết tật.

Đối với nhóm PNKT có nhu cầu nguyện vọng, khả năng tự chủ hoặc làm việc tại nhà được nhóm cán bộ xã hội của một số tổ chức của và vì NKT trên địa bàn huyện cần kết nối các nguồn lực thực hiện nâng cao năng lực cho nhóm này, hỗ trợ họ tham gia các buổi tập huấn: Khởi sự kinh doanh, tăng cường khả năng kinh doanh, các khóa học phụ nữ làm chủ kinh doanh, các kỹ

năng giới và kinh doanh,...Sau các khóa học, ban tổ chức thực hiện đánh giá nhu cầu lập kế hoạch thực hiện hỗ trợ sinh kế cho NKT.

Các hội nhóm của và vì NKT trên địa bàn cần phối hợp chủ động lập kế hoạch, đề xuất, kết nối nguồn lực tạo vốn hỗ trợ nhóm PNKT các yếu tố, điều kiện cần và đủ để có thể tự tạo việc làm: Hỗ trợ PNKT vay vốn khởi nghiệp, kinh doanh, hỗ trợ công cụ sản xuất : Có người cần có tủ nước mía để mở quán bán nước mía, có người cần tủ bánh mì để mở tiệm bánh bán tại nhà, có người cần hỗ trợ kết nối với doanh nghiệp/ nơi sản xuất quần áo để mở tiệm bán quần áo... hay cung cấp các dụng cụ phục hồi chức năng: chân tay giả, nạng nẹp, xe lăn, xe lắc...hỗ trợ NKT độc lập tự tin tiến đến các cơ hội việc làm tốt hơn.

Từ hoạt động nâng cao năng lực, nâng cao nhận thức cho PNKT đến khảo sát nhu cầu (cần gì, muốn gì, nguồn lực là gì, điểm mạnh, hạn chế ...) chung của các chị em và phát động các chị em chủ động, tự chủ xây dựng kế hoạch, mục đích, cách thức sử dụng vốn vay đề xuất vay vốn để dự án kiểm định xét duyệt, cấp vốn và thực hiện các hoạt động hỗ trợ phù hợp dựa trên các đơn/ kế hoạch vay và sử dụng vốn.

Các nhóm thực hiện hoạt động CTXH trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT của cần có các động tác đánh giá thị trường, lập kế hoạch hỗ trợ, trao tặng những công cụ sản xuất cho PNKT trên nguyên tắc đảm bảo sự minh bạch công khai của nhà tài trợ. Tiếp đó là các hoạt động giám sát việc thực hiện, sử dụng các khoản hỗ trợ của chương trình của các chị em để có những giải pháp phù hợp, kịp thời.

Để làm tốt công tác này, các tổ chức cũng cần chú trọng tới khâu đào tạo kỹ lưỡng về chuyên môn đánh giá và xây dựng kế hoạch hỗ trợ cá nhân phù hợp với hoàn cảnh của NKT và gia đình cho các nhóm cán bộ quản lý.

3.2.4. Tăng cường hoạt động công tác xã hội đối với gia đình, cộng đồng

Tập huấn tăng cường nhận thức cho bố/ mẹ/ chồng của PNKT về các kỹ năng bình đẳng hòa nhập, giới và kinh doanh,... để nâng cao nhận thức của các thành viên gia đình người khuyết tật để họ hiểu hơn về vấn đề PNKT trong gia đình họ đang gặp phải, có thể cảm thông, chia sẻ, quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện, phối hợp các hoạt động liên quan phù hợp, giúp PNKT tăng cơ hội hướng tới việc làm phù hợp.

- Cần đảm bảo mọi can thiệp là nhằm tạo điều kiện thuận lợi và tăng cường năng lực cho các tổ chức phụ nữ, hội người khuyết tật để tạo nên những thay đổi ở cả cấp độ cá nhân và cộng đồng

- Sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị và sự đóng góp của xã hội trên cơ sở phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Hệ thống CSPL về NKT được bổ sung, Nhà nước ưu tiên bố trí nguồn lực, tổ chức bộ máy, phân công trách nhiệm cụ thể để thực hiện. Gia đình NKT phát huy tốt vai trò là tuyến đầu nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ PNKT, đồng thời giúp PNKT nỗ lực khắc phục khó khăn, vượt qua mặc cảm tự ti, vươn lên khẳng định khả năng sống độc lập, hòa nhập xã hội và góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng về nghề CTXH và vai trò của NVCTXH, năng lực, các vấn đề về việc làm của PNKT thông qua các kênh truyền thông có sức lan tỏa lớn như báo chí, đài phát thanh, truyền hình,... đến việc phát tờ rơi, trao đổi qua các cuộc họp tổ dân phố, họp chi hội hội phụ nữ,...

- Cần sử dụng phương thức truyền thông, lựa chọn nội dung, thời gian, địa điểm... phù hợp với từng cộng đồng và từng nhóm PNKT. Ví dụ, nhóm PNKT bán hàng quán nhỏ lẻ, nhóm PNKT làm công nhân, nông nghiệp, nhóm PNKT khiếm thính, nhóm PNKT khiếm thị... Nếu có nhận thức đúng về hoạt động CTXH trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT thì khi gặp vấn

đề họ sẽ chủ động tìm gặp NVCTXH để tìm kiếm sự giúp đỡ hoặc họ có thể giới thiệu với những người khác, bạn bè, người quen. Cần truyền thông phổ biến rộng rãi về các hoạt động dịch vụ CTXH về địa chỉ, loại hình dịch vụ, đối tượng hưởng thụ để PNKT dễ dàng tiếp cận được khi có nhu cầu.

3.2.5. Nhóm giải pháp nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội

Cán bộ làm CTXH và tình nguyện viên trực tiếp tham gia có vai trò hết sức quan trọng. Hoạt động CTXH trong hỗ trợ việc làm cho PNKT chỉ có thể thành công khi có đội ngũ cán bộ xã hội được đào tạo đầy đủ, tâm huyết, luôn bám sát quá trình dạy nghề, sắp xếp việc làm phù hợp đối với PNKT.

Giải pháp quan trọng nhất để đảm bảo việc cung cấp dịch vụ CTXH có chất lượng và đúng chuyên môn cho PNKT là phát triển cả về số lượng và chất lượng cả đội ngũ nhân viên CTXH chuyên nghiệp lẫn đội ngũ cộng tác viên CTXH.

Với thực trạng phát triển nghề CTXH như hiện nay, khi chưa xây dựng được lực lượng nhân viên CTXH chuyên nghiệp làm việc tại cộng đồng ngay thì các cán bộ tại cơ sở, đặc biệt là cán bộ Hội NKT, cán bộ phòng LDTBXH ở các xã, phường thị trấn sẽ là lực lượng chính trong việc cung cấp các dịch vụ CTXH cho PNKT. Bởi, chính họ là người đầu tiên tiếp nhận những PNKT và cũng chính họ là những người chuyển tiếp các chính sách đến tay các chị em PNKT. Họ cũng là những người nắm rõ nhất gia cảnh của từng chị em PNKT, cũng như tình hình kinh tế- xã hội của địa phương. Do vậy, cần tập trung phát triển đội ngũ cộng tác viên song song với việc đào tạo xây dựng đội ngũ NVCTXH chuyên nghiệp khi cần thiết.

Các giải pháp cụ thể:

- Ưu tiên tuyển dụng những người được đào tạo bài bản về CTXH vào các vị trí công việc, các cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ CTXH với NKT.

- Đào tạo và đào tạo lại về CTXH cho những người trực tiếp cung cấp dịch vụ CTXH cho PNKT.

- Thường xuyên tập huấn, đào tạo chuyên sâu về CTXH cho NVCTXH cung cấp dịch vụ trực tiếp, chú trọng đến việc rèn luyện các kỹ năng, thái độ làm việc với NKT như kỹ năng tham vấn, kỹ năng huy động nguồn lực và xây dựng mạng lưới, kỹ năng quản lý cảm xúc...

- Tổ chức các lớp tập huấn, truyền thông cho các lãnh đạo địa phương, NVCTXH về đề án 32, và các thông tư, quyết định liên quan, đặc biệt là thông tư số 34/2010/TT-BLĐTBXH quy định tiêu chuẩn, nghiệp vụ các ngạch viên chức CTXH và thông tư 07/2013/TT-BLĐTBXH quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ cộng tác viên CTXH xã, phường, thị trấn để các địa phương xây dựng và tăng cường đội ngũ NVCTXH, cộng tác viên CTXH.

- Xây dựng mạng lưới các cơ sở và mạng lưới nhân viên cung cấp dịch vụ CTXH với NKT. Tổ chức họp mạng lưới định kỳ để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao năng lực.

- Tập huấn nâng cao năng lực, đặc biệt là các chủ đề CTXH cho cán bộ các tổ chức đoàn thể, đội ngũ cộng tác viên như tổ trưởng tổ vay vốn, trưởng nhóm phụ nữ các xã phường thị trấn, ...

- Thường xuyên tổ chức các cuộc Hội thảo, Hội nghị tổng kết để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, thông tin, đánh giá kết quả cung cấp các dịch vụ CTXH và hoạt động của mô hình học nghề gắn với giải quyết việc làm cho PNKT.

- Khuyến khích các trường đào tạo ngành CTXH xây dựng mô hình thực hành gắn với việc cung cấp dịch vụ CTXH, Khi đó sinh viên về các cộng đồng, tham gia cung cấp các dịch vụ CTXH như một cộng tác viên.

Trên đây là một số đề xuất khuyến nghị của tác giả xuất phát từ thực tiễn nghiên cứu. Để đảm bảo việc cung cấp dịch vụ, hoạt động CTXH trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT nói chung và tại huyện Sóc Sơn nói riêng cần có sự phối hợp liên ngành của các bộ ngành, các cấp chính quyền, các tổ chức đoàn thể, các tổ chức xã hội...và đặc biệt là sự chủ động tham gia của bản thân PNKT.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở phân tích thực trạng các hoạt động CTXH trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT, Trong chương 3, tác giả đã nêu một số định hướng và biện pháp đảm bảo việc cung cấp các hoạt động CTXH trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT được thực hiện hiệu quả hơn. Tác giả cũng đã trình bày một số định hướng cơ bản bao gồm xác định ưu tiên, bố trí nguồn lực, xây dựng chính sách và kế hoạch hành động mang tính cá biệt hóa cho PNKT, từng địa phương, xây dựng và phát triển các mô hình CTXH trong hỗ trợ việc làm dành riêng đối với PNKT, nâng cao và phát triển dạy nghề cho PNKT, phát triển CTXH trong hỗ trợ PNKT tiếp cận và duy trì, phát triển việc làm, tự tạo việc làm; tăng cường các hoạt động CTXH với gia đình, cộng đồng xung quanh PNKT; thúc đẩy các hoạt động quản lý, giám sát, lượng giá và trách nhiệm giải trình đối với các hoạt động CTXH tạo môi trường pháp lý và hành chính thuận lợi để thu hút sự tham gia của khu vực phi nhà nước, phi lợi nhuận.....Để PNKT có việc làm tốt, phù hợp với đặc điểm, nhu cầu, tình trạng hoàn cảnh, sức khỏe ổn định, bền vững đòi hỏi phải thực hiện kết hợp, tổng thể các biện pháp trên một cách linh hoạt, chủ động và tích cực.

KẾT LUẬN CHUNG

Nói tóm lại, mục tiêu cuối cùng của các hoạt động, dịch vụ Công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT là nâng cao giá trị của mỗi PNKT, giúp họ tự tin, hòa nhập, có việc làm phù hợp và trở thành những thành viên có ích trong xã hội. PNKT có nhiều đặc điểm khác nhau song vẫn có 1 số nét tiêu biểu, đặc trưng cho tình trạng PNKT như là: độc thân, mẹ đơn thân, độc thân, ly thân, góa, Các yếu tố này gắn thêm các yếu tố như trình độ học vấn thấp, thiếu năng lực, thiếu đào tạo chuyên môn, việc làm không ổn định, thái độ thụ động, chấp nhận số phận đã làm hạn chế cơ hội tiếp cận, duy trì việc làm bền vững. Mặc dù trong những năm gần đây hoạt động CTXH trong hỗ trợ việc làm của PNKT tại huyện Sóc Sơn có nhiều ưu điểm và đã được cải thiện đáng kể, song vẫn còn tồn tại một số hạn chế yếu, thiếu và kém. Để giúp PNKT có thể tiếp cận và duy trì việc làm bền vững thì cần có sự phối hợp đa ngành trong đó có vai trò quan trọng của CTXH. Cần thực hiện linh hoạt, chủ động và tích cực các biện pháp thúc đẩy hoạt động CTXH trong hỗ trợ việc làm tại huyện Sóc Sơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Điều phối các hoạt động hỗ trợ người tàn tật Việt Nam (2010), *Báo cáo năm 2010 về hoạt động hỗ trợ người khuyết tật Việt Nam*, Hà Nội
2. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội 2009, *Báo cáo tổng kết tình hình thi hành Pháp lệnh về người tàn tật và các văn bản liên quan*
3. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, VNAH, CRS (2015), *Dạy nghề/việc làm đối với người khuyết tật ở Việt Nam, Chính sách và thực tiễn*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội 2015
4. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, USAID, VNAH (2013); *Hướng dẫn quy trình cung cấp dịch vụ phục hồi chức năng lao động và việc làm cho người khuyết tật*.
5. Bộ Kế hoạch Đầu tư và Tổng Cục thống kê (2014), “*Báo cáo điều tra lao động việc làm quý 2 năm 2014*”; Hà Nội.
6. Chi hội phụ nữ khuyết tật huyện Sóc Sơn, *Báo cáo hoạt động năm 2016 của Chi hội phụ nữ khuyết tật huyện Sóc Sơn*.
7. Chính phủ (2012); *Nghị định 46/2012/NĐ-CP*
8. Đại hội đồng Liên hợp quốc (2017); *Công ước về quyền của Người khuyết tật*
9. Hợp tác xã Trái tim hồng, *Báo cáo kết quả hoạt động năm 2016 nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh năm 2017*.
10. International Labour Organization 2008, *Count us in!*
11. Le Bach Duong, Khuat Thu Hong & Nguyen Duc Vinh 2008, *People with disabilities in Vietnam: Findings from a social survey at Thai Binh, Quang Nam, Da Nang and Dong Nai*, National Political Publishing House, Hanoi.

12. Liên Hiệp Các Hội Khoa Học & Kỹ Thuật Tỉnh Hòa Bình (2015), *Đánh giá chất lượng và hiệu quả thực hiện Luật người khuyết tật ở tỉnh Hòa Bình qua tham vấn ý kiến của người dân và đề xuất giải pháp*
13. Bùi Thị Xuân Mai (2014), *Nhập môn CTXH*, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội năm 2014
14. Lê Hải Thanh, *Công tác xã hội đại cương*, Nhà xuất bản ĐHQG Tp HCM năm 2011
15. Ngô Thị Bích Phượng (2013), *Hoạt động tạo việc làm cho người khuyết tật tại huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình*
16. Phùng Thị Yên, VNAH (2014); *Nghiên cứu tỷ lệ gắn kết với công việc của người lao động khuyết tật*; Hà Nội năm 2014
17. Phùng Thị Yên, VNAH (2014); *Báo cáo đánh giá cuối kỳ chương trình phục hồi chức năng lao động cho người khuyết tật*
18. Quốc hội Việt Nam 2010, *Luật Người khuyết tật*
19. Quốc hội Việt Nam 1994, *Luật Lao động*
20. Quốc hội Việt Nam 2006, *Luật dạy nghề*
21. Quốc hội Việt Nam 1992, *Hiến pháp*
22. Quyết định số 1019/QĐ-TTg dated 05/8/2012 Hỗ trợ người khuyết tật giai đoạn 2012 đến 2020
23. Tổng cục dạy nghề, “*Báo cáo khảo sát dạy nghề và giải quyết việc làm đối với người khuyết tật*”; Hà nội, tháng 6/2015
24. Tổ chức Lao động quốc tế, *Báo cáo khảo sát về đào tạo Nghề và Việc làm cho người khuyết tật tại Việt Nam năm 2018*
25. Trần Văn Kham, TS, Trường ĐH KHXH&NV-ĐHQG Hà Nội, *Việc làm cho người khuyết tật: Một số cách tiếp cận*; TP Hồ Chí Minh 2011
26. Sở Lao động- Thương binh và xã hội Hà Nội, *Tài liệu tập huấn nghiệp vụ công tác xã hội*, Hà Nội 2016

27. VNAH, USAID, Trường đại học lao động xã hội, *Công tác xã hội với người khuyết tật*, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội năm 2014
28. VNAH (2014), *Khảo sát tỷ lệ người lao động khuyết tật nghỉ việc tại Hà Nội, Đồng Nai và Đà Nẵng năm 2014*
29. Viện Nghiên cứu Phụ nữ, *Điều tra cơ bản thực trạng và phương hướng hỗ trợ phụ nữ khuyết tật trong đào tạo nghề, việc làm và chăm sóc sức khỏe năm 2012*

PHIẾU PHÒNG VẤN CÁ NHÂN

Kính thưa Ông/Bà,

Tôi tên là Nguyễn Thị Ánh, hiện nay tôi đang tiến hành khảo sát để làm luận văn với đề tài: “Công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với phụ nữ khuyết tật tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội”.

Để tìm hiểu thực trạng và đề xuất phương hướng, giải pháp thúc đẩy hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với phụ nữ khuyết tật tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, ý kiến của ông/bà rất hữu ích. Xin Ông/Bà vui lòng trả lời tất cả các câu hỏi dưới đây. Tôi xin đảm bảo mọi thông tin mà ông/bà cung cấp sẽ được giữ kín dưới dạng khuyết danh và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Xin chân thành cảm ơn Ông/Bà!

1. Xã/Phường:
2. Huyện/Quận:.....
- .
3. Tỉnh/Thành phố:
4. Ông/Bà là: 1. Người khuyết tật 2. của người khuyết tật
5. Ngày, tháng, năm lập phiếu: năm 2017

A. THÔNG TIN VỀ PHỤ NỮ KHUYẾT TẬT

1. Năm sinh:
2. Dân tộc: 1. Kinh. 2. Khác (ghi rõ):
.....
3. Tình trạng hôn nhân:
 1. Chưa lập gia đình 2. Đang chung sống với vợ/chồng 3. Ly hôn
 4. Ly thân 5. Góa 6. Mẹ đơn thân
 7. Khác:
4. Lớp học cao nhất đạt được (ghi cụ thể):
5. Trình độ chuyên môn:
 1. Không có trình độ chuyên môn 2. Sơ cấp 3. Trung cấp
 4. Cao đẳng, đại học 5. Trên đại học

6. Khác:

6. Dạng khuyết tật:

- | | |
|------------------------|------------------------------------|
| 1. Khuyết tật vận động | 2. Khuyết tật nghe, nói; |
| 3. Khuyết tật nhìn; | 4. Khuyết tật thần kinh, tâm thần; |
| 5. Khuyết tật trí tuệ; | |
| 6. Khác: | |

Nếu phụ nữ khuyết tật là người khuyết tật trí tuệ hoặc khuyết tật thần kinh không nhận thức được hoặc không học tập, lao động được thì dùng phỏng vấn phụ nữ khuyết tật, chuyển sang phỏng vấn người thân của phụ nữ khuyết tật về những vấn đề sau đây.

7. Các hỗ trợ và mức độ hỗ trợ ... đã nhận?

Các hỗ trợ	a. Được nhận không?	b. Mức độ nhận hỗ trợ					c. Cá nhân, tổ chức hỗ trợ
	Có	1. Thường xuyên	2. Một vài lần	3. Hàng quý	4. Hàng năm	5. Khác (ghi rõ)	
1. Tiền/các loại vật chất khác							
2. Tinh thần (động viên, an ủi..)							
3. Giúp đỡ chăm sóc							
4. Khám, chữa bệnh							
5. Dụng cụ phục hồi chức năng							

6.Đào tạo nghề							
7.Giới thiệu việc làm							
8.Khác:							

B. VẤN ĐỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CỦA PHỤ NỮ KHUYẾT TẬT

1. ... đã được đào tạo nghề chưa?

1. Chưa được đào tạo (*trả lời tiếp câu 2, bỏ qua câu 3, 4 và 5*)

2. Đã được đào tạo (*chuyển câu 3*)

2. Nếu chưa được đào tạo nghề, xin cho biết lý do:

- | | |
|--------------------------------------|--------------------------------|
| 1. Không được thông báo; | 5. Không có khả năng tiếp thu; |
| 2. Không phải là đối tượng được học; | 6. Học phải đóng tiền; |
| 3. Học cũng không để làm gì; | 7. Không có lớp học phù hợp |
| 4. Không thích tham gia; | 8. Khác: |

3. Nếu ... đã được đào tạo nghề, nghề đã được đào tạo là gì và hiện có làm nghề đó không?

<i>Loại nghề</i>	<i>1. Thời gian học</i>	<i>2. Cơ quan tổ chức thực hiện</i>	<i>3. Hỗ trợ nhận được</i>	<i>4. Hiện nay có làm nghề này không (1. Có 2. Không)</i>	<i>5. Lý do hiện nay không làm nghề này (chọn nhiều lý do)</i>
a.Nấu ăn					
b.Thêu, đan, dệt, may					
c.D/vụ c/sóc sắc đẹp, sức khỏe					
d.Nghề thủ công					
e.Tin học					
g. Giáo viên					
h.Khác:.....					

Mã câu 3.1: 1) < 3 tháng; 2) 3 - < 6 tháng; 3) 6 - 12 tháng; 4) > 12 tháng

Mã câu 3.2: 1) Nhà nước; 2) Tổ chức phi chính phủ trong nước; 3) Tổ chức phi chính phủ nước ngoài;

4) Tự học ở nhà; 5) Tổ chức tư nhân; 6) Khác:

Mã câu 3.3: 1) Hỗ trợ tiền học; 2) Hỗ trợ tiền ăn, ở; 3) Sách, vở; 4) Tạo việc làm sau khi học;

5) Khác:

Mã câu 3.5: 1) Nghề được đào tạo không phù hợp với địa phương; 2, Địa phương có nhiều người làm

nghề này; 3) Không xin được việc từ nghề đã được đào tạo ; 4) Gia đình không đồng ý làm nghề này; 5) Đã học nghề nhưng chưa đủ kiến thức, kỹ năng hành nghề; 6) Không có vốn, mặt bằng để mở nghề; 7) Làm nghề khác thu nhập tốt hơn; 8) Bản thân không muốn làm nghề này; 9) Không đủ sức khỏe để làm; 10) Môi trường, điều kiện làm việc không phù hợp; 11) Khác (ghi rõ):.....

4. Những khó khăn ... gặp phải khi tham gia đào tạo nghề?

1. Không gặp khó khăn gì (chuyển câu 6)
2. Đi lại khó khăn, thiếu phương tiện phù hợp
3. Giao tiếp với giáo viên/bạn cùng lớp
4. Bản thân mặc cảm, tự ti
5. Tham gia vào các hoạt động chung ở trường
6. Cơ sở vật chất nơi đào tạo không phù hợp với điều kiện cá nhân
7. Giáo viên thiếu kỹ năng dạy người khuyết tật
8. Bạn cùng học chế nhạo, trêu chọc và coi thường
9. Giáo viên phân biệt đối xử
10. Gia đình không khuyến khích/ủng hộ
11. Khác:

.....

5. Cần có các biện pháp nào để khắc phục được những khó khăn mà ... gặp phải khi tham gia đào tạo nghề?

.....

.....

.....

.....

C. VIỆC LÀM CỦA PHỤ NỮ KHUYẾT TẬT

1. Tình trạng việc làm của ...?

1. Hiện đang đi làm (bao gồm cả có việc làm và thu nhập hàng tháng, thỉnh thoảng tham gia vào các hoạt động có thu nhập)
2. Đã từng đi làm (***chuyển câu 9***)
3. Chưa bao giờ đi làm (***chuyển câu 12***)

DÀNH CHO PHỤ NỮ KHUYẾT TẬT HIỆN ĐANG CÓ VIỆC LÀM

(Tại địa phương anh/chị ngành nghề nào phù hợp với anh chị để có thu nhập thường xuyên?)

2. Nếu hiện đang đi làm, ... làm nghề gì? (nghề chiếm nhiều thời gian nhất):

.....

3. Hiện nay ... làm việc tại đâu?

- | | |
|---------------------------------|------------------------------------------|
| 1. Tự làm tại nhà
nhà nước | 4. Tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh |
| 2. Làm thuê cho hộ khác
nhân | 5. Tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh tư |
| 3. Tại Hội của người khuyết tật | 6. Khác: |

4. Các tiêu chí sau tại cơ sở cung cấp việc làm cho lao động nữ khuyết tật được thực hiện như nào?

Các tiêu chí	a. Mức độ hợp lý			b. Lý do
	1.Hợp lý	2. Hợp lý một phần	3. Không hợp lý	
a.Chế độ thai sản theo quy định của pháp luật				
b.Trả đủ lương theo đúng hợp đồng/ thỏa thuận				
c.Các hỗ trợ khác (cụ thể):				

5. ... hài lòng với công việc hiện nay của mình như thế nào?

1. Hài lòng 2. Hài lòng một phần 3. Không hài lòng

5.1. Nếu anh chị chọn **Hài lòng**, xin cho biết lý do:

.....

.....

.....

.....

5.2. Nếu....chọn **Hài lòng một phần**, xin cho biết lý do:

.....

.....

.....

.....

5.3. Nếu...chọn **Không hài lòng**, xin cho biết lý do:

.....

6. Điều kiện làm việc của..... hiện nay như thế nào?

1. Tốt

2. Tạm được

3. Không tốt

6.1. Nếu anh chị chọn **Tốt**, xin cho biết lý do:

.....

6.2. Nếu...chọn **Tạm được**, xin cho biết lý do:

.....

6.3. Nếu...chọn **Không tốt**, xin cho biết lý do:

.....

7. Thời gian ... dành cho nghề (việc làm) tạo thu nhập:giờ/tuần

8. gặp những khó khăn gì trong công việc hiện nay? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

- | | |
|---------------------------------------|------------------------------------------|
| 1. Không có khó khăn | 10. Công việc không phù hợp với sức khỏe |
| 2. Không có tay nghề | |
| 3. Trình độ, kinh nghiệm chưa đáp ứng | 11. Bị trả lương thấp hơn người |

- | | |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| yêu cầu công việc | khỏe mạnh |
| 4. Trang thiết bị nơi làm việc không phù hợp với người khuyết tật | 12. Công việc mang lại thu nhập thấp |
| 5. Điều kiện làm việc không đảm bảo sức khỏe, an toàn lao động | 13. Đi làm xa, vất vả |
| 6. Thời gian làm việc kéo dài, bó buộc | 14. Môi trường làm việc không thoải mái |
| 7. Ngoại hình không thuận lợi khi giao tiếp | 15. Công việc nặng nhọc |
| 8. Công việc không phù hợp với sở thích | 16. Công việc buồn chán, đơn điệu |
| 9. Công việc không phù hợp chuyên môn | 17. Công việc căng thẳng |
| | 18. Các công trình công cộng đảm bảo cho lao động khuyết tật tiếp cận |
| | 19. Khác
(ghi rõ)..... |

Chuyển câu 14

DÀNH CHO PHỤ NỮ KHUYẾT TẬT ĐÃ TỪNG ĐI LÀM

10. Trước kia, ... làm nghề gì (ghi cụ thể công việc làm gần đây nhất):

.....
.....

11. ... bỏ việc hay mất việc?

1. Bỏ việc

2. Mất việc

12. Lý do ... bỏ việc hoặc mất việc?

1. Mặc cảm

4. Hiệu quả công việc thấp

7. Công việc

không phù hợp kiến thức, tay nghề...

2. Lương thấp

5. Kỳ thị/phân biệt đối xử

8. Bị chủ

lao động sa thải, cho thôi việc

3. Đi lại khó khăn

6. Nghỉ theo chế độ

9. Công việc

không phù hợp với sức khỏe

10. Khác:

DÀNH CHO PHỤ NỮ KHUYẾT TẬT CHƯA BAO GIỜ ĐI LÀM

13. Lý do ... chưa bao giờ đi làm? (có thể chọn nhiều phương án trả lời)

1. Sức khỏe không đảm bảo
 2. Bị đối xử kỳ thị, xa lánh
 3. Bị chủ lao động từ chối
 4. Không tìm được việc làm phù hợp
 5. Thiếu phương tiện đi lại phù hợp
 6. Bản thân mặc cảm, tự ty
 7. Tay nghề không đáp ứng được đòi hỏi/yêu cầu của công việc
 8. Gia đình không muốn cho đi làm
 9. Khác:
-

DÀNH CHO TẤT CẢ PHỤ NỮ KHUYẾT TẬT:

14. Các biện pháp nào dưới đây giúp ... khắc phục được những khó khăn trong tìm kiếm việc làm?

- | | |
|---------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| 1. Được hỗ trợ giới thiệu/tạo việc làm | 5. Cần đào tạo thêm, nâng cao tay nghề |
| 2. Được vay vốn ưu đãi | 6. Cố gắng thể hiện giá trị bản thân |
| 3. Tìm phương tiện hỗ trợ | 7. Tìm một công việc phù hợp khác |
| 4. Chia sẻ kinh nghiệm với người bị khuyết tật tương tự | 8. Khác (ghi rõ)..... |
| | 9. Không làm gì |

15. Nhu cầu của ... trong hỗ trợ việc làm?

- | | |
|----------------------------|-----------------------------------|
| 1. Học nghề | 4. Cung cấp thông tin về việc làm |
| 2. Giới thiệu/tạo việc làm | 5. Không kỳ thị phân biệt đối xử |
| 3. Được vay vốn ưu đãi | 6. Khác: |
-

D. VẤN ĐỀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỦA PHỤ NỮ KHUYẾT TẬT

(Dành cho phụ nữ khuyết tật đã từng đi làm hoặc đang có việc làm)

1. Sức khỏe của...có đáp ứng được yêu cầu của công việc hiện tại?

1. Hoàn toàn 2. Một phần 3. Không đáp ứng được

2. Tại nơi...làm việc có tủ thuốc sơ cứu không?

1. Có 2. Không

3. Tại nơi ...làm việc có nhân viên y tế không?

1. Có 2. Không

4. Tại nơi làm việc ... gặp những khó khăn gì khi tiếp cận các dịch vụ y tế?

- | | |
|-------------------------------|-----------------------------------|
| 1. Không có khó khăn | 2. Nhân viên y tế không tận tình |
| 3. Kỳ thị và phân biệt đối xử | 4. Trang thiết bị y tế thiếu thốn |
| 5. Khác:..... | |

E. DỊCH VỤ CÔNG TÁC XÃ HỘI

1. Các loại hình dịch vụ công tác xã hội về vấn đề việc làm của phụ nữ khuyết tật...đã sử dụng?

<i>Các mức độ sử dụng</i>	<i>1.Thường xuyên</i>	<i>2.Thỉnh thoảng</i>	<i>3.Hiếm khi</i>	<i>4.Không bao giờ</i>	<i>5.Không thích hợp</i>	<i>Đơn vị Cung cấp dịch vụ</i>
<i>Các loại hình</i>						
Tư vấn học nghề						
Tư vấn việc làm						
Tư vấn, trợ giúp pháp lý						
Vay vốn						
Hỗ trợ nơi ở						
Khác						

2. Theo anh chị, các dịch vụ ctxh mà anh chị sử dụng có ưu điểm gì?

<i>Đánh giá</i>	<i>1.Uưu điểm</i>	<i>2.Nhược điểm</i>
<i>Các loại hình</i>		
Tư vấn học nghề		
Tư vấn việc làm		
Tư vấn, trợ giúp pháp lý		
Vay vốn		
Hỗ trợ nơi ở		
Khác		

3. Theo anh chị lĩnh vực công tác xã hội với phụ nữ khuyết tật nào cần cải thiện chất lượng? Và, cải thiện theo hướng nào?

1. Tư vấn học nghề

.....
.....
.....

2. Tư vấn việc làm

.....
.....
.....
.....
.....

Tư vấn, trợ giúp pháp lý

.....
.....
.....
.....
.....

Vay vốn

.....
.....
.....
.....
.....

Hỗ trợ nơi ở

.....
.....
.....
.....
.....

G. NGUYỄN VỌNG, ĐỀ XUẤT

1. ... muốn được Nhà nước giúp đỡ như thế nào về những vấn đề dưới đây?

a) Vấn đề đào tạo nghề:

.....
.....
.....
.....
.....

Vấn đề việc làm:

.....
.....
.....
.....
.....

Vấn đề chăm sóc sức khỏe tại nơi làm việc:

.....
.....
.....
.....
.....

b) Lĩnh vực khác :

.....
.....
.....
.....

2. muốn được địa phương giúp đỡ như thế nào về những vấn đề dưới đây?

Vấn đề đào tạo nghề:

.....
.....
.....
.....
.....

c) Vấn đề việc làm:

.....
.....
.....
.....
.....

d) Vấn đề chăm sóc sức khỏe tại nơi làm việc:

.....
.....
.....
.....
.....

e) Lĩnh vực khác

.....
.....
.....
.....
.....

Xin chân thành cảm ơn Ông/Bà!

HƯỚNG DẪN PHÒNG VẤN SÂU

ĐỀ TÀI: CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ VIỆC LÀM ĐỐI VỚI PHỤ NỮ KHUYẾT TẬT TẠI HUYỆN SÓC SƠN

1. Cán bộ thực hiện CTXH:

- Đặc điểm công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm của PNKT trên địa bàn huyện Sóc Sơn như nào?

- Tình hình, thực trạng công tác thực hiện công tác xã hội trong hỗ trợ việc làm đối với PNKT?

- Có những hoạt động, dịch vụ nào?

- Cách thức thực hiện, quy trình cung cấp các dịch vụ CTXH cho PNKT như thế nào?

- Trình độ, chất lượng, số lượng cán bộ chuyên môn CTXH: Kiến thức, kỹ năng

- Công tác tổ chức, thực hiện, quản lý các dịch vụ CTXH

- Hiệu quả ra sao?

- Đã chất lượng hay chưa?

- Thuận lợi, khó khăn gì?

- Tồn tại gì?

- Định hướng, giải pháp gì?

- Kiến nghị gì?

1. Doanh nghiệp

- Các hoạt động cung cấp dịch vụ CTXH hướng đến việc làm của PNKT tại huyện Sóc Sơn là gì?

- Cách thực hiện ra sao?

- Thuận lợi, khó khăn, tồn tại gì?

- Hướng cải thiện, hỗ trợ: bản thân người KT, doanh nghiệp, các đơn vị ban ngành đoàn thể

- Đánh giá tổng thể

- Đề xuất, kiến nghị?